

HỘI KIỀU HỌC VIỆT NAM



# KIỀU HỌC VIỆT NAM

BỘ MỚI

**SỐ: 01/6.2026**

LƯU HÀNH NỘI BỘ  
HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2026

# KIỀU HỌC VIỆT NAM

BỘ MỚI  
SỐ: 01/6.2026

**CHỈ ĐẠO**  
**BAN THƯỜNG VỤ**  
**HỘI KIỀU HỌC VIỆT NAM**

**CHỦ TỊCH**  
**NHÀ VĂN, TS Nguyễn Quốc Luân (Nguyễn An)**

**BAN BIÊN TẬP**  
**Trưởng Ban: PGS.TS Đoàn Lê Giang (PCT HỘI)**  
**Phó Trưởng Ban: NNC Vũ Ngọc Khôi (PCT HỘI)**

**Ủy viên**  
**NNC Đỗ Trung Minh (PCT HỘI)**  
**NNC Đinh Thiên Hương (UVTV Trưởng Ban KT)**  
**TS Lương Thế Anh (Phó Chánh Văn phòng Hội)**  
**\*Trị sự: Lương Thế Anh, Nguyễn Thị Lâm Hảo**

Email: kieuhocvn.@gmail.com  
Web: *Hội Kiều học Việt Nam.*  
Tài khoản: **VCB 1063590676**  
Toà soạn - Trị sự: 46a/132 Đường Cầu Giấy, Hà Nội

**Giá 87.000 đ**

# TRONG SỐ NÀY

## Tiêu điểm

- 2** Phát huy di sản của Nguyễn Du góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam - *TS. NV. Nguyễn Quốc Luân*
- 7** Hội Kiều học Việt Nam: Nhiều hoạt động khởi sắc từ sau Đại hội III...  
*ThS. Đỗ Trung Minh*

## Nghiên cứu

- 12** Nguyễn Du thiên tài - Vấn đề đã quen mà còn lạ - *NGND.GS. Nguyễn Đình Chú*
- 18** Sức sống *Truyện Kiều* trong minh triết Hồ Chí Minh - *NNC Vũ Ngọc Khôi*
- 22** Cuộc đời, sự nghiệp và những giá trị mà Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du để lại cho đời  
*ThS. Nguyễn Hải Nam*
- 26** Các bản dịch *Truyện Kiều* của Nguyễn Du ở Nhật Bản... - *PGS.TS Đoàn Lê Giang*
- 36** Xung hô của Thuý Kiều với những người đàn ông duyên - nợ trong đời  
*TS. Nguyễn Thị Thuận*
- 47** Nguyễn Du và hoa trong *Truyện Kiều* - *TS. Cao Ngọc Châu*
- 52** Núi Đàng - Sông quê - Chùa Uyên Trừng và Nguyễn Du - *ThS. Phạm Quang Ái*

## Trao đổi

- 59** Bàn thêm về thể hiện chính tả và phân đoạn (văn bản quốc ngữ) *Truyện Kiều* -  
*NNC. Trần Đình Tuấn*
- 64** Bàn thêm về tinh hoa Thơ lục bát trong *Truyện Kiều* và công việc của người làm Thơ lục bát ngày nay - *ThS. Đỗ Trung Minh*
- 71** Tổ tiên Nguyễn Du - Mối tình đậm chất nhân văn - *NNC Đinh Thiên Hương*

## Sáng tác

- 75** Thơ lục bát về Nguyễn Du - *Truyện Kiều* và lời bình - *Nguyễn Thị Lai, Đỗ Nguyễn, Đinh Ngọc Đẩu, Đỗ Như Trác, Đào Thu Thủy, Đoàn Minh Ngọc, Mai Văn Hoan*
- 86** Chùm thơ về Kiều: *Đoàn Thị Thu Vân, Lê Thu Yến, La Mai Thi Gia*

## Đọc sách

- 89** *Truyện Kiều* tân khảo (4 tập) của BS Trần Văn Nghĩa ở Hoa Kỳ - *PGS.TS. Đoàn Lê Giang*

## Thông tin

- 92** Bói Kiều đầu chỉ ngày xưa - *Nhà thơ Vương Trọng*
- 96** Đặt dấu câu cho *Truyện Kiều* - *Hoàng Hoa*
- 98** Tôi đã học và thuộc *Truyện Kiều* - *Nguyễn Trí Tuệ*
- 100** Người giữ lửa phong trào Kiều học xứ Nghệ - *Trần Công Bổng*
- 102** *Truyện Kiều* với người nước ngoài - *Lê Nguyên Hợp*
- 104** Có thể bạn chưa biết - *Hoàng Khôi, Trần Đình Tuấn*
- 110** Ảnh thông tin thời sự của Hội

## HỘP THƯ



# **PHÁT HUY DI SẢN CỦA NGUYỄN DU GÓP PHẦN XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC**

Tiến sĩ - Nhà văn NGUYỄN QUỐC LUÂN

*Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam*

## **I. Dẫn nhập**

Lịch sử sinh thành và phát triển của văn hóa có thể nói là song song với sự ra đời và tiến triển của loài người. Quá trình đó được sơ khởi từ lời ăn tiếng nói, thói quen sinh hoạt, tập tục hương thôn,... đến hương ước làng xã, rồi ở Việt Nam là bộ luật Hồng Đức (1483)... Cho đến nay, khái niệm văn hóa đã rộng mở rất nhiều, không chỉ bao gồm các phong tục tập quán, nghi lễ nơi thờ phụng, mà văn hóa - cái căn cốt của xã hội còn hiện diện ở hầu hết các lĩnh vực hoạt động của mọi giới chức trong cộng đồng quốc gia, với cả sinh hoạt gia đình.

So với một số hoạt động khác, to lớn như Chính trị, Kinh tài, Quân sự, Ngoại giao, Giáo dục, Y tế, thì văn hóa vẫn có sự trường tồn hơn. Đây chính là một đặc điểm, một thuộc tính tự nhiên của văn hoá. Sự thực này khiến cho văn hóa được xem là hồn cốt của gia đình, dòng họ, của dân tộc, quốc gia. Nền văn hóa tốt đẹp - tất nhiên đã là bệ đỡ, rồi là lực đẩy cho gia đình - dòng tộc - quốc gia vượt qua gian khó mà phát triển.

Văn hóa vững và đẹp thường được dồn tụ, chưng cất thành một số truyền thống như hiếu học, xả thân vì nghĩa, giao lưu thân ái, ứng xử khoan hòa, làm việc chăm chỉ... và cũng hay có trong nhân cách của những danh nhân thuộc các ngành nghề, các lĩnh vực hoạt động xã hội... Họ là những vị như Trần Nhân tông, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du ... và thời chúng ta là Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp ... Các bậc danh gia này vừa là người thực hành văn hóa, vừa là nhà nghiên cứu văn hóa (văn hóa học).

Ngày nay, khoảng cách giữa hoạt động văn hóa và nghiên cứu văn hóa đã được rút ngắn dần. Một sự liên thông - liên kết đã được mở ra, không chỉ trong hệ sinh thái văn hóa Việt mà còn cả văn hóa Việt với văn hoá các nước khác. Sự liên thông này đang tạo ra một sắc diện mới, thành tựu mới, chủ yếu được bắt nguồn từ đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam. Năm 1943, khi chưa giành được chính quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra cương lĩnh xây dựng và phát triển văn hóa của nước Việt Nam



mới - Dân chủ - Cộng hòa - Độc lập - Tự do - Hạnh phúc, là dựa theo ba nguyên tắc *Dân tộc hóa, Khoa học hóa, Đại chúng hóa*.

Đó là hành trang, một số tiền đề thiết yếu để chúng ta tiến hành công việc *phát huy di sản văn hóa Nguyễn Du nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.

## II. Từ quan điểm cụ thể đến thực tế khảo sát di sản văn hóa của Nguyễn Du

1, Chúng ta *phát huy* di sản văn hóa của Nguyễn Du là để thực hiện một công việc quan trọng và cụ thể là đóng góp vào quá trình xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Di sản văn hóa Nguyễn Du gồm một số lượng sáng tác thật lớn, không chỉ kết tinh ở *Truyện Kiều* bất hủ và nhiều áng thơ chữ Nôm, chữ Hán nữa. Di sản văn hóa của Nguyễn Du còn được rút ra từ chính cuộc đời của bậc Đại thi hào - Danh nhân Văn hóa thế giới này, là tư tưởng nhân văn cao cả, là tình yêu Cụ dành cho những người có tài có sắc trong xã hội và cả những người nghèo khổ, bị đối xử bất công ...

Di sản Văn và Đời của Nguyễn Du là sự kế thừa, kết tinh một phần truyền thống văn hóa Việt Nam, trải qua thực tế, lại trở thành tấm gương để mọi người cùng soi và đi theo.

Khi làm công việc *phát huy* và *góp phần* này, cố nhiên, chúng ta nên/cần phải có sự chọn lựa những thành tố nào cho phù hợp với khả năng và tình hình - bối cảnh chung/riêng.

2, Từ sự khảo sát và nghiên cứu thực tế, chúng tôi đề xuất: việc *phát huy di sản văn hóa Nguyễn Du để góp phần xây dựng văn hóa Việt Nam* hiện thời, nên lấy tư liệu chính là tập thơ *Truyện Kiều*, một bản trường ca bất tuyền bất hủ của Đại thi hào.

Dăm bảy chục năm trước đây tư liệu nghiên cứu *Truyện Kiều* phần lớn là các bản *Truyện Kiều* được truyền tụng trong dân gian, được in ấn bởi các nhà khảo cứu. Bên cạnh các bản *Truyện Kiều* này có một số tài liệu nữa là một số cuốn Từ điển *Truyện Kiều*, các sách và tiểu luận khoa học bàn về *Truyện Kiều* hoặc các chuyên khảo về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* tại các trường đại học...

Gần đây, khối tư liệu liên quan đến công việc tìm hiểu di sản văn hoá của Nguyễn Du ngay trong một *Truyện Kiều* cũng đã phong phú hơn trước.

*Truyện Kiều* của Nguyễn Du được sân khấu hóa qua các hình thức như ca trù, hát then, cải lương, bài chòi, quan họ và các điệu ru... tại các vùng / miền thật khác lạ về phong tục, cảnh quan.

Các nghệ sĩ cũng tạc tượng, vẽ tranh về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*. Không những thế tập thơ - *Truyện Kiều* này của Đại thi hào - Danh nhân văn hóa Nguyễn Du cũng được dựng thành các vở kịch theo phong cách kịch thơ hoặc kịch nói..., được trở thành tác phẩm điện ảnh... Tất cả, đều tạo ra sự hấp dẫn cho nhiều tầng lớp công chúng.

Bên cạnh đó, *Truyện Kiều* còn được nhiều người dùng làm tư liệu để luận đời, để bói kiều. Trong các cuộc tiếp đón hội hè, người Việt chọn các lời, các câu thơ Kiều mà dựng



thành các đoạn hỏi - đáp, chào đón để làm quen. Một số chính khách (như mấy vị Tổng thống Hoa Kỳ) cũng lấy thơ Kiều như tổ tiên người Việt... Như thế, *Truyện Kiều* đã hội nhập tự nhiên và hoạt động giao tiếp thật ý nhị và tinh tế vậy.

Việc điểm qua sự có mặt của *Truyện Kiều* trong đời sống thật sự là phong phú bội phần so với nhiều tác phẩm văn chương (trong và ngoài nước) như trên, bước đầu, cũng giúp chúng ta có cơ sở thực tiễn để đưa ra một tổng kết, một luận đề là: chỉ có những tác phẩm cô đúc được, khái quát được cuộc sống phức tạp như *Truyện Kiều* thì mới có được sức sống và sự lan tỏa văn hóa - nghệ thuật thực sự rộng rãi và bền vững

3, Đã và sẽ còn có nhiều nội dung và cách thức để phát huy tinh hoa văn hóa Việt của *Truyện Kiều* mà tựu trung là cần phải bắt đầu từ việc đọc thêm, đọc kỹ các tác phẩm này. Đến với *Truyện Kiều*, bạn đọc bình dân được tiếp xúc, chia sẻ với biết bao nhiêu tình huống của cuộc đời: tình yêu tuổi trẻ, chia ly và thương nhớ, cay đắng và nhục nhã... Rồi vút lên từ đó là những dòng thơ như tổng kết về một loại người.

*Một ngày lạ thói say nha  
Làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền!*

hoặc là tổng kết về nhân quần thể thái:

*Trăm năm trong cõi người ta,  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*

nữa là:

*Ngẫm hay muôn sự tại trời.  
Trời kia đã bắt làm người có thân,  
Bắt phong trần, phải phong trần  
Cho thanh cao mới được phần thanh cao*

Xen vào những dòng luận người luận đời ấy là những câu cũng khái quát, hàm ý khuyên bảo:

*Có tài mà cậy chi tài,  
Chữ tài liền với chữ tai một vần*

hoặc là:

*Thiện căn ở tại lòng ta,  
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*

rồi ngay giữa những câu thơ ngỡ như miên man về tình cảnh của Thúy Kiều, cũng là nhiều kiếp nhân sinh, nhà thơ lại của cảm thán:

*Nghĩ đời mà ngán cho đời  
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen*

Nhân dịp 6/8 này mà chợt nhớ đến câu mô tả sắc đẹp của Thúy Kiều “*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*”, bạn đọc càng quý phục khi Thi hào lại viết “*Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều*”. Ấy là Cụ vừa tổng thật sắc sảo vừa khuyến khích, động viên phải không?

Người đọc lâu nay và mai sau chắc còn có thể nói: *Truyện Kiều* hàm chứa một khả năng tổng hợp, khái quát không chỉ phù hợp với bình dân mà với cả những ai ai còn băn khoăn, trăn trở. Họ và chúng ta được Nguyễn Du thiên tài truyền cho trí tuệ - hiểu biết, truyền cho cả tình thương yêu, thông cảm mà vững bước giữa đời, với đời.

4, Trong 3254 câu thơ *Truyện Kiều*, có lẽ những câu kể lại các cuộc tình yêu ngắn của Thúy Kiều với Kim Trọng, Thúc Sinh và Từ Hải là những câu Nguyễn Du tự thể hiện được thật nhiều, thật thấm thiết khỏi tình yêu đời, nâng niu đời và bênh vực đời rõ nhất.

Khi dựng / tả lại các cuộc tình đó, hình như nhà thơ đã tươi trở lại, như trầm lắng hơn, ưu tư hơn và cũng có lúc hả hê hơn. Đó là những dòng thơ khiến cho tác phẩm này mãi mãi hiện lên vẻ đẹp sáng trong, vững bền của cả trí tuệ - tư tưởng cùng tình cảm thống thiết, nồng nàn trong ngôn từ. Hình ảnh, nhịp điệu ở đây của những câu thơ này thật hài hòa.

Xin được dừng lại một lúc với trường đoạn Thúy Kiều và Từ Hải.

Tiểu đoạn đầu hai người gặp nhau, là trai tài gái sắc, Từ Hải như không nghĩ đến những ngày đã qua của Thúy Kiều. Họ tri ngộ và cảm mến nhau.

Tiểu đoạn tiếp theo thứ nhất, nghe vợ kể lại một phần đời đã trải và muốn đền ơn đáp nghĩa với “*Chút còn ân ái, đôi đường chưa xong*” thì Từ Hải đã “*Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang*”... Tiểu đoạn tiếp theo thứ 2, Từ Hải để vợ tùy nghi trả ơn những người đã có nghĩa với mình; đồng thời xử bọn gian ác, bạc tình và với Hoạn Thư ghê gớm, ghen tuông.

Tiểu đoạn kết, Từ Hải chết oan ức giữa trận vì mắc mưu Hồ Tôn Hiến gian xảo. Thúy Kiều đau đớn tột cùng, gieo mình tự vẫn.

Quả thật chúng ta đã như quên hết xung quanh mà chỉ để mặc cho tâm trí mình được thơ Kiều cuốn hút, phải không? Ai cũng mừng cho Thúy Kiều, cũng khâm phục Từ Hải, rồi xót thương, đau đớn cái kết cục của cả cặp anh hùng thuyền duyên này.

Thần thờ gấp sách lại, vài trăm năm nay đã có bao nhiêu người đọc *Truyện Kiều* hỏi nhau: trong đời đã có nhiều người được toại nguyện rồi tan tác như Từ Hải và Thúy Kiều rồi? Hay đây chỉ là một giấc mơ? Tôi nghĩ đó là một giấc mơ về việc thực thi quyền sống của con người do cụ Nguyễn Tiên Điền dựng lên, rằng đầu bị đọa đầy vui đập thì người có đức, có tài, lại có nhan sắc - họ là hoa của chúng sinh, ắt sẽ được mở mày mở mặt với đời để thực thi công lý, làm sáng rõ đạo nghĩa nhân sinh; rằng người có khát vọng tự do đã được thành tựu mà “*Trái tim làm chỗ để lên đầu*” (thơ Tố Hữu), như An Dương vương và Mị Châu thuở xưa thì thảm cảnh lại xảy ra, khó mà cứu vãn được.

Vừa gieo vào lòng con cháu muôn đời một khát vọng, một ước mơ, lại nhắc nhân quần về một sự tình tảo cần thiết, đó chính là tư tưởng nhân văn cao cả của tác giả *Truyện Kiều*.

Tình tảo thì đúng mực hơn khi Thúy Kiều nghe Hoạn Thư trình bày rằng: “*Tôi chút phận đàn bà...*”, Thúy Kiều - cũng chính là Nguyễn Du đã tự nghĩ: “*Tha ra thì cũng may đời,/ Làm ra mang tiếng con người nhỏ nhen*”. Kết quả Hoạn Thư thoát tội. Trong ngàn năm Bắc thuộc và cho đến hôm nay, người Việt đã ứng xử với kẻ thù của mình, của dân tộc



ra sao? Tôi không chắc là dân ta đã nhớ hết câu chữ - tâm tình mẫn tiệp của Nguyễn Du, tôi chỉ muốn cho rằng khi dừng lại đoạn Thúy Kiều xử Hoạn Thư này, tác giả *Truyện Kiều* đã vẩy bút theo tâm thức người Việt muôn đời. Nhà thơ thiên tài đã thấm nhuần đạo làm người của người Việt Nam, nên *Truyện Kiều* của Cự chính là tiếng lòng, là tâm sự của văn hóa Việt. Rồi liền theo đó, tấm lòng cùng trí tuệ qua “tay họa vắn” điêu luyện của Cự - như một sự kết tinh trọn vẹn, hoàn hảo, văn hóa Việt lại đã được nâng cao lên hơn.

*Truyện Kiều* là một áng văn chương, không chỉ có giá trị về nghệ thuật làm thơ thuần Việt, kể chuyện đời của lớp bình dân, trung lưu là chính, thì cũng đậm tình cảnh Việt thuở xưa. Vậy là nhờ vào tư tưởng nhân văn cao cả trong đó, tác phẩm kiệt xuất này đã thể hiện được khát vọng của dân ta, nỗi niềm của dân ta, đồng thời lại hướng cho người đọc tự suy ngẫm mà ứng xử sao cho trọn đạo nghĩa, có lý có tình.

Trong một tác phẩm *Truyện Kiều* có tác giả, có nhân dân cần lao với cả trí thức chân chính nữa. Qua thời gian, hai thành tố này đã và đang góp phần riêng vào quá trình xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tác phẩm bất hủ này đang có khả năng tạo thêm sự đầy đặn trong hành trang văn hóa của người Việt khi hội nhập vào văn minh nhân loại mà cùng phát triển.



Minh họa của Mạnh Quỳnh, Kim Vân Kiều, Traduct  
français par Nguyễn Văn Vĩnh, Hà Nội,

# HỘI KIỀU HỌC VIỆT NAM: NHIỀU HOẠT ĐỘNG KHỞI SẮC TỪ SAU ĐẠI HỘI NHIỆM KÌ III

ThS. ĐỖ TRUNG MINH

*Phó Chủ tịch Hội Kiều học VN, Trưởng Ban Tổ chức - Nội vụ*

Điểm lại kết quả các mặt tổ chức, hoạt động của Hội từ sau Đại hội nhiệm kì III (2025-2030) để tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, kịp thời nhận diện những hạn chế tồn tại để điều chỉnh, khắc phục; thi đua lập thành tích kỉ niệm 15 năm thành lập Hội Kiều học Việt Nam (2011-2026)

## 1. Nhìn lại thời điểm trước Đại hội nhiệm kì III

### *Thuận lợi*

Đây là thời điểm đất nước bước sang giai đoạn phát triển mới với sự chuyển đổi mạnh về mô hình quản lý nhà nước, mô hình kinh tế đất nước, chủ trương phát triển văn hoá Việt Nam (Nghị quyết 80/NQ-TW của Bộ Chính trị)... Trong đó, tháng 10 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2024/NĐ-CP thay thế các Nghị định trước đây về tổ chức hoạt động và quản lý hội. Để kết thúc nhiệm kì II, Ban Tổ chức Đại hội III và Ban Kiểm tra đã quyết liệt giải quyết dứt điểm một số đơn thư khiếu tố kéo dài của một vài hội viên về lẽ lối làm việc. Vụ Tổ chức phi chính phủ Bộ Nội vụ đã tăng cường chỉ đạo, giúp đỡ trực tiếp, tạo điều kiện để Hội Kiều học Việt Nam (HKH) tổ chức thành công Đại hội nhiệm kì III, giúp Hội ổn định và tiếp tục phát triển. Đó là những thuận lợi cơ bản.

### *Khó khăn*

Bên cạnh nhiều thuận lợi, Hội cũng đứng trước nhiều khó khăn tồn tại. Đó là công tác quản lý Hội chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động và phát triển của Hội; nền nếp hoạt động chung chưa thống nhất. Các đơn vị trực thuộc phần lớn là cán bộ và hội viên cao tuổi, hoạt động nghiên cứu và quảng bá tinh hoa văn hoá Nguyễn Du-Truyện Kiều không đồng đều và thiếu nội lực trong các lối mòn cũ. Số lượng hội viên có xu hướng giảm sút. Nguồn kinh phí phục vụ các hoạt động cơ bản thường xuyên của Hội cạn kiệt.

### **Một số kết quả hoạt động cơ bản của Hội sau Đại hội III**

#### *Chủ trương, giải pháp*

Năm 2025 là năm Kỉ niệm 260 năm ngày sinh (1765-2025); Tưởng niệm 205 năm ngày mất (1820-2025) của Danh nhân Văn hoá Thế giới - Đại thi hào Nguyễn Du, cũng là năm đầu tiên của nhiệm kì mới, TW Hội xác định cần chỉnh trang lại nền nếp quản lý, xóc lại đội ngũ và hoạt động, khẳng định vị thế của Hội nhằm nhanh chóng ổn định và phát triển. BCH TW Hội, Ban Thường vụ Hội đã chọn giải pháp chỉ đạo phù hợp nhất, đó





là công tác Tổ chức Nội vụ phải đi trước một bước, đồng thời mở ra nhiều hướng bút phá trong hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động quảng bá tinh hoa văn hoá Nguyễn Du - *Truyện Kiều* trên phạm vi toàn quốc. Ngay tại Đại hội nhiệm kỳ III (27/3/2025), BCH mới cùng các đơn vị trực thuộc và hội viên toàn quốc đoàn kết thống nhất trong các chương trình kế hoạch hoạt động với khí thế mới; các địa phương có cơ sở tổ chức của Hội đã hỗ trợ nhiệt tình cho các hoạt động của Hội.

### ***Về công tác tổ chức***

Hội Kiều học Việt Nam thực chất đã bước sang trang mới theo đúng các quy định của luật pháp, đảm bảo tính thống nhất dưới sự chỉ đạo của TW Hội. Ngay sau Đại hội, Ban Văn kiện đại hội đã hoàn thiện dự thảo Điều lệ bổ sung và sửa đổi theo Nghị quyết Đại hội, ngày 04/8/2025 Bộ Nội vụ đã có QĐ số 846/QĐ-BNV công nhận Điều lệ Hội (sửa đổi, bổ sung).

Công tác quản lý điều hành được tăng cường và đi vào nền nếp, Chủ tịch Hội TS-Nhà văn Nguyễn Quốc Luân quản lý điều hành chung, chịu trách nhiệm cao nhất trước pháp luật mọi hoạt động của toàn Hội. Chủ tịch thay mặt Ban Thường vụ phân công nhiệm vụ chuyên trách cho các Phó chủ tịch Hội như sau: PGS-TS Đoàn Lê Giang thay mặt TW Hội phụ trách các đơn vị trực thuộc Hội ở miền Nam và công tác nghiên cứu khoa học của Hội; Nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Bảo phụ trách hoạt động văn bản học và tầm nguyên *Truyện Kiều*; Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Khôi làm Tổng Thư ký các hoạt động khoa học; Nhà nghiên cứu Đỗ Trung Minh làm Trưởng Ban Tổ chức - Nội vụ của Hội (bao gồm Văn phòng Hội và Công tác truyền thông); Nhà nghiên cứu Trần Đình Tuấn làm Trưởng Ban Công nghiệp hoá văn hoá Nguyễn Du - *Truyện Kiều*. Chủ tịch, các Phó CT và Trưởng Ban Kiểm tra (Nhà nghiên cứu Đinh Thiên Hương) thực hiện giao ban thường xuyên theo tuần và theo việc, nhằm thống nhất, triển khai, đôn đốc, kiểm tra và duy trì hoạt động Hội trong toàn quốc. Trong thời gian ngắn, Ban Tổ chức - Nội vụ đã tổ chức soạn thảo 3 Quy chế mới và bổ sung sửa đổi 2 Quy chế cũ; đã được Ban Chấp hành thông qua, đưa vào sử dụng 2 Quy chế mới. Thành lập kịp thời 4 nhóm zalo (BCH HKH VNIII; THƯỜNG VỤ HKH VN III, CHỦ TỊCH - CÁC PCT và Giao lưu BCH) đảm bảo tổ chức họp trực tuyến, trao đổi thông tin công tác kịp thời, thường xuyên giao lưu hoạt động; lập Email của Hội ([hoikieuhocvietnam3@gmail.com](mailto:hoikieuhocvietnam3@gmail.com)), tăng cường hoạt động quản lý truyền thông trên trang Website *Hội Kiều học Việt Nam* và các trang zalo công tác của Hội, đồng thời thực hiện đăng nhập *Hệ thống dữ liệu chuyên ngành* của Bộ Nội vụ.

Ban Chấp hành TW Hội đã họp 2 phiên, trong đó có phiên tổng kết năm 2025. Trong tháng 12/2025 đã có 76% đơn vị trực thuộc đã tổ chức tổng kết năm 2025. Cùng với đó, TW hội bổ nhiệm lãnh đạo văn phòng, kế toán, đăng ký lại tài khoản ngân hàng (tài khoản của Hội: *VCB 1063590676*), kiểm tra, thanh lý tài sản văn phòng Hội và chuyển văn phòng TW Hội về địa điểm mới thuận tiện cho hoạt động.

Ban Kiểm tra Hội đã theo sát các lĩnh vực hoạt động chung, tham mưu, giúp Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội kịp thời xử lý các dấu hiệu chưa chuẩn mực. Đến nay Hội vẫn hoạt động đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ.

***Về hoạt động phát triển Hội:***

Trong khoảng thời gian ngắn Hội Kiều học Việt Nam đã phát triển nhanh cả về hội viên và tổ chức trực thuộc. 4 đơn vị mới được thành lập: *Chi hội Kiều học các nghệ sĩ sân khấu TP Hồ Chí Minh, Chi hội Kiều học nhà giáo Hà Nội, Chi hội Kiều học khu vực Cần Thơ, Chi hội Kiều học lục bát Bích Câu Hà Nội*; kiện toàn và tổ chức đại hội kế tiếp: *Chi hội Kiều học Hà Nội đại hội kì 2, Chi hội Kiều học khu vực Hải Dương-Hải Phòng*, các Văn phòng Đại diện Hội tại Đồng Nai, Ninh Bình, Thái Bình-Hung Yên, Quảng Trị. TW Hội đã hỗ trợ để Chi hội Kiều học Hà Nội làm hồ sơ xin thành lập Hội Kiều học (cấp Tỉnh) tại Thủ đô, hỗ trợ để VPĐD Thái Bình đổi con dấu theo đơn vị hành chính mới đồng thời tổ chức đợt rà soát, tăng cường hoạt động của các VPĐD trên toàn quốc; đã kết nạp 125 hội viên mới vào Hội, cấp đổi thẻ hội viên mẫu mới theo quy định (đợt 1) cho gần 200 hội viên, đang triển khai đợt 2 cho toàn thể hội viên của Hội. Đại diện lãnh đạo Hội đã có kế hoạch đến các cơ sở để trực tiếp nắm tình hình. Trong thời gian qua, đại diện lãnh đạo Hội đã đến thăm VPĐD Bắc Ninh, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Chi hội Hải Phòng; làm việc với lãnh đạo xã Dân Hoà (Hà Nội), làm việc và hỗ trợ 3 Chi hội ở Hà Nội, Chi hội Hải Dương (Hải Phòng), trực tiếp quản lý Liên hiệp các CLB thơ lục bát Việt Nam.

**2. 4 Ban Chấp hành các đơn vị trực thuộc** đã chủ động triển khai kế hoạch của Trung ương Hội tại đơn vị theo phạm vi khả năng và đặc thù của đơn vị mình. Nhiều đơn vị đã có hoạt động đáng khích lệ trong đợt Kỉ niệm 260 năm ngày sinh (1765-2025); tưởng niệm 205 năm ngày mất (1820-2025) của Đại thi hào Nguyễn Du như Tỉnh hội Nghệ An, Chi hội Hải Phòng-Hải Dương, Chi hội Liên hiệp thơ Lục bát, Chi hội Ninh Bình, Chi hội Hà Nội và các đơn vị khác.

Hội đã kết nối với các học viện, trường đại học, nhiều địa phương cấp tỉnh và điểm di tích Nguyễn Du sau Đại hội để tạo điều kiện cho Hội hoạt động như Hà Tĩnh, Hà Nội, Ninh Bình, Hải Phòng, Đồng Nai, Hưng Yên, Đà Nẵng... Đặc biệt là kết nối và làm việc, thống nhất chương trình, kế hoạch phối hợp hoạt động trong sứ mạng nghiên cứu, tổ chức quảng bá, tôn vinh tinh hoa di sản văn hoá Nguyễn Du trên địa bàn Hà Tĩnh và toàn quốc với UBND tỉnh Hà Tĩnh, Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch, Hội đồng gia tộc họ Nguyễn Tiên Điền, kết thúc quãng đứt gãy công tác giữa quê hương Nguyễn Du với Hội Kiều học Việt Nam trước đây, thực hiện nhiều sự kiện và chương trình có ý nghĩa trong năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026. Hội cũng đã trực tiếp cử báo cáo viên thực hiện buổi nói chuyện về thiên tài Nguyễn Du với hơn 400 học sinh và giáo viên Trường THPT Nguyễn Du Tiên Điền, Hà Tĩnh và với hơn 2000 học sinh và giáo viên Trường THPT Nguyễn Du Dân Hoà, Hà Nội.

Nhìn chung, Hội Kiều học Việt Nam ổn định về tổ chức hoạt động, tạo niềm tin, tạo sức bật mới, năng lượng thu hút mới và đang trên đà phát triển đầy nội lực với sắc diện và khí thế mới.





### 3. Nghiên cứu và quảng bá tinh hoa di sản văn hoá Nguyễn Du -Truyện Kiều và các hoạt động chuyên môn

#### *Chủ trương nhiệm vụ*

Hội Kiều học Việt Nam xác định đây là lĩnh vực hoạt động chuyên môn trọng tâm của Hội. Lĩnh vực này bao gồm hai nhiệm vụ: Nghiên cứu và quảng bá, bảo tồn, phát huy các giá trị tinh hoa văn hoá Nguyễn Du -*Truyện Kiều* trong và ngoài nước. Do đó, mọi hoạt động của Hội trong thời gian qua tập trung phục vụ các hoạt động thiết yếu này. Hội đã xây dựng kế hoạch công tác chuyên môn của cả nhiệm kỳ, có kế hoạch cụ thể đến hết năm 2027.

#### *Một số kết quả bước đầu*

Hội đã phối hợp với Hội đồng Gia tộc Nguyễn Tiên Điền, Viện nghiên cứu Danh nhân tổ chức thành công Toạ đàm khoa học “Tìm hiểu phương án tối ưu cho việc trình bày văn bản Quốc ngữ *Truyện Kiều*” (26/7/2025) thu hút nhiều nhà nghiên cứu, nhà khoa học, nhà Kiều học và người yêu quý *Truyện Kiều* -Nguyễn Du trong nước tham gia, được dư luận rộng rãi hoan nghênh và ghi nhận.

Một số đề tài Hội thảo khoa học khác đang được triển khai ở cấp Hội và cấp Chi hội, với sự tham gia của nhiều tổ chức khoa học, nhà khoa học và các địa phương. Trong đó, Chi hội Kiều học Hà Nội phối hợp với lãnh đạo xã Dân Hoà tổ chức thành công Hội thảo khoa học “Cội nguồn tổ tiên Đại Thi Hào Nguyễn Du”.

Hội đã tham gia tích cực và có trách nhiệm với Hội đồng Gia tộc Nguyễn Tiên Điền biên soạn, khảo đính và tổ chức ra mắt cuốn *Truyện Kiều Nguyễn Du* bản Tiên Điền. Cùng thời điểm này, một số ấn phẩm khác của hội viên và nhóm hội viên được ra mắt như Trường ca Nguyễn Du - *Truyện Kiều* (hội viên Chi hội Hải Dương Hải Phòng); Thơ lục bát về Nguyễn Du *Truyện Kiều* và lời bình (nhóm soạn giả Liên hiệp Thơ lục bát Việt Nam, Đỗ Trung Minh chủ biên); Cảm dịch thơ chữ Hán Nguyễn Du (Nguyễn Văn Chi, hội viên Chi hội Đà Nẵng); bản *Truyện Kiều-Nguyễn Du* của tác giả Nguyễn Vũ Trương Chiềng (biên soạn, hiệu khảo và lập văn diễn tả), tác giả Hoàng Xuân Khoá và các cộng sự hoàn thành bản thảo bộ *Truyện Kiều-Mười bản Kiều năm sớm (1866-1902)* của và nhiều tập thơ văn, kỉ yếu ở các Chi hội, VPĐD, Tỉnh hội trong cả nước.

Một số địa phương có di sản, dấu tích hoạt động của Nguyễn Du đang triển khai chủ trương xây dựng các Khu lưu niệm Nguyễn Du, như làm Tượng đài Nguyễn Du, đặt tên đường Nguyễn Du, Dự án xây dựng Công viên Văn hoá Nguyễn Du, có sự tham gia tích cực của Hội Kiều học; đã tổ chức thành công các cuộc Nói chuyện chuyên đề Nguyễn Du -*Truyện Kiều* với Hội Văn học Nghệ thuật Hà Tĩnh, với Chi hội Kiều học Đà Nẵng; với hơn 400 học sinh Trung học phổ thông trên quê hương Nguyễn Du (*Tiên Điền, Hà Tĩnh*) và Nói chuyện chuyên đề về Cội nguồn họ tộc của Đại thi hào Nguyễn Du tại trường THPT Nguyễn Du tại xã Dân Hoà, Hà Nội với hơn 2000 học sinh, giáo viên, do diễn giả của TW Hội thực hiện, v.v.

Nhiều đơn vị trực thuộc Hội cũng tổ chức các hội nghị phân tích và trao đổi để tôn vinh giá trị *Truyện Kiều*, tôn vinh tinh hoa di sản văn hoá Nguyễn Du, tổ chức các hình thức

chuyển hoá *Truyện Kiều* thành các làn điệu dân ca và hình thức sân khấu hoá, âm nhạc hoá trình diễn trong cộng đồng, như ở Hải Dương (Hải Phòng), Ninh Bình, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng... đặc biệt vừa qua, tại TP Hồ Chí Minh đã diễn ra hội thảo khoa học “Truyện Kiều tân khảo” 4 tập - của BS Trần Văn Nghĩa (Hoa Kỳ), đây là công trình khảo cứu, dịch thuật được đánh giá là đồ sộ, công phu, thú vị.

Do Hội đã khẳng định được vị thế với những hoạt động hiệu quả, các cơ quan ngôn luận - truyền thông quốc gia và địa phương (VTV1, VOV6, Báo Thời nay-phiên bản báo Nhân dân và nhiều báo, tạp chí khác, Đài PTTH Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hải Phòng, Hà Nội...) đã phỏng vấn, đưa tin giới thiệu về các hoạt động, kết quả nghiên cứu, quảng bá tinh hoa văn hoá Nguyễn Du - *Truyện Kiều* của Hội

Với các hoạt động chuyên môn trên đây, có thể khẳng định trong thời gian không dài, tính từ sau Đại hội III, Hội Kiều học Việt Nam đã hoạt động và phát triển đúng hướng, thể hiện nội lực mạnh, làm tiền đề mở ra nhiều triển vọng tốt hơn trong những năm tiếp theo.

#### 4. Công tác thi đua khen thưởng

Hội Kiều học Việt Nam coi công tác thi đua khen thưởng là đòn bẩy cho mọi phong trào và mọi hoạt động của Hội. Hội đồng Thi đua Khen thưởng đã được thành lập, do Chủ tịch Hội đứng đầu. Giúp việc cho Hội đồng TĐKT có Ban TĐKT là bộ phận thường trực của công tác này, do Trưởng Ban Tổ chức Nội vụ đứng đầu. Đồng thời, Hội cũng đã soạn thảo, chờ BCH TW Hội thông qua Quy chế công tác TĐKT của Hội.

Thời gian qua, nhiều đơn vị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Hội đồng TĐKT đánh giá cao như Hội Kiều học tỉnh Nghệ An, Chi hội Kiều học Ninh Bình; Chi hội Kiều học Hải Phòng, Liên hiệp các CLB thơ lục bát Việt Nam, Chi hội Kiều học Đồng Nai, Chi hội Kiều học Hải Dương (TP. Hải Phòng); Chi hội Kiều học Vũng Tàu TP Hồ Chí Minh; Chi hội Kiều học TP Hà Nội; Chi hội Kiều học Quảng Trị; Chi hội Kiều học Thái Bình (Hưng Yên). Nhiều tập thể và cá nhân đã được nhận Bằng khen, Giấy khen của TW Hội.

Thực hiện kế hoạch TĐKT, lãnh đạo Hội cũng đã tổ chức trao Bằng Vinh danh cho Cụ Phi lip Phê Phạm Xuân Khoát, trưởng VPĐD Hội tại Đồng Nai, sáng lập Vườn Kiều Đồng Nai; NGND.GS Nguyễn Đình Chú, sáng lập viên của Hội, UV BCH TW Hội khoá I, đã có nhiều đóng góp xây dựng Hội, nhiều công trình nghiên cứu *Truyện Kiều*-Nguyễn Du; Cụ Phạm Ngọc Đầu, hội viên Kiều học Ninh Bình, có nhiều đóng góp xuất sắc cho hoạt động quảng bá tinh hoa *Truyện Kiều* - Nguyễn Du tại Ninh Bình.

Có thể nói, Hội Kiều học Việt Nam từ sau Đại hội III, đã vững vàng trong vị thế mới, có nội lực mạnh, có đội ngũ đoàn kết thống nhất, có tổ chức, kỉ cương và phương pháp tổ chức hoạt động đúng Điều lệ và luật pháp, hiệu quả. Tin tưởng rằng, trong thời gian tiếp theo, Hội Kiều học Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển cả trong và ngoài nước, hoạt động đều tay hơn, đạt hiệu quả tốt hơn, vươn tới tầm cao hơn, đáp ứng sự tin cậy và mong mỏi của người yêu quý Nguyễn Du và *Truyện Kiều*.

*Xin xem các hình ảnh thời sự minh hoạ trong tập Kiều học Việt Nam số 1/6/2026 (bộ mới).*



## NGUYỄN DU THIÊN TÀI - VẤN ĐỀ ĐÃ QUEN MÀ CÒN LẠ

(Trích)

NGND GS. NGUYỄN ĐÌNH CHÚ

**T**rong bảng giá về tài năng của con người với cuộc sống, không có thuật ngữ nào cao giá bằng hai chữ “thiên tài”. Ngay đến hai chữ vĩ đại phần nào vẫn dễ có hơn hai chữ “thiên tài”. Bởi vĩ đại trong nhiều trường hợp không phải là chữ “thiên tài”. Thiên tài vẫn hiếm vô cùng. Bởi không phải nước nào cũng có. Còn nhân tài thì dĩ nhiên là đứng sau nhiều so với thiên tài. Trong tiếng Pháp, từ *genie* đã được Tự điển Pháp Việt của Đào Duy Anh dịch là thiên tài, kỳ tài, anh tài, thì kỳ tài, anh tài vẫn sau thiên tài. Trong bảng giá văn chương, cũng đã có các thuật ngữ: nhân tài, thần đồng, văn hào, thi hào, đại văn hào, đại thi hào. Nhưng vẫn sau thiên tài cả.

Với các tác gia văn học Việt Nam, trong thực tế nghiên cứu đánh giá, đó đây, hai chữ “thiên tài” cũng đã được dùng với cấp độ tác gia là Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, ở cấp độ tác phẩm là *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh. Riêng Nguyễn Du thì vừa ở cấp độ tác gia vừa ở cấp độ tác phẩm là *Truyện Kiều* thì được dùng nhiều hơn. Nhưng với Xuân Diệu, Nguyễn Du cũng chỉ là đại thi hào cùng Nguyễn Trãi và Hồ Xuân Hương. Điều đáng nói là người mệnh danh Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương là thiên tài, kể cả *Số đỏ*, *Thi nhân Việt Nam* là thiên tài thì đều chưa thấy đâu giới thuyết thiên tài là như thế nào. Trần Đăng Khoa khi mệnh danh *Thi nhân Việt Nam* là thiên tài thì có nói “đây là người trời thực tế để chúng ta suy nghĩ. Chưa kể là rồi đây nếu Phật hoàng Trần Nhân tông, minh quân Lê Thánh tông, nhà ái quốc vĩ đại Phan Bội Châu cũng có danh hiệu đó bởi rất xứng đáng thì cũng đều thuộc thời trung cận đại cả.

“Thiên tài” của Nguyễn Du cụ thể là gì? Quả là tôi đã phải tìm đường và dọn đường để đến với thiên tài Nguyễn Du bằng những thao tác vừa quen vừa lạ với bạn đọc nào đó là như thế. Và cuối cùng thì phải chỉ ra được những gì là tinh hoa nhất, cao diệu nhất, đích đáng nhất, là vô tiền khoáng hậu để kết luận về thiên tài Nguyễn Du, đặc biệt với *Truyện Kiều*. Thì như tôi đã thừa ngay từ đầu là trong khi những nhà nghiên cứu, *Kiều học* dù nói hay không nói Nguyễn Du là thiên tài thì cũng đã có không biết bao nhiêu là sự khám phá có giá trị về cái hay, cái đẹp, cái phi thường của Nguyễn Du, chỉ có điều là ít nhiều còn thiếu độ tường minh (implicit). Còn tôi là muốn nâng cấp thành tựu khám phá đã có lên trạng thái tường minh (explicit) được chút nào hay chút ấy. Cho nên công việc của tôi ở đây thực chất

là tham khảo, thừa hưởng những gì đã có để chọn lọc và có năng cao nhất định, nhằm nêu lên những gì mà Nguyễn Du xứng đáng là thiên tài theo yêu cầu tường minh hơn.

Tất nhiên khi nói về thiên tài Nguyễn Du mà chủ yếu là với Truyện Kiều thì đã đụng phải vấn đề tiền thân của nó là Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân vốn là một vấn đề không đơn giản chút nào trong nhận thức của người Việt Nam và cả người Trung Hoa. Ở đây, chỉ xin nói gọn đôi điều như sau: nó là hiện tượng thuộc một quy luật đặc thù của văn học trung đại không chỉ ở Việt Nam mà cả ở phương Đông trung đại và châu Âu thời Phục Hưng. Ở đây, từ tiền văn phẩm đến hậu văn phẩm vẫn có một khoảng cách lớn dành cho sự sáng tạo kể cả sáng tạo thiên nhiên và hiếm có.

### 1. Thiên tài của Nguyễn Du - Gốc rễ từ tình thương con người

Đến với hậu thế, văn phẩm vẫn có một khoảng cách lớn dành cho sự sáng tạo, kể cả sáng tạo thiên tài, mà *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là một chứng cứ hiển nhiên và hiếm có.

Thiên tài của Nguyễn Du thể hiện trước hết ở chỗ đã đi đúng quy luật bản chất nhất, gốc rễ nhất của mọi giá trị văn chương chân chính nhất, lớn lao nhất của nhân loại kim cổ: Đó là dựa trên **tình thương con người**. Đi thanh minh, Đồng Tẩy là dựa trên tình thương con người. Còn đâu chỉ một Thúy Kiều, còn Thúy Vân, Vương Quan. Còn là “ngựa xe như nước áo quần như nêm”. Thế mà đi qua “sẽ sè nắm đất bên đường / Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh” chẳng ai thấy gì cả và không thấy thì cũng chẳng sao. Nhưng Thúy Kiều thì thấy.

Thấy một “nắm mồ vô chủ ai người viếng thăm”. Thấy một kiếp người “Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi / Hải thay chết xuống làm ma không chồng”. Thấy cả cái “phận đàn bà / Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung” trong muôn đời, muôn nơi, muôn thuở để rồi “đầm đầm châu sa”.

Tôi muốn xin quý vị đại thức giả nào chỉ cho tôi biết, trong văn chương nhân loại ở đâu có được một năng lực tình cảm để có được tình thương con người bao la, bất ngát, mệnh mông, thâm thẳm như Thúy Kiều mà cũng là Nguyễn Du như vậy không.

#### Tiếng kêu muôn thuở về phận đàn bà

Tôi nói tiếng kêu “Đau đớn thay phận đàn bà / Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung” là tiếng kêu cho muôn đời, cho muôn nơi, cho muôn thuở. Người phụ nữ luôn có hai con người: con người xã hội và con người thiên chức.

Về con người xã hội thì đã, đang và sẽ giải quyết tốt đẹp, thậm chí có người đã dự báo đến một thời gian không xa, một khi mọi hoạt động kỹ thuật đã được tự động hóa thì địa vị xã hội của phụ nữ sẽ lấn át nam giới. Nhưng về thiên chức là chuyện mang nặng đẻ đau; cho dù y học về sản khoa hiện đại đã và sẽ có những bước tiến phi thường nhưng liệu có thay hết độ nặng nề của thiên chức đàn bà đó không?

*Truyện Kiều* là câu chuyện về một người con gái tài sắc vẹn toàn mà phải rơi vào chốn lầu xanh. Đến với *Truyện Kiều*, không ai không nói đến giá trị nhân đạo của nó. Nhưng nội hàm của khái niệm nhân đạo là...





Thì hầu hết vẫn chỉ tiếp cận bằng đạo đức học để từ đó rút ra những giá trị đạo đức của tác phẩm ví như tình thương người, lòng cảm thương cho những kiếp người đau khổ, khát vọng tự do và công lý, đề cao những phẩm hạnh của con người, đặc biệt ở Thúy Kiều là “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”.

Những khám phá đó không phải không giá trị. Nhưng như thế vẫn chưa nói hết những giá trị người mà thiên tài Nguyễn Du đã thăng hoa trong kiệt tác của mình. Đúng là phải có thêm phương pháp tiếp cận triết học để thấy cho hết giá trị nhân bản là gồm tất cả những gì làm nên giá trị người, trong đó có giá trị đạo đức đã đành nhưng còn những giá trị nằm ngoài đạo đức.

Với cách tiếp cận triết học này, sẽ thấy rõ trong lịch sử văn chương Việt Nam ta, từ cổ chí kim, không một hình tượng phụ nữ nào mà ở đó lại có mật độ hội tụ nhiều giá trị người được thăng hoa như ở nàng Kiều của Nguyễn Du. Năm 1962, một bà cụ già người làng Tiên Điền quê Nguyễn Du, hơn tám mươi tuổi, không biết chữ nhưng thuộc trùm cả Truyện Kiều đã nói với tôi: “Con Kiều đẹp nhất nước Nam. Bấy tui thương nhất con Kiều”. Tôi hỏi cụ: sao lại nói “con Kiều đẹp nhất nước Nam” mà không ai khác. Bà trả lời: “Bấy tui nó biết chi mô. Chỉ thấy rứa thì nói rứa”. Đúng là một hiện tượng trực cảm văn chương vô giá. Câu nói của bà cụ già Tiên Điền đã nắm chắc trong bộ nhớ của tôi để hơn bốn mươi năm sau, nhân dịp kỷ niệm Nguyễn Du, tôi đã coi đó như một đề văn mà tôi phải làm để xin đọc giả chấm cho 1. Quả là thế, Kiều đẹp tuyệt vời từ cơ thể sinh học (nudité) đến nhan sắc, đến tình yêu, đến khi mất tình yêu, đến khi phải làm đi, đến khi là vị chánh án xử tội kẻ có tội ác với mình, đến khi gặp lại chàng Kim nghĩa là có lại hạnh phúc sau bao nhiêu đau thương tan nát. Nhiều người đã rất ca ngợi tấm lòng nhân đạo lớn lao của Nguyễn Du nhưng vẫn cho rằng triết lý về con người thì Nguyễn Du không có gì đáng giá, phải đứng sau Shakespeare. Ở Nguyễn Du vẫn là thuyết “tài mệnh”.

“Tương đối” của Nho giáo, thuyết “Tu là cõi phúc tình là dây oan” của Phật giáo. Ngay cả tư tưởng “nhân định thắng thiên” thì sách Tả truyện của Trung Hoa cũng đã nói từ thuở nào. Trong khi Shakespeare thì có luận đề “To be or not to be” nói tiếng bao đời nay khắp thế giới. Tôi cũng từng nghĩ như thế nhưng đến nay lại muốn nghĩ khác, coi đây không phải là sự hơn thua mà là khác biệt giữa hai khu vực văn hóa, trong đó có hai truyền thống tư duy, hai truyền thống triết học khác nhau. Phương Đông thì tư duy chủ toàn, cầu tính (esprit sphérique, globale), thiên về hỗn hợp (syncrétique) và hướng nội. Phương Tây thì tư duy chủ biệt, tuyến tính (esprit linéaire), thiên về phân tích (analytique) và hướng ngoại. Do đó mà có hai trạng thái triết lý nhân sinh khác nhau như thế. Khó nói bên nào hơn bên nào. Nguyễn Du đã thăng hoa những giá trị người với mật độ cao như thế ở hình tượng Thúy Kiều hay nói như Mộng Liên Đường: “Nguyễn Du có con mắt trông thấu sáu cõi, có tấm lòng nghĩ tới muôn đời” như thế sao lại không là triết lý, triết học của trực cảm thiên tài. Gần đây, chẳng đã chớm có quan điểm cho rằng về triết học, chính phương Đông cao hơn phương Tây. Chúng ta nghĩ sao về quan điểm mới lạ này? Bước đầu, tôi muốn tin như thế để hiểu thêm thiên tài Nguyễn Du.



## 2. Từ gốc rễ tình cảm và tư tưởng nhân đạo nhân bản

Từ gốc rễ bền chặt cao độ của tình cảm và tư tưởng nhân đạo nhân bản như thế, thiên tài Nguyễn Du đã tỏa sáng phi thường cũng theo đúng quy luật nghiêm ngặt nhất của văn chương.

### 2.1. Thiên tài về ngôn ngữ - Yếu tố đầu tiên của tài năng văn chương

Thứ nhất là thiên tài về ngôn ngữ vốn là yếu tố đầu tiên khi nói đến tài năng văn chương. Ở đây là trong thơ ca tiếng Việt và thuộc thể loại truyện thơ. Ngôn ngữ của Truyện Kiều đã kết tinh dựa trên sự hợp lưu của hai luồng ngôn ngữ dân gian và bác học, đời thường và cổ điển của văn chương Việt Nam trung đại. Nó vừa mang dấu ấn thời đại, vừa là đỉnh cao của muôn đời ở tính chất tập đại thành của nó. Câu nói của chủ bút Nam Phong: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn.” Là hoàn toàn chân lý. Cần thấy rằng một dân tộc, một quốc gia gồm có: lãnh thổ, giống nòi, chính thể, lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán và ngôn ngữ. Nếu không may bị ngoại xâm chiếm đóng thì mất gì cũng có thể lấy lại được. Nhưng mất ngôn ngữ, tiếng nói, thì sẽ là mất vĩnh viễn. Nghĩ như vậy, sẽ thấy Nguyễn Du thiên tài với Truyện Kiều, là một nhà ái quốc vĩ đại. Chế Lan Viên chẳng đã viết: “Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hóa thành văn”.

### 2.2. Thiên tài trong việc tạo ra thế giới nhân vật sống động

Thứ hai là thiên tài trong việc tạo ra một thế giới nhân vật sống động, mỗi nhân vật là một cá tính nghệ thuật, không ai giống ai. Thành tựu nghệ thuật đó là sản phẩm của quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Du về con người không chỉ đơn tuyến mà đa tuyến và còn là sản phẩm nghệ thuật của Nguyễn Du từng được mệnh danh là thánh thi nhân về mặt tâm lý trong văn chương.

Truyện Kiều thuộc thể loại truyện kể của dòng truyện Nôm đương thời nhưng theo Nguyễn Đình Thi, “Truyện Kiều” đã là một tiểu thuyết hiện đại, hoặc như Phan Ngọc đã coi “Truyện Kiều” là một tiểu thuyết tâm lý vô địch của thế giới, nghe có vẻ cực đoan nhưng không phải không có căn cứ nhất định của vị học giả này trong công trình Phong cách Nguyễn Du trong “Truyện Kiều”.

Với Nguyễn Du, tâm lý nhân vật đã được miêu tả ở độ tinh diệu trong sự chi phối của hoàn cảnh, khác nhiều so với loại nhân vật thường được mệnh danh là hình tượng khái niệm, nhất thành bất biến về tính cách trong truyện thơ Nôm.

Gắn bó trong tình yêu đến như Kim - Kiều bằng những lời thơ không đâu hay hơn được nữa: “Trăm năm tạc một chữ đồng nên xương”, “Nát thân bồ liễu đến nghi trúc mai”. Nhưng sau mười lăm năm lưu lạc, Kiều gặp lại chàng Kim thì Nguyễn Du lại viết: “Nợ chàng Kim đó là người ngày xưa”. Nợ chữ không phải đây. “Chàng Kim đó” chữ không phải “chàng Kim này”, “là người ngày xưa” chữ không phải “là người hôm nay”. Cái gì cũng xa lơ xa lắc vời vợt như thế. Tính hiện đại của tiểu thuyết ở Truyện Kiều mà Nguyễn Đình Thi nói là bởi vậy.



### **2.3. Thiên tài trong việc tạo ra thế giới thứ hai: Thiên nhiên**

Thứ ba là thiên tài ở việc tạo ra trong tác phẩm một thế giới thứ hai, tức là thiên nhiên mà cho đến nay, trong phạm vi văn chương Việt Nam, dù cũng có những thành tựu sáng giá với Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến, Tản Đà... nhưng xem ra vẫn không ai ngang tầm Nguyễn Du trong “Truyện Kiều” với đủ bốn mùa xuân hạ thu đông, với không biết bao nhiêu là ánh trăng tương thích với bao nhiêu cảnh ngộ của nhân vật trung tâm Thúy Kiều.

Có được thành tựu nghệ thuật siêu đẳng này, rõ ràng Nguyễn Du cũng như tác giả có nhắc tên đó đã gắn hồn thơ, tài thơ của mình một cách máu thịt với một triết lý nhân sinh vĩ đại của phương Đông là thuyết tam tài: Thiên - Địa - Nhân, “thiên nhân hợp nhất”, “thiên nhân nhất thể”, “thiên nhân tương dự”. Triết thuyết này không chỉ chi phối văn chương mà cả với nghệ thuật của phương Đông nói chung.

Cứ nhìn vào vị trí xây dựng các chùa chiền ở nước ta mà so sánh với vị trí xây dựng của các nhà thờ Thiên Chúa giáo ở Châu Âu, ngay cả ở Việt Nam ta thì rõ. Một bên thì tựa mình vào rừng núi, hang động của thiên nhiên hùng vĩ, rất tiếng chim kêu vượn hót. Một bên thì sừng sững nằm ngay giữa đô thành rộn rịp nếu không thì cũng là nơi đông đúc người qua kẻ lại.

Đúng là thiên tài văn chương của Nguyễn Du đã “hút nhụy” từ triết học phương Đông, quan niệm con người với thiên nhiên là một khác phương Tây coi con người là trung tâm của vũ trụ, từ đó mà lịch sử đã có hai hướng đi khác nhau. Các chí sĩ Đông Kinh nghĩa thực chẳng đã nói: phương Đông là văn minh tinh, thiên về vật chất. Ở phương Tây hiện đã có xu hướng muốn tìm về phương Đông, dĩ nhiên là phương Đông cổ trung đại từng có những triết thuyết như thế.

### **2.4. Thiên tài với sức sống phi thường của tác phẩm**

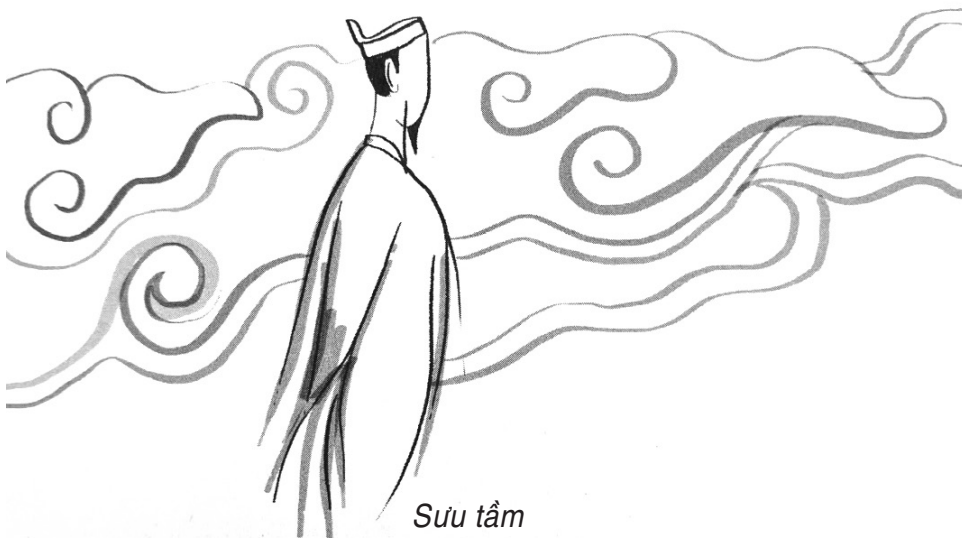
Thứ tư là thiên tài bởi với văn chương Việt Nam, kể cả văn chương thế giới, nếu tôi không lầm thì không đâu tác phẩm lại có sức sống phi thường như Truyện Kiều của Nguyễn Du, mặc dù theo học giả Đặng Thai Mai thì còn...

Của La Mã cổ đại có nhiều biến động, “bảng giá” văn chương vốn có nhiều đẳng cấp. Có loại bảng giá thuộc một giai đoạn, một thời đại, một chính thể nên một khi chính thể ấy, thời đại ấy qua đi thì loại bảng giá văn chương đó ít nhiều cũng qua đi. Xem bảng giá của văn học Nga sau ngày chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ thì rõ là thế. Nhưng vẫn có loại bảng giá thì bất chấp giai đoạn xã hội, chế độ chính trị, thời đại nào cũng vậy, vẫn được sùng bái với thời gian. Cũng ở Nga, Puskin, Lev Tolstoi, Dostoevski... là thế. Bảng giá văn chương Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật lạnh lùng đó. Với văn học Việt Nam thời trung đại, bảng giá văn chương nhìn chung đã ổn định mặc dù hậu thế chưa khám phá hết kho báu của nó. Tuy thế, vẫn có đẳng cấp nhất định trong bảng giá đã định hình đó mà vị quán quân tuyệt đối không ai khác là Nguyễn Du. Cách đây ba năm, Trung tâm Kỷ lục Việt Nam đã tôn vinh Truyện Kiều với 5 kỷ lục:

### Năm kỷ lục của Truyện Kiều:

- a) Một tác phẩm mà cứ trích ra mấy câu là thành một bài thơ riêng.
- b) Một tác phẩm được dịch ra một tiếng nước ngoài (tiếng Pháp) nhiều lần nhất (10 lần, có chỗ nói 12 lần).
- c) Một tác phẩm mà có thể đọc xuôi và đọc ngược được.
- d) Một tác phẩm đã được nói điệu nhiều nhất. Có tác phẩm nói điệu đến ba ngàn câu.
- e) Một tác phẩm mà tự nó đã tạo ra một hiện tượng văn hóa về nó với nhiều hình thức bền vững: bói Kiều, tập Kiều, lấy Kiều, vịnh Kiều, chèo Kiều, tuồng Kiều, cải lương Kiều, kịch Kiều, phim Kiều, nhạc Kiều, khoa học Kiều,...

Nhân dịp này, tôi cũng đề nghị thêm một kỷ lục nữa với Truyện Kiều là một tác phẩm đã gây nhiều tiếng vang của đất nước nhiều nhất và nhiều hơn bất kể lúc nào trong những năm đầu của thế kỷ XXI này. Đúng là thế. Chưa bao giờ việc tìm in lại các bản Kiều cổ, việc tìm lại các bản Kiều Nôm lại rôm rả, đầy đặn, nhiều như thế. Ông Nguyễn Khắc Bảo vốn là giáo viên dạy toán phổ thông cơ sở sau ngày nghỉ hưu đã sưu tầm được 60 bản Kiều Nôm. Sự tái xuất văn bản Kiều Nôm và quốc ngữ phong phú như thế đã kéo theo việc khảo dị văn bản cũng trở nên sôi động hơn bao giờ hết. Cũng chưa bao giờ xuất hiện thêm nhiều nhà Kiều học từ nhiều chuyên ngành nghiên cứu văn chương. Ông Phạm Đan Quế, cũng là một giáo viên Toán phổ thông trung học, sau ngày nghỉ hưu, chỉ trên dưới mười năm cho ra mắt độc giả 16 cuốn sách về Truyện Kiều. Có vị giáo viên văn phổ thông cơ sở ở Thái Bình chơi sách tích lũy được khoảng 250 sách Kiều và nghiên cứu Kiều. Nhà giáo văn học Lê Xuân Lít vừa quá cố, chỉ mấy năm cũng đã ra mắt bạn đọc hai công trình về Truyện Kiều hơn ba ngàn trang. Việc giải mã, bình phẩm Truyện Kiều cũng có thêm cách tiếp cận mới dù chưa có công trình nào sáng giá bằng giai đoạn trước. Trên thế giới, với quãng thời gian đầu thế kỷ XXI này, có tác phẩm nào như thế không nhỉ?





## SỨC SỐNG TRUYỆN KIỀU TRONG MINH TRIẾT HỒ CHÍ MINH

Nhà nghiên cứu, ThS. VŨ NGỌC KHÔI

Hệ tư tưởng Hồ Chí Minh lâu nay được các nhà nghiên cứu gọi là Minh triết Hồ Chí Minh. Minh triết Hồ Chí Minh được biểu hiện ở chỗ luôn gắn bó những truyền thống dân tộc như đề cao đạo lý làm người, đề cao những phẩm chất nhân văn mà hạt giống là các yếu tố như tình thương, lòng biết ơn tổ tiên, tình đồng bào... Minh triết Hồ Chí Minh hướng tới nhân dân, để nhân dân cùng cảm nhận được, từ đó thành cơ sở tiếp thu những cái mới, những cái tiên bộ. Trong sự nghiệp cách mạng của mình, Hồ Chí Minh không đem lý thuyết xa vời để tuyên truyền giải thích cho nhân dân mà thường khai thác những kiến thức nhân dân đã có sẵn rồi bổ sung, biến hóa thêm những nội dung mới khiến họ tiếp thu không chút ngỡ ngàng. Hồ Chí Minh thường vận dụng ca dao, tục ngữ... và đặc biệt, thường vận dụng *Truyện Kiều* để tạo ra niềm cộng cảm đó.

Dân ta có một thú chơi thanh nhã là lấy Kiều, đổ Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều... bởi *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã trở thành một giá trị trong đời sống tinh thần người Việt. Nguyễn Du là nghệ sĩ của nhân dân vì ông đã nói được một cách sâu sắc những điều mà nhân dân quan tâm bằng chính tiếng nói của nhân dân - *thôn ca sơ học tang ma ngữ*. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một hòa nhập rất linh động để chuyển tải những “rượu mới” bằng những chiếc “bình” quen thuộc.

Đọc Kiều, ai cũng cảm thông với nỗi lòng Thúy Kiều suốt 15 năm trời lưu lạc là cô đơn, là nhớ nhà, nhớ quê, nhớ người yêu, nhớ người thân. Nhưng khi vận Kiều thì Hồ Chí Minh đã nâng cái tình rất cụ thể ấy thành một thứ tình cảm cao hơn, đó là tình yêu với quê hương, đất nước, ý thức về sự đền ơn đáp nghĩa quê hương. Tư tưởng, nội dung mới được Hồ Chí Minh gửi gắm qua những câu thơ văn Kiều, hoặc là một chi tiết, một ý, một vài từ, ngữ, hình ảnh, thậm chí mượn nguyên cả câu thơ Nguyễn Du.

Hồ Chí Minh cũng rất chú ý tới đối tượng nên từng lúc, từng không gian cụ thể, Người chọn lối diễn đạt khác nhau. Ở đoạn thơ tâm sự với Trần Phú là tâm sự giữa cá nhân với cá nhân, Người dùng Kiều nhằm tạo một sự liên tưởng qua những hình ảnh, những từ ngữ thiên về yếu tố bác học:

*Song sa vô võ phương trời*

*Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng*

Khi về thăm quê, đối tượng nhiều thành phần hơn, Hồ Chí Minh lại vận Kiều bằng cách diễn đạt trực tiếp và hơn thế còn mở rộng khái niệm nghĩa tình:

*Chúng ta đoàn kết một nhà*

*Ấy là nghĩa nặng, ấy là tình sâu*

Vận dụng Kiều để gây không khí vui vẻ, thân thiết nhằm chuyển tải những tư tưởng mới, những tình cảm hiện đại, Hồ Chí Minh luôn có cách “ứng vận biến”, chẳng hạn, có thể thay đổi cấu trúc câu nhưng vẫn giữ trọn ý vì dân tộc. Vẫn nói về tình cảm đất nước, Người viết:

*Còn non còn nước còn người  
Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay*

Thì ý trên là Kiều, ý dưới là lời dặn dò, hứa hẹn, là khẩu hiệu hành động của dân tộc. Câu thơ không hề tạo ngỡ ngàng, trái lại cho ta một sự thích thú. Trước đó, năm 1960, kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, Hồ Chí Minh xúc cảm:

*Đảng ta vĩ đại như biển rộng núi cao  
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao tình*

Đáng chú ý là ở câu thơ vận Kiều này có chỗ hơi khác với một câu cũng được nói là của Bác Hồ:

*Công ơn Đảng như bể rộng núi cao  
Ba mươi năm ấy biết bao nhiêu tình*

Chúng tôi thiên về câu thơ mở rộng cấu trúc bởi câu này vừa nói được cái lớn lao vĩ đại, vừa cho thấy cả một quá trình phấn đấu gian lao. Đương nhiên từ đó mà thấy công lớn của Đảng. Câu thơ sau có phần thật thà!

Ở bài thơ *Cảm ơn người tặng cam*, Hồ Chí Minh chân thành bày tỏ “nhận thì không đúng, từ làm sao đây”. Quả thực, Người chưa tìm được lý do để nhận quà, nhưng từ chối thì e chưa thuận tình bởi đó chỉ là một món quà giản dị. Nhưng từ cái tưởng như bất cập ấy, Người đột ngột vận Kiều, vận dụng lời nói dân gian:

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây  
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai*

Giống như Nguyễn Trãi xưa luôn ý thức: “Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày”, Hồ Chí Minh đã có một sự đáp lễ rất đúng lúc, đúng chỗ, hợp cả lý cả tình. Chưa dừng ở đó, câu thơ còn gợi một ý mang tính quy luật: khổ tận, cam lai. Bài thơ không chỉ là lời cảm ơn tới một cá nhân cụ thể nữa. Câu thơ vận Kiều làm sáng thêm một chân lý.

Với bạn bè gần xa, Hồ Chí Minh cũng rất nhiều lần mượn Truyện Kiều để bày tỏ tình cảm. Cái Minh triết của Người trong những lời nói bằng thơ đó là bộc lộ mối tình rất sâu đậm, sự ứng xử văn hóa và đậm dấu ấn cá nhân.

Hồi đón Tổng thống Sukarno của Indonesia, Hồ Chí Minh cũng vận Kiều:

*Bây giờ mới gặp nhau đây  
Mà lòng đã chắc những ngày thanh niên*

Câu thơ cho thấy không chỉ hiện tại, mà từ nhiều năm trước đó, Hồ Chí Minh đã có một sự trân trọng đặc biệt với Sukarno. Chắc chắn đây không phải là cách nói ngoại giao





bởi nhắc tới thời thanh niên của một người, là nhắc đến một thời của những kỳ vọng tuổi trẻ, thẳng thắn, trung thực, khát khao cống hiến. Đến câu thơ buổi tiễn đưa

*Cánh hồng bay bổng tuyệt vời*

*Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm*

thì càng thấy sự quyến luyến chân tình lại phù hợp với cảnh máy bay cất cánh. Quả thật Truyện Kiều đã góp phần đoàn kết quốc tế trong ứng xử Hồ Chí Minh.

Có một vấn đề khá lý thú trong Minh triết Hồ Chí Minh khi vận dụng Kiều là vấn đề gắn với nhân quyền.

Vấn đề nhân quyền là khát vọng thiêng liêng, bền bỉ của loài người. Ở phương Tây, phải qua rất nhiều hy sinh mất mát người ta mới làm cho xã hội nô lệ sụp đổ để nô lệ giành được quyền làm người. Ở Việt Nam, vấn đề này trước năm 1945 chưa được đề cập nhiều. Nhưng có lẽ Nguyễn Du là người đầu tiên đã đề nài Kiều xót xa về cái cá nhân: *Giật mình lại thương mình xót xa*. Hồ Chí Minh đồng cảm với Nguyễn Du và đã từng mượn Kiều để trực tiếp phát biểu về vấn đề nhân quyền. Xem vở diễn Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài, Người bình luận:

*Một đời Sơn Bá Anh Đài*

*Chữ tình đáng trọng, chữ tài đáng thương*

*Chỉ vì ông già dờ dờ ương ương*

*Làm cho đôi lứa uyên ương không thành*

*Đánh cho phong kiến tan tành*

*Cho bao nhiêu Anh Đài, Sơn Bá sẽ được thành lứa đôi*

Với sáu câu thơ vận Kiều, Hồ Chí Minh đã chỉ ra được rất nhiều nội dung gắn với con người: mỗi cá nhân đều có những hoàn cảnh, những khả năng riêng (chữ tình, chữ tài), mỗi con người đều có những tác động qua lại với người khác (chỉ tiết ông già dờ dờ ương ương), mỗi cá nhân đều có nhu cầu lứa đôi (đôi lứa uyên ương), phải đánh đổ phong kiến để giành quyền con người (*Đánh cho phong kiến tan tành*)...

Vấn đề nhân quyền đã được Hồ Chí Minh nêu lên trang trọng trong Tuyên ngôn độc lập. Nhưng vận dụng trong đời thường thì Người lại mượn cách nói hết sức thân quen làm cho đối tượng tiếp nhận cái mới một cách tự nhiên. Thế là với cách nói giản dị ấy, nói bằng ngôn ngữ Truyện Kiều, Hồ Chí Minh đã đề cập đến một vấn đề cả loài người đang phấn đấu.

Năm 1914, trong thư gửi cho cụ Phan Châu Trinh, Người viết:

*Chọc trời khuấy nước tiếng đùng đùng*

*Phải có kiên cường mới gọi hùng*

Đó là một cách ca ngợi khí phách của một nhà cách mạng tiền bối. Những năm 40 của thế kỷ XX, nghĩ tới trách nhiệm của riêng mình với đất nước, Người trấn trở bản khoăn:

*Mạnh gì sợi chỉ con con*

*Khuôn thiêng biết có vuông tròn hay không*

Trong một lần dự tiệc với các tướng Trung Quốc ở Quảng Tây có Trương Phát Khuê, vợ chồng Tiêu Văn và cả Nguyễn Hải Thần, Hồ Chí Minh nói thẳng:

*Trăm năm trong cõi người ta*

*Có lòng yêu nước mới là người Nam*

Vui mừng với chiến thắng Điện Biên Phủ, Người có những lời phấn chấn:

*Cũng trong một cuộc Điện Biên*

*Ta mừng thắng lợi, Pháp phiên xấu xa*

*Trăm năm trong cõi người ta*

*Bên chính ắt thắng, bên tà ắt thua*

Hồ Chí Minh thường vận Kiều để bày tỏ tâm trạng, thái độ cá nhân trước những sự kiện quan trọng mang rõ yếu tố thời sự. Lời thơ thể hiện những quan điểm đúng đắn như đoàn kết, sống có nghĩa có tình, lạc quan và có trách nhiệm với đất nước, quốc dân. Cái tôi hòa trong cái ta nhưng vẫn giữ riêng bản sắc. Vận dụng Kiều là vận dụng ngôn ngữ Việt, tiếng Việt để bộc lộ tâm hồn Việt. Sự vận dụng ở đây đúng chỗ, hợp lý, quen thuộc cộng với thời điểm và không khí nên đã có sự đồng thuận và sau đó là lan truyền.

*Truyện Kiều* đã sống một cách mãnh liệt trong đời sống tinh thần Việt Nam hơn 200 năm. Người Việt bắt gặp mình trong những hình tượng nghệ thuật trong *Truyện Kiều*, bắt gặp cái hồn dân tộc, những giá trị tinh thương, những cái khát khao dân chủ, nhân quyền. Hồ Chí Minh không phải là một ngoại lệ nhưng Người là một nhân cách lớn nên đã vận dụng *Truyện Kiều* trong học thuyết của mình để xây dựng Minh triết Hồ Chí Minh. Trong dòng chảy của thơ mới đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh làm thơ tuyên truyền cách mạng nhưng với tư cách là một người xư Nghệ học Nguyễn Du, những câu vận Kiều của Người lại mang rất nhiều yếu tố mới. Điều thú vị là với *Truyện Kiều*, cả những thường dân như chúng ta và cả những vĩ nhân như Hồ Chí Minh, tất cả đều có những gần gũi, những cảm thông và tâm đắc.



Sưu tầm



## CUỘC ĐỜI, SỰ NGHIỆP VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ MÀ ĐẠI THI HÀO DÂN TỘC NGUYỄN DU ĐỂ LẠI CHO ĐỜI

THS NGUYỄN HẢI NAM

*Chủ tịch Hội đồng Gia tộc họ Nguyễn Tiên Điền*

Chúng ta biết rằng, họ Nguyễn Tiên Điền không chỉ là một gia tộc danh gia vọng tộc với rất nhiều người đỗ đạt cao, làm quan lớn, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hệ thống chính trị thời Lê Trịnh mà còn rất nổi tiếng về Nho, Y, Lý số. Nguyễn Quỳnh ông nội Nguyễn Du là một nhà triết học chuyên nghiên cứu Kinh Dịch, một thầy thuốc giỏi. Nguyễn Nghiễm cha Nguyễn Du là một sử gia, đồng thời là nhà thơ lớn. Nguyễn Khản anh cả Nguyễn Du giỏi thơ Nôm, là bạn tâm giao, thường xuyên thưởng trà đối thơ với Chúa Trịnh Sâm, là một trong những người dịch Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn ra tiếng Việt. Nguyễn Đề anh cùng mẹ với Nguyễn Du, Nguyễn Hành cháu gọi Nguyễn Du bằng chú ruột, đều là nhà thơ, nhà văn nổi tiếng, học vấn uyên bác. Đương thời, có 5 người tài hoa nhất về văn chương được suy tôn là “An Nam ngũ tuyệt” thì đã có 2 chú cháu Nguyễn Du và Nguyễn Hành... Và có thể nói, lớn lên trong một gia tộc như vậy, được đích thân cha và ông nội yêu thương dạy dỗ, được anh cả Nguyễn Khản kèm cặp. Có thể nói, những hùng tâm tráng khí đất Hồng Lam và tinh hoa trác tuyệt của dòng họ đã thấm đẫm, tuôn chảy mạnh mẽ trong dòng máu, trở thành tố chất của Đại thi hào từ thuở ấu thơ.

Có người cha tài hoa, mang nặng cốt cách văn chương của xứ Nghệ, là tác giả của rất nhiều bài hát nói (là chất liệu của ca trù, thể thơ độc đáo được sử dụng nhuần nhuyễn thi liệu trong thi ca dân gian Việt Nam với lối nói dân dã, giàu âm điệu). Nguyễn Du từ nhỏ rất được cha cưng chiều và cho đi theo các buổi trình diễn nhã nhạc cung đình, các không gian diễn xướng tại gia phủ. Mẹ Nguyễn Du là bà Trần Thị Tần, quê ở Kinh Bắc, Bắc Ninh, một vùng quan họ nổi tiếng, có truyền thống hát bội, bà nổi tiếng xinh đẹp, hát hay. Tuổi thơ bên mẹ với những câu hát ru dân ca quan họ, những đêm nghe hát ca trù, ví giặm ở tư gia đã nuôi dưỡng cái dịu dàng, nhã nhặn và phong lưu của xứ Kinh Bắc, tình yêu dung dị mà nồng nàn, mộc mạc mà thủy chung xứ Nghệ đã sớm kích thích năng khiếu văn học của Nguyễn Du có điều kiện nảy nở và phát triển rất sớm.

Nguyễn Du vốn đã rất vĩ đại nhưng ông trở nên vĩ đại hơn khi tiếng khóc thương vì số phận con người của ông được cả nhân loại nghe thấy. Ông khóc thương cho những con người bất hạnh trong xã hội như các em bé mồ côi không nơi nương tựa, các cô gái làm nghề kỹ nữ và bao kiếp người đau khổ khác... Kiệt tác Truyện Kiều đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng với hơn 35 bản dịch, khiến nhân loại phải đi sâu tìm hiểu và chiêm ngưỡng.

Năng lượng tỏa ra từ Truyện Kiều thật vô tận, Nguyễn Du giúp chúng ta nối dài vòng tay với nhân loại, gắn kết thế giới bằng chữ Tâm, chữ Tình. Truyện Kiều giống như một viên ngọc nhiều màu sắc, càng mài càng sáng, mỗi một con người và mỗi một dân tộc tự soi vào đó đều thấy số phận của mình. Nhà thơ Nga Va-xi-li Pô-pốp, người dịch Truyện Kiều sang tiếng Nga đã nói: “*Đọc xong Truyện Kiều của Nguyễn Du, tôi trở thành một con người khác*”. Nhà văn hóa Phạm Quỳnh viết: “*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn...*”. Những giá trị văn hóa kiệt xuất mà Đại thi hào để lại thuộc về nhân dân, thuộc về dân tộc và thuộc về nhân loại và sẽ trường tồn cùng thời gian. Không chỉ vậy, sự nghiệp văn học mà Nguyễn Du để lại cho nhân loại cũng thật đặc sắc với những tập thơ chữ Hán đầy chất suy tư, trầm ẩn, chứa đựng những giá trị hiện thực lớn lao của cả một thời đại như *Bắc hành tạp lục*, *Thanh Hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm*, bài *Văn tế thập loại chúng sinh*... Những tác phẩm ấy đã tôn vinh vẻ đẹp của ngôn ngữ dân tộc, vẻ đẹp của thơ ca, của cốt cách và tâm hồn Việt Nam. Thơ Nguyễn Du vừa dạt dào yêu thương, vừa bùng bùng căm giận. Đây là chỗ đặc sắc và cũng là chỗ tích cực nhất trong nghệ thuật của Nguyễn Du. Tên tuổi và sự nghiệp của ông, đặc biệt là tác phẩm “*Truyện Kiều*”, đỉnh cao của nền văn học cổ điển nước nhà đã góp phần đưa văn học Việt Nam vượt ra khỏi bờ cõi quốc gia, trở thành một phần của tinh hoa văn hóa nhân loại, ghi dấu ấn của văn học Việt Nam trên thi đàn quốc tế.

Qua *Truyện Kiều*, Nguyễn Du không chỉ kế thừa một cách sinh động tinh thần nhân văn và chủ nghĩa nhân đạo cao cả, các giá trị nhân bản của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo và từ tín ngưỡng, phong tục, tập quán dân tộc mà còn nâng các giá trị đó lên một tầm cao mới mang giá trị nhân loại. Các tác phẩm của ông thể hiện lòng thương yêu con người tha thiết, ca ngợi vẻ đẹp thể chất và tâm hồn con người, khát vọng giải phóng họ khỏi sự áp bức, bất công, vươn tới tự do, bình đẳng, hạnh phúc. Con người với thể giới tâm hồn phong phú, với đời sống nội tâm sâu sắc, phức tạp và thân phận bi kịch của họ được Nguyễn Du khám phá, phát hiện ở những tầng bậc sâu xa nhất. Tình yêu thương ấy không chỉ dành cho những con người bất hạnh khốn cùng mà cho cả nhân loại chúng sinh. Có thể nói, những tác phẩm của ông là một cái tát mạnh mẽ vào những quan điểm nho giáo lạc hậu, tư tưởng trọng nam khinh nữ của chế độ phong kiến, góp phần thay đổi nhận thức về thực trạng tư tưởng và thực trạng xã hội. Khát vọng tự do, công lý, khát vọng chính nghĩa được thể hiện một cách mạnh mẽ, đặc biệt qua hai nhân vật Từ Hải và Thúy Kiều. Những khát vọng đó cũng là khát vọng của bao đời, được thể hiện một cách mãnh liệt trong văn học dân gian và thể hiện một cách tài hoa trong tác phẩm của Đại thi hào. Và chính điều này đã đưa ông trở thành một trong những nhà tư tưởng lớn của thời đại.

Năm 1802, nhà Nguyễn xưng đế. Năm 1803, Nguyễn Du được vua Gia Long mời ra làm quan. Đường công danh của Nguyễn Du dưới triều nhà Nguyễn khá thuận lợi. Ông thăng chức nhanh, giữ chức trọng, song chẳng mấy khi vui, thường u uất bất đắc chí. Ngẫm cũng đúng thôi. Sinh ở thời loạn lạc, chứng kiến cảnh loạn lạc tở ly, nhà tan cửa nát mà không thể văn hồi, ông làm sao có thể yên vui nhận bổng lộc của triều đình mới. Sách *Đại*





Nam Chính biên liệt truyện chép rằng ông làm quan hay bị người trên đè nén, không được thoả chí, cho nên thường buồn rầu. Đối với vua thì mỗi khi yết kiến ra vẻ sợ sệt, nhưng không biết nói năng gì. Thiết nghĩ, Nguyễn Du không phải là người buồn vì quan không được trọng dụng, không phải là người sợ hãi rụt rè, mà chỉ là thân triều mà lòng không quên chúa cũ. Nhưng tâm sự ấy khó ngỏ cùng ai, khó người thấu hiểu, nên Nguyễn Du thường có vẻ buồn rầu nên mới đưa ruột viết ra những tiếng thơ vượt thời đại:

*Bất tri tam bách dư niên hậu*

*Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*

Tuy nhiên, chúng ta có thể chắc chắn rằng, tư duy của một nhà văn hóa, một nhà tư tưởng lớn vượt thời đại làm thay đổi một nền văn học đang luẩn quẩn trong tư duy Nho giáo và chói mắt trước ánh sáng thời đại sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến một Nguyễn Du ở chốn quan trường. Không dễ gì mà trong những tháng ngày làm quan với nhà Nguyễn, dẫu không tha thiết quan trường, ông vẫn liên tục được thăng chức, thăng hàm, được triều đình trọng vọng. Thời gian làm quan của Nguyễn Du không nhiều, chí hướng làm quan của Nguyễn Du không lớn, nhưng chắc rằng những tháng ngày làm tri huyện Phù Dung, tri phủ Thường Tín hay Cai Bạ dinh Quảng Bình và hơn 10 năm sau đó ở Phú Xuân, được phong từ chức “Đông các học sĩ” (1805), “Cần chánh điện học sĩ” (1813) đến “Hữu Tham tri bộ lễ” (1815), từ hàm tam phẩm đến hàm nhị phẩm, từ chủ khảo trường thi đến chánh sứ Trung Quốc, cho dẫu có khi nản lòng:

*“Ngã dục quải quan tòng thử thế*

*Dữ ông thọ tuế lạc cầm tôn”*

*(Ta mong treo mũ từ quan*

*Tuổi già vui thú rượu đàn cùng ông).*

Bên cạnh một tâm nhìn vượt thời đại, một cốt cách tài hoa, một tâm hồn đầy yêu thương và nhân hậu như thế. Tin chắc rằng những điều mà ông làm được cho nước, cho dân là không hề tầm thường. Sử chép không nhiều nhưng đã chép đều thể hiện điều đấy. Khi làm Cai Bạ Quảng Bình: “... phàm những việc công trong hạt, ông đều đem bàn bạc, thương thuyết với các quan lưu thủ, ký lục để thi hành. Ông giữ chức cai bạ được 4 năm, chính sự giản dị, không cầu tiếng tăm nên được sĩ phu và nhân dân thân yêu”.

Xin trích lại một vài ghi chép người đương thời đã viết khi ông mất để ghi nhận những đóng góp của Đại thi hào:

*“Tài kiêm Văn, võ:*

*... Khi trưởng thành Ất bảng chen tên, tài thư kiếm vang lừng hai vế*

*... Những muốn hùng binh mấy vạn rắp phen Trương Tử phục Hàn gia*

*Nội chính, Ngoại giao:*

*... Khi thủ hiến Tiên châu, khi Thần kinh lĩnh doãn, đức thanh cần thấm thía đến muôn dân.*



*Lúc Bắc hành chánh sứ, lúc Nam khuyết á khanh tài thao lược vang lừng trong hai nước”*

(“Văn truy điệu Nguyễn Du” do Đào Tử Minh, Hội Tri Tân, viết ngày 10/8 Giáp thân 1944)

Khi ông mất ở Phú Xuân, vua Minh Mạng đã làm đôi câu đối:

*“Nhất đại tài hoa, vi sứ, vi khanh sinh bất thiêm  
Bách niên sự nghiệp, tại gia, tại quốc tử do vinh”  
(Một đời tài hoa, đi sứ, làm quan sống chẳng thẹn  
Trăm năm sự nghiệp, việc nhà, việc nước chết vẫn còn vinh).*

Phía dưới câu đối có đề mấy chữ “Minh Mạng hoàng đế trang tặng”, và nhấn mạnh “trang tặng” chứ không phải “ban tặng”, thể hiện nhà vua rất yêu quý và tôn trọng Đại thi hào.

Làm quan cũng phải thế nào thì yêu thương mới thành thế ấy.



Sưu tầm

(Thế Anh, Hội Kiều học Việt Nam, Truyện Kiều, Nguyễn Du, NXb Văn học)



## CÁC BẢN DỊCH TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU Ở NHẬT BẢN: ĐA DẠNG NGƯỜI DỊCH, ĐA DẠNG PHONG CÁCH

PGS.TS ĐOÀN LÊ GIANG

Phó Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam

(...)

*Truyện Kiều* 金雲翹 (翹伝), kiệt tác của văn học Việt Nam, là tác phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất so với các tác phẩm khác của văn học dân tộc. Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay *Truyện Kiều* 翹伝 đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng với trên 60 bản dịch khác nhau. Nếu như bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ra tiếng Pháp của Abel des Michels, xuất bản ở Paris vào hai năm 1884-1885 là bản dịch xuất bản ở nước ngoài sớm nhất, thì bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ra tiếng Nhật của Komatsu Kiyoshi 小松清 xuất bản ở Tokyo năm 1942 là bản dịch sớm thứ hai. Về số lượng, đứng đầu là các bản dịch tiếng Pháp (khoảng 15 bản), sau đó là tiếng Hoa và tiếng Anh (mỗi thứ tiếng trên 10 bản), thì bản dịch tiếng Nhật đứng thứ tư với 5 bản. Hai mươi năm trước khi giới thiệu *Truyện Kiều* 翹伝 ở Nhật Bản, chúng tôi mới chỉ nói đến 3 bản dịch<sup>1</sup>, sau đó có thêm 2 bản dịch mới. Có điều lý thú là các bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ở Nhật Bản cứ khoảng 10 năm lại xuất hiện một bản mới: không kể bản đầu tiên xuất bản năm 1942 thì các bản sau lần lượt là 1975, 1985, 1995 (hoàn thành), 2005. Các bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ở Nhật Bản có nguồn gốc rất khác nhau và vì thế phong cách cũng rất đa dạng.

### 1. Bản đầu tiên: *Kim Vân Kiều* 金雲翹 do Komatsu Kiyoshi 小松清 dịch năm 1942

Bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ra tiếng Nhật đầu tiên có tên là *Kim Vân Kiều* 金雲翹 do nhà văn Komatsu Kiyoshi 小松清 dịch, xuất bản năm 1942. Nguyên văn bìa như sau: *Kim Vân Kiều* 金雲翹, Nguyễn Du sáng tác, Komatsu Kiyoshi 小松清 dịch, Toho in và phát hành. (金雲翹 KIM VAN KIEOU, 阮攸 著、小松清譯、東寶発行所 刊). Trang cuối cùng ghi các yếu tố xuất bản: Ngày 1 tháng 10 năm Showa 17 (1942) in ấn; ngày 7 tháng 10 năm Showa 17 (1942) phát hành (昭和十七日十月一日印刷;昭和十七日十月七日発行).

Komatsu Kiyoshi 小松清 (1900-1962) là dịch giả văn học Pháp, nhà văn, nhà phê bình văn học nổi tiếng ở Nhật Bản, người ta còn tôn ông là “nhà nhân văn chủ nghĩa” như nhan đề quyển sách về ông gần đây<sup>2</sup>. Komatsu sinh ở thành phố Kobe, tỉnh Hyogo. Ông sang Pháp năm 1921 học văn học nghệ thuật. Sau khi về nước, ông trở thành người dịch và giới thiệu André Malraux và André Gide ở Nhật Bản. Năm 1934 ông tham gia cuộc tranh luận “Văn học hành động chủ nghĩa”. Năm 1937 ông trở lại Pháp với tư cách đặc phái viên

1 Bài *Truyện Kiều và Kim Vân Kiều truyện ở Nhật Bản*, Tạp chí Văn học số 12 năm 1999

2 Takashi Takashi và Pichois Claud: Komatsu Kiyoshi 小松清 - chân dung nhà nhân văn chủ nghĩa (小松清: ヒューマニストの肖像), Haku-A shoho 白亜書房xb, Tokyo, 1999

báo *Báo tri* (報知新聞). Năm 1939 ông tham gia biên tập báo *Pháp - Nhật* (France-Japon), nguyệt san tiếng Pháp do Nhật Pháp đồng chí hội 日仏同志会 phát hành. Năm 1940 về nước, thì một năm sau - năm 1941 ông đến Đông Dương, làm việc ở đây 4 năm, lúc thì ở Tổng lãnh sự quán Nhật Bản ở Sài Gòn, lúc làm cố vấn Viện văn hóa Nhật Bản tại Hà Nội. Sau năm 1945 về nước, ông hoạt động tích cực trong Hội Văn bút Nhật Bản do Kawabata Yasunari 川端康成 làm Hội trưởng<sup>1</sup>...

Theo nhà nghiên cứu Vĩnh Sinh, trong thời gian học tập ở Pháp, Komatsu có đến nghe Nguyễn Ái Quốc diễn thuyết về vấn đề thuộc địa. Khi Nguyễn Ái Quốc diễn thuyết xong, thấy có một người da vàng ngồi ở dưới - người ấy là Komatsu, Nguyễn Ái Quốc xuống trò chuyện, vận động Komatsu tham gia cuộc đấu tranh cho các dân tộc thuộc địa. Tiếc rằng Komatsu không có chí làm cách mạng nên đã từ chối. Sau đó hai người trở nên bạn bè và suốt đời Komatsu hết sức kính trọng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh<sup>2</sup>.

Nguyên do việc Komatsu biết được *Truyện Kiều* 翹伝 là do cuộc gặp gỡ với Nguyễn Giang, bạn cũ của ông bên Pháp. Komatsu kể:

“Từ khoảng mùa xuân đến mùa hè năm 1941, lần đầu tiên tôi đi du lịch đến đất An Nam, trong cuộc đi đó, hoàn toàn tình cờ, may mắn mà tôi được gặp lại người bạn cũ ở Hà Nội, đó là thi sĩ An Nam Nguyễn Giang. Mười năm trước chia tay ở Paris, Nguyễn Giang, lưu học sinh hàng đầu đã trở về nước, sau đó không biết được rằng anh đã đường đường trở thành một ông chủ nhà xuất bản, một nhà phê bình văn học và một thi sĩ tiêu biểu của nước An Nam. Hai chúng tôi nắm tay nhau trong niềm vui kỳ ngộ, theo lời khuyên của người bạn Nguyễn Giang mà quyển sách đầu tiên tôi có trong tay là cuốn *Kim Vân Kiều* 金雲翹”<sup>3</sup>.

Đọc *Truyện Kiều* 翹伝, Komatsu bị cuốn vào tác phẩm không thể dứt ra được. Komatsu viết: “Trong một thời gian rất ngắn tôi đã đọc hết từ đầu đến cuối. Tôi trở thành tù nhân của cuốn sách với sức cuốn hút đẹp đẽ từ gần 400 trang in của một tập thơ trữ tình lớn lao và tinh tế” (手にした瞬間から、最後の頁をよみ了るまで、私は文学どまり四百頁になんなんとする、この雄大にして而も繊細な抒情詩の美しい魅力の囚となってしまった。). Bằng sự nhạy bén, tinh tế của một nhà văn, Komatsu nhanh chóng nhận ra chân giá trị của *Truyện Kiều* 翹伝, ông đã viết về tác phẩm này với những lời hết sức sôi nổi: “Tôi nghĩ rằng, đây không chỉ là một tác phẩm văn học ưu tú, mà còn là một tấm gương phản chiếu một cách rõ ràng tâm hồn người An Nam, và còn hơn là một tác phẩm văn học, có thể gọi nó là cuốn kinh được viết ra bởi một thi nhân. Một tác phẩm văn học gắn liền

1 Các tác phẩm chính của Komatsu Kiyoshi 小松清: *Bàn về văn học hành động chủ nghĩa* (行動主義文学論, Kinokuniya xuất bản, 1935); *Chiến sĩ thầm lặng - nhật ký Paris thời chiến* (沈黙の戦士 戦時巴里日記, Kaizo xb, 1940); *Đường đến Đông Dương* (仏印への途, Rokko shokai xb, 1941); *Thư gửi nước Pháp* (ふらんすへおくる書, Seikaibunka xb, 1947); *Tay súng tự do Andre Gide* (アンドレ ジイド 自由なる射手, Kawadeshobo xb, 1951); *Máu Việt Nam* (ヴェトナムの血, tiểu thuyết, Kawadeshobo xb, 1954); *Việt Nam* (ヴェトナム, Shinchosha xb, 1955)...

2 Vĩnh Sinh: *Một nhà văn Nhật viết về Nguyễn Ái Quốc trong thời gian ở Pháp*. Tạp chí *Xưa & Nay*, số 27, tháng 5-1996...

3 Komatsu Kiyoshi 小松清: *Lời bạt*, trong sách *Kim Vân Kiều* (Komatsu Kiyoshi 小松清 dịch). Toho (Đông Bảo) xuất bản, 1942 (Tiếng Nhật)...

- Xin xem Komatsu Kiyoshi 小松清: *Bài bạt Kim Vân Kiều* (Đoàn Lê Giang dịch). Tạp chí *Văn học*, số 11-2004, tr.55-61.



với vận mệnh của một dân tộc như thế là hiếm có trong suốt lịch sử cổ kim Đông Tây”

(これは優れた文学であるとともに、また安南人の魂を克明にうつした鏡である。これは文学作品といふよりも、詩人による祈禱の書と呼ばれるべきものである、と思ったからである。これほど、民族の運命と繋りをもった文学は古今東西を通じて稀れであらう)

Theo ông, *Kim Vân Kiều* 金雲翹 của Nguyễn Du ở Việt Nam có thể sánh với *Thần khúc* của Dante ở Ý, bi kịch của Shakespeare ở Anh, bi kịch của Racine ở Pháp, *Faust* của Goethe ở Đức... Với suy nghĩ như thế, ông đã quyết tâm dịch tác phẩm này ra tiếng Nhật dù 7 năm trước đó ông đã thề không dịch tác phẩm văn học nào nữa:

“Chừng nửa năm nay tôi lại vui đầu vào việc dịch *Kim Vân Kiều* một tác phẩm văn học cổ điển của quốc dân An Nam. Tôi đã tự phá bỏ lời thề của mình, và ngưng mọi công việc đang làm. Tại sao tôi lại cố gắng quay về với việc phiên dịch này? Đó là do *Kim Vân Kiều* 金雲翹 là một tác phẩm văn học có tình cảm và giá trị lớn lao, có mùi hương và ý vị rất riêng. Không có một sức mạnh nào khác ngoài ma lực văn học như thế mới kéo nổi tôi ra khỏi công việc của mình.

Tôi nghĩ rằng có thể thông qua tác phẩm này mà tìm hiểu cái bí mật của hồn dân tộc An Nam. Và cũng vì tôi nghĩ rằng, đây không chỉ là một tác phẩm văn học ưu tú, mà còn là một tấm gương phản chiếu một cách rõ ràng tâm hồn người An Nam, và còn hơn là một tác phẩm văn học, có thể gọi nó là cuốn kinh được viết ra bởi một thi nhân. Một tác phẩm văn học gắn liền với vận mệnh của một dân tộc như thế là hiếm có trong suốt lịch sử cổ kim Đông Tây. Huống hồ, chúng ta luôn miệng nói đến phương Nam, phương Nam, mà chúng ta vẫn còn không giới thiệu một tác phẩm văn học lưu giữ đời sống của hồn người phương Nam, là tại sao? Đây là lúc cần phải giới thiệu cho mọi người biết *Kim Vân Kiều* 金雲翹, một trong những tác phẩm tiêu biểu như vậy. Nếu không ai làm việc này thì tôi làm!”<sup>1</sup>.

(その私がこんど、約半歳の日月のあひだ、安南古典の国民文学である金雲翹の翻訳に没頭した。自分への誓ひを破り、自分の仕事を中断してまで、何故、私はこの訳業の遂行に努めたか。それは勿論、金雲翹が文学作品として優れた価値や感性をもっていること、独自の香気や味ひをもっていること、さうした文学的な魔力からのみきているのではない。

私はこの作品をとほして、安南民族の魂の秘密を窺ふことができる、と思ったからである。これは優れた文学であるとともに、また安南人の魂を克明にうつした鏡である。これは文学作品といふよりも、詩人による祈禱の書と呼ばれるべきものである、と思ったからである。これほど、民族の運命と繋りをもった文学は古今東西を通じて稀れであらう、まして南方アジアの文学としては！南方、南方と口々に唱へられながら、未だ南方人の魂の営みを伝える書が現れないのはどうしたことだからう、さうした書の代表的な一つとして金雲翹こそ立ち現れるべきときであ

<sup>1</sup> Komatsu Kiyoshi 小松清: *Bài bạt Kim Vân Kiều* (Đoàn Lê Giang dịch). *Tạp chí Văn học*, số 11-2004, tr.55-61.



る。誰もやる人がなければ私がやろう、と考えたからである。)

Bản *Kiều* 翹伝 tiếng Pháp mà ông có là bản nào? Như nhiều người đã biết, Nguyễn Văn Vĩnh đã dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ra tiếng Pháp từ rất sớm. Trước khi in thành sách năm 1942-1943, bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ra tiếng Pháp của ông đã được công bố trên báo đến 3 lần:

Lần thứ nhất trên *Notre journal* và *Notre revue* từ 1908 đến 1910

Lần thứ hai trên *Đông Dương tạp chí* từ 1913 đến 1917

Lần thứ ba trên *L'Annam nouveau* năm 1933

Năm 1936 bản *Kiều* ấy cũng đã được sửa chữa lần sau cùng để xuất bản.

Vì không biết tiếng Việt nên ông phải dùng hai bản *Truyện Kiều* 翹伝 bằng Pháp văn, một là bản “đổi dịch”, có lẽ là bản thảo dịch sát từng câu của Nguyễn Văn Vĩnh (do Nguyễn Giang cho mượn) và một nữa là của René Crayssac, cùng sự giúp đỡ của một người Việt đang ở Nhật là Nguyễn Văn Thái. Komatsu dịch trong vòng 6 tháng là xong và đưa đi xuất bản ngay năm sau - năm 1942.

Bản *Truyện Kiều* 翹伝 này được dịch ra văn xuôi, dù không phải thơ ca, nhưng nhờ văn tài và lòng say mê với tác phẩm của Komatsu mà bản dịch trở nên rất lôi cuốn, thú vị. Đánh giá về bản dịch này, GS. Kawaguchi 川口健一 ở Trường Đại học Ngoại ngữ Tokyo 東京外国語大学 viết: “Do dịch từ tiếng Pháp, dùng văn nói chứ không phải thơ, nên bản dịch không có được cái vẻ đẹp âm điệu của bản tiếng Việt, nhưng nếu truy tìm việc triển khai câu chuyện thì đây là một bản dịch rất hay, rất tinh tế”<sup>1</sup>. Cho đến nay, bản *Truyện Kiều* 翹伝 này được xuất bản đến 3 lần: lần đầu tiên - năm 1942, lần 2 một năm sau - năm 1943, và lần 3 năm 1948<sup>2</sup>. Bản *Kiều* này có lẽ rất hay, rất được ưa chuộng, nên chỉ trong vòng 1 năm đã phải tái bản và 5 năm sau lại phải tái bản thêm lần thứ ba. Có thể coi đây là kỷ lục xuất bản về *Truyện Kiều* 翹伝 ở nước ngoài.

## 2. Hai bản *Kim Vân Kiều* 金雲翹 do Takeuchi Yonosuke 竹内 与之助 dịch năm 1975 và 1985

Bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 thứ hai ra tiếng Nhật công phu hơn, có tính học thuật cao: bản *Kim Vân Kiều* 金雲翹 do Giáo sư Takeuchi Yonosuke 竹内 与之助 dịch, Kodansha 講談社 xuất bản, năm 1975. Giáo sư Takeuchi sinh năm 1922 ở tỉnh Yamaguchi (phía nam

1 Kawaguchi Kenichi: *Văn học Việt Nam*, trong sách *Một trăm năm phiên dịch: Văn học nước ngoài và Nhật Bản cận đại* (Honyaku hyakunen: Gaikoku bungaku to Nihon no kindai). Hara Takuya, Nishinaga Yoshinari chủ biên, Daishukan shoten xuất bản, Tokyo, 2000 (Tiếng Nhật)...

2 Hiện nay Thư viện Quốc hội Nhật Bản còn lưu đủ cả ba bản in: lần thứ nhất: 1942 (Toho hakkosho, 1942, 355 tr/ 東京 : 東宝発行所, 昭和17), lần thứ hai: 1943 (Toho shoten xuất bản/ 東寶書店, tháng 5/1943, 355 tr) và lần thứ ba: 1948 (do Kaikosha xb, 1948, 339 tr/ 東京 : 偕光社, 昭和23). Thông tin về bản in 1948 đã được thể hiện trong *Thư mục về Nguyễn Du* của Lê Ngọc Trụ - Bửu Cầm (Bộ Giáo dục, Sài Gòn, 1965, tr.57), nguyên văn như sau: “*Kim Vân Kiều*, Translated by Komatsu Kiyoshi 小松 - Tokyo, Kaikosha, 1948, 339 trang (Theo *Recent Trends of East Asian Studies in Japan with Bibliography*, Tokyo [1962], p.328, sách của Viện Khảo cổ)”.





Nhật Bản) mất 1999. Năm 1941, ông tốt nghiệp khoa Pháp văn Trường Ngoại ngữ Osaka. Năm 1957, ông giảng dạy tại Trường Đại học Kita Kyushu (tỉnh Fukuoka), rồi được điều về Trường Đại học Ngoại ngữ Tokyo để xây dựng bộ môn ngôn ngữ và văn học Việt Nam. Ông là dịch giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng của văn học Việt Nam như: *Chinh phụ ngâm*, *Lục Vân Tiên*, *Đoạn tuyệt*, *Hồn bướm mơ tiên*... Tất cả những sách này đều được Đại học thư lâm 大学書林 (Daigaku shorin) ấn hành.

Về cái duyên đến với *Truyện Kiều* 翹伝, ông kể: Khoảng năm 1959-1960, ở Đại học Osaka, ông có được nghe thầy mình, Giáo sư Hatakenaka Toshiro 畠中 敏郎<sup>1</sup> thuyết trình một báo cáo nhan đề *Kim Vân Kiều và văn học thời Edo* 「金翹伝と江戸文学」 trong đó có nhắc đến *Truyện Kiều* 翹伝 của Việt Nam, khiến ông hết sức chú ý. Những năm đầu thập niên 1960, ông đến Sài Gòn dạy ở Trường sinh ngữ thuộc Đại học Sài Gòn bốn năm rưỡi. Chính những năm đó ông được Giáo sư người Việt gốc Hoa là Diệp Truyền Hoa 葉傳華<sup>2</sup> tặng cho bản *Kim Vân Kiều tân truyện* 金雲翹新伝 bằng chữ Nôm, Quan Văn Đường 觀文堂 tàng bản (Hà Nội, Khải Định 啓定 Quý Hợi (1923) mạnh xuân tân san)<sup>3</sup>. Bản Kiều Nôm này do thân phụ của Giáo sư Diệp Truyền Hoa ở Hội An lưu giữ. Có được bản *Truyện Kiều* 翹伝 quý trong tay, Giáo sư Takeuchi đã sưu tầm thêm những văn bản khác, bản chữ Nôm, chữ Quốc ngữ và cả bản dịch Pháp văn, rồi bắt tay vào dịch ra thơ tiếng Nhật. Ông kể: “Năm 1962 *Truyện Kiều* 翹伝 dịch kể như tạm xong. Bây giờ đọc lại thấy nhiều chỗ dịch sai, dịch ép, nhiều chỗ dịch lạ, không phải chỗ nào cũng coi được cả. Sau khi về Nhật giữ cương vị ở Đại học Ngoại ngữ Tokyo hiện nay, được sự khích lệ của Giáo sư Matsuyama, tôi đã sửa đi chữa lại nhiều lần, cuối cùng bản dịch này cũng đã hoàn thành”<sup>4</sup>.

Năm 1975 nhà xuất bản Kodansha, một nhà xuất bản rất nổi tiếng của Nhật xuất bản sách này. Và đó là bản dịch *Kim Vân Kiều* 金雲翹 bằng tiếng Nhật thứ hai.

1 Hatakenaka Toshiro 畠中 敏郎 (1907-1998): quê ở tỉnh Koshi. Năm 1927, tốt nghiệp Khoa Pháp văn, Trường Đại học Ngoại ngữ Osaka. Từ năm 1931-1944, làm giáo sư Đại học Ngoại ngữ Osaka. Năm 1941 ông có đi Việt Nam và Campuchia 2 tháng, về nhà viết *Phật Ấn (Đông Dương) phong vật chí* hoàn thành năm 1942 (Seikatsu xuất bản 1943, dày 468 trang). Năm 1944, làm giáo sư trong quân đội, làm việc ở Sài Gòn. Năm 1946 về nước. Năm 1947, làm giáo sư Trường Trung cấp ngôn ngữ Tenri. Năm 1951, quay lại làm giáo sư Đại học Ngoại ngữ Osaka. Năm 1955, sang Pháp lần đầu tiên. Năm 1971, về hưu, sau đó làm giáo sư Đại học Ryukyu. Ngoài sách trên ông còn có các sách: *Lối nhỏ của văn học so sánh* (Hội san hành luận văn của thầy Hatakenaka Toshiro, 1973), có nhiều tập thơ dịch của các nhà thơ Pháp hàng đầu: Chateaubriand, Alphonse Daudet, George Sand...

2 Diệp Truyền Hoa 葉傳華: Giáo sư, nhà hoạt động văn hóa người Việt gốc Hoa. Sinh năm 1918 tại Hội An, mất năm 1970 tại Sài Gòn. Quê gốc ông ở Quảng Đông, thân phụ ông di cư đến Việt Nam từ cuối đời Thanh. Năm 1933 (16 tuổi) ông được gia đình cho về Trung Quốc học trung học ở Quảng Châu. Năm 1941, ông học Khoa Triết, Đại học Liên hợp Tây Nam ở Côn Minh. Năm 1960-1961, ông giảng dạy tại Khoa Ngoại văn, Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn và khoa Triết học, Trường Đại học Văn khoa Sài Gòn. Năm 1967, dạy ở Đại học Văn khoa Huế. Năm 1969, làm Hiệu trưởng Trường Trung học Việt Tú ở Chợ Lớn. Ông có để lại một tập thơ và vài tập nghiên cứu (Nguyễn Đình Phúc, *Dấu ấn của giáo sư Diệp Truyền Hoa và giáo sư Đới Ngạn Quân trong dòng văn hóa Việt Hoa*, tập san *Suối nguồn*, <http://www.dacsansuoinguon.org...>).

3 Theo hình ảnh trang bìa quyền sách in ở trang 279 của bản dịch Takeuchi. Trên đó còn ghi rõ văn bản do Diệp Truyền Hoa kính tặng GS. Takeuchi Yonosuke.

4 Takeuchi Yonosuke: *Lời bạt Kim Vân Kiều*. Takeuchi Yonosuke, Kodansha xuất bản, 1975 (Tiếng Nhật)

Sách gồm nhiều phần, mục:

1) Bảng kê các nhân vật *Truyện Kiều* 翹伝. Bảng kê có ghi tên chữ Hán và cách đọc tiếng Việt bằng chữ katakana (ví dụ: Thúy Kiều là トウイ キョウ / Toui Kyou). Tuy nhiên các nhân vật trong bản dịch lại được đọc theo âm Hán Hòa có chú âm hiragana (ví dụ: Thúy Kiều là すいぎょう / Sui Gyou).

2) Bảng kê các địa danh xuất hiện trong *Truyện Kiều* 翹伝, có cả bản đồ Trung Quốc cổ.

3) Dịch *Truyện Kiều* 翹伝 bằng văn xuôi (148 trang, từ tr.1-148). Dịch *Truyện Kiều* 翹伝 bằng thơ (108 trang, từ tr.152 đến tr.259). Dịch thơ theo âm điệu truyền thống: 5-7, mỗi một câu thơ lục bát được dịch ra thành một dòng thơ tiếng Nhật. Mỗi trang có cước chú rất kỹ càng.

Giải thuyết: Phần này có bài nghiên cứu:

- *Kim Vân Kiều* 金雲翹 tân truyện trong lịch sử văn học Việt Nam (31 trang, tr.262-292) của Takeuchi Yonosuke.

- *Nguyễn Du và Kim Vân Kiều* 金雲翹 tân truyện (82 trang, tr.293-374) của Takeuchi Yonosuke.

- *Một số khảo sát liên quan đến tiếng Việt* (9 trang, tr.375-383) của Nguyễn Cao Đàm.

- *Kim Vân Kiều* 金雲翹 và văn học Edo (10 trang, tr.384-393) của Giáo sư Hatakenaka Toshiro (đã nói ở trên).

5) Lời ghi cuối (tr.394-395).

6) Thư mục tham khảo (tr.396-401).

Trong sách có nhiều tranh minh họa từ các bản *Truyện Kiều* 翹伝 nổi tiếng, nhiều phụ bản bìa sách về *Truyện Kiều* 翹伝 chữ Nôm cũng như quốc ngữ.

Với 401 trang in khổ 14,5x20,5, vừa dịch văn xuôi vừa dịch thơ có chú thích khảo dị kỹ càng, kèm theo 140 trang nghiên cứu giới thiệu, có thể nói *Kim Vân Kiều* 金雲翹 do Takeuchi Yonosuke (Kodansha xuất bản, 1975) là công trình dịch thuật, nghiên cứu công phu nhất từ trước đến nay ở Nhật Bản, và thậm chí công phu nhất trong các bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 của các học giả nước ngoài. Giới nghiên cứu cũng như đông đảo bạn đọc Nhật Bản có quan tâm đến văn học phương Đông, văn học Việt Nam đánh giá rất cao công trình này.

Mười năm sau công trình dịch thuật thứ hai công phu ấy, năm 1985, Giáo sư Takeuchi lại soạn lại *Kim Vân Kiều* 金雲翹 với bản trích dịch cô đọng hơn, chủ yếu dùng để làm tài liệu học tập cho sinh viên. Bản dịch có tên là *Kim Vân Kiều* 金雲翹 tân truyện, do Đại học Thư lâm xuất bản. Phía sau cuốn sách có phụ bản chữ Nôm với loại chữ Nôm viết bằng máy tính. Đó là bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 thứ ba ra tiếng Nhật.

### **3. Hai bản *Truyện Kiều* 翹伝 gần đây: bản Akiyama Tokio 秋山時夫 dịch 1996 và bản Sato Seiji 佐藤清二- Kuroda Yoshiko 黒田佳子 dịch 2005**

Đúng 10 năm sau bản dịch *Kim Vân Kiều* 金雲翹 tân truyện của Takeuchi do Đại học Thư lâm xuất bản, năm 1995 lại có một bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 mới hoàn thành. Đó



là bản *Kim Vân Kiều* 『金雲翹』 do Akiyama Tokio 秋山時夫 dịch (hoàn thành tháng 7 năm 1995), do Trung tâm dịch vụ của Nhà xuất bản Kodansha ấn hành năm 1996, sách dày 228 trang. Thông tin về Akiyama Tokio khá ít ỏi trong sách báo cũng như trên mạng internet tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Nhật. Chỉ biết ông sinh năm 1917, từng tham gia quân đội Nhật ở Đông Dương từ khoảng năm 1942-1946, sau đó về nước và mất năm 1999. Bản *Kim Vân Kiều* 金雲翹 của ông có 2 nhà phát hành chính được ghi rõ ở cuối sách, đó là Văn khố châu Á (Ajia bunko) và Mekong Center. Theo nhà nghiên cứu Đỗ Thông Minh - Giám đốc Mekong Center, thì ông Tokio Akiyama đã dành ra 6 năm để phiên dịch *Truyện Kiều* 翹伝, rồi tự bỏ tiền túi ra in 600 cuốn nhân kỷ niệm 230 năm sinh Nguyễn Du và trước một năm sinh nhật lần thứ 80 của ông. Trong *Thay lời tựa* viết vào tháng 4 năm 1996, Akiyama Tokio đã cho biết quá trình dịch quyển sách này. Dưới đây là toàn văn bài tựa: “Tôi được tặng một cuốn sách vỡ lòng về tiếng An Nam từ ông Nam - người đồng tộc với vua Bảo Đại triều Nguyễn, tôi cũng đã từng đọc cuốn *Kim Vân Kiều* 金雲翹 do Komatsu Kiyoshi 小松清 dịch, tôi cũng đã đến Đông Dương trong quân đội Nhật, tất cả những chuyện đó diễn ra vào năm 1942. Tôi đã cất kỹ cuốn *Kim Vân Kiều* 金雲翹 bản dịch Pháp ngữ trong túi mang về nước vào năm 1946. Khi ấy muốn dịch *Kim Vân Kiều* 金雲翹 thì lại không có từ điển, nên tôi phải làm từng chữ cuốn từ điển của mình. Thời gian sau, có trong tay cuốn từ điển chuyên môn, tôi đã dành hết tâm lực để dịch *Truyện Kiều* 翹伝, và hoàn thành nó vào tháng 7 năm 1995. Bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 của GS Takeuchi Yonosuke ra đời đến nay đã hơn 10 năm, không còn thấy bán ở đâu nữa. Bản dịch mới thì không thấy xuất hiện, nên tôi phải đứng ra chịu trách nhiệm dịch tác phẩm này. Việc dịch và xuất bản một cách công phu một kiệt tác đỉnh cao của văn học Việt Nam như thế này bằng kinh phí cá nhân mà không có sự trợ giúp của ai thì thật là điều đáng tiếc. Tôi cũng xin trình bày hết những gian nan vất vả để có được một bản *Kiều* tiếng Nhật ở Nhật Bản trước các bạn Việt Nam như vậy”...

Bản *Kiều* bằng tiếng Nhật của Akiyama dịch ra thơ với nhịp điệu truyền thống 5-7, mỗi câu *Kiều* nguyên tác bằng lục bát được dịch ra thành một dòng thơ tiếng Nhật. Chú thích đơn giản hơn nhiều so với bản của Takeuchi, từ ngữ mới cũng dễ hiểu hơn đối với người Nhật hiện nay, nên bản *Kiều* này có tính đại chúng hơn. Cách phiên âm tên nhân vật khá hợp lý: viết bằng chữ Hán (Kanji) như nguyên tác, đọc âm theo kiểu tiếng Việt chứ không phải âm Hán Hòa. Ví dụ:

| Nhân vật   | Bản của Akiyama<br>(âm tiếng Việt) | Bản của Takeuchi<br>(âm Hán Nhật) |
|------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| Thúy Kiều  | Toui Kyou                          | Sui Gyou                          |
| Thúy Vân   | Toui Van                           | Sui Un                            |
| Vương Quan | Vuong Kuon                         | Ou Kan                            |
| Vương Ông  | Vuong ong                          | Ou ong                            |
| Kim Trọng  | Kim Chong                          | Kin Juu                           |

Cách đọc tên nhân vật theo kiều Hán Nhật mà Takeuchi dùng thì dễ đọc và gần gũi với người Nhật, nhưng lại quá xa với nguyên tác và hơi cổ. Vì vậy có thể nói cách xử lý của Akiyama phù hợp với xu hướng hiện đại hơn.

Sau khi dịch và xuất bản *Truyện Kiều* 翹伝, Akiyama Tokio có viết và xuất bản một cuốn sách có tính nghiên cứu về *Truyện Kiều* 翹伝 với nhan đề: Đi tìm nguyên gốc *Truyện Kiều* (金雲翹の原典を探る), do tác giả tự xuất bản, Công ty Shinko ấn hành (新興印刷株式会社), Tokyo, 1997. Đây không phải là công trình văn bản học đi tìm nguyên tác *Truyện Kiều* 翹伝, mà là tập sách nghiên cứu so sánh nội dung từng chương *Kim Vân Kiều* 金雲翹 *truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân và *Truyện Kiều* 翹伝 của Nguyễn Du. Akiyama không phải là nhà nghiên cứu và dịch giả văn học chuyên nghiệp, nhưng 2 quyển sách mà ông đề lại là món quà quý thể hiện tình yêu của một người Nhật đối với kiệt tác văn học Việt Nam.

10 năm sau bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 của Akiyama Tokio lại có bản dịch khác nữa - bản dịch thứ năm: bản của Sato Seiji và Kuroda Yoshiko. Toàn bộ bìa quyển sách ghi như thế này:

Đoạn trường tân thanh - *Truyện Kiều*

***Truyện Thúy Kiều***

Nguyên tác: Nguyễn Du

Việt - Anh dịch, cước chú: Lê Xuân Thủy

Anh - Nhật dịch: Seiji Sato và Yoshiko Kuroda

(斷腸新聲 傳翹 *Truyện Kiều*)

トウイ キョウの物語

原作 グエン ブー (阮攸 Nguyễn Du)

越英訳 脚注 レ スァン トウイ (Lê Xuân Thủy)

英和訳 佐藤清二 (Seiji Sato), 黒田佳子 (Yoshiko Kuroda))

Trang cuối có ghi các yếu tố xuất bản như sau:

Chế bản và in ấn: Công ty trách nhiệm hữu hạn in Sanko (サンコー印刷株式会社), Phát hành: Công ty trách nhiệm hữu hạn Kibijin (株式会社吉備人), Tokyo, ngày 9 tháng 3 năm 2005.

Sách có lời đề tựa của Nguyễn Văn Lưu bằng tiếng Nhật ở đầu và tiếng Việt ở cuối đề ngày 7/5/2004. Cuối sách có các bài và các mục sau:

- Bản tiếng Nhật lời giới thiệu bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ra tiếng Anh của Lê Xuân Thủy.
- Bài viết ngắn về *Truyện Kiều* 翹伝 của nhà thơ Kuroda Yoshiko có nhan đề *Thế giới của lời thơ*.

Lời đề cuối của dịch giả Seiji Sato ngày 12/3/2005.

Tư liệu tham khảo.

Phụ lục một số trang *Truyện Kiều* 翹伝 bằng chữ quốc ngữ và chữ Nôm.





- 10 bài thơ *Tức hứng thi* trong *Kim Vân Kiều* 金雲翹 truyện của Thanh Tâm Tài Nhân Bản tiếng Việt lời đề tựa của Nguyễn Văn Lư.

Sato Seiji là kỹ sư, sinh năm 1959 tại thị trấn Nagai tỉnh Yamagata. Sau khi tốt nghiệp cao học ngành Công học trường Đại học Hokkaido, ông vào làm việc ở Bộ Giao thông vận tải đến năm 2002, sau đó đi làm việc ở Việt Nam. Từ năm 2003 đến nay làm việc tại cơ quan hành chính tỉnh Okayama.

Kuroda Yoshika là nữ thi sĩ, sinh năm 1945 tại Kyoto, sống chủ yếu ở Yokohama. Năm 1968 tốt nghiệp cao học ngành Văn học Nhật Bản trường Đại học Rikkyo. Thường đăng thơ trên tạp chí *Hỏa diệm* (Honoo 焔). Có sách xuất bản: *Cha tôi Inoue Osamu: Trăm năm một thừa* (父 井上靖一期一会). Hiện đang làm biên tập cho tạp chí *Chim câu đưa thư* (伝書鳩).

Bản dịch của Lê Xuân Thủy xuất bản năm 1963 ở Sài Gòn là bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ra tiếng Anh đầu tiên. Bản dịch này cùng với 2 bản của Huỳnh Sanh Thông, Ngô Đình Chương (đều được xuất bản 1973) được đánh giá là ba bản dịch tốt nhất của người Việt trong số hàng chục bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ra tiếng Anh hiện nay.

Bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 của Sato Seiji là bản dịch bằng văn xuôi tiếng Nhật hiện đại, ít chú thích, có nhiều minh họa lấy từ bản *Kiều* nổi tiếng của Việt Nam. Tên nhân vật dùng tên tiếng Việt phiên âm, không còn dùng chữ Hán (Kanji) nữa. Việc dịch ra văn xuôi *Truyện Kiều* 翹伝 đã từng có bản của Komatsu Kiyoshi 小松清 1942, nhưng có lẽ bản ấy đã không còn bán, đồng thời nó lại được viết bằng thứ tiếng Nhật hơi cổ, khó hiểu với công chúng hiện đại, vì vậy mà có bản *Kiều* này. Bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 của Sato Seiji thể hiện tình yêu của một kỹ sư người Nhật có khiếu văn chương và một thi sĩ Nhật Bản hiện đại đối với một tác phẩm đỉnh cao của văn học Việt Nam. Trong buổi lễ ra mắt bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝, Sato cho biết: “Tôi đã từng đến Việt Nam, từng nghiên cứu *Truyện Kiều* 翹伝. Tôi cảm nhận được đây là một kiệt tác. Thật là đáng tiếc nếu không giới thiệu rộng rãi cho người Nhật. Và tôi đã dịch nhằm giới thiệu với đồng bào tôi cái hay cái đẹp của *Truyện Kiều* 翹伝 nói riêng và văn học Việt Nam nói chung”<sup>1</sup>.

## Kết luận

Hơn 60 năm biết đến *Truyện Kiều* 翹伝, người Nhật đã cho ra đời 5 bản dịch khác nhau. Sau Pháp chỉ có Nhật Bản mới có bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ra đời trước 1945, nghĩa là người ta không phải chỉ biết đến *Truyện Kiều* 翹伝 trong chiến tranh Việt Nam. Người dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ở Nhật Bản rất đa dạng. Có nhà văn, dịch giả, nhà phê bình nổi tiếng như Komatsu Kiyoshi 小松清; có học giả Việt Nam học tiên phong như Takeuchi Yonosuke; có cựu binh từ Đông Dương trở về như Akiyama Tokio; có kỹ sư làm việc ở Việt Nam sau Đổi mới như Sato Seiji. Họ có điểm chung nhau là đều đã từng đến Việt Nam, ngắn thì một hai năm như Sato, dài thì 4, 5 năm như Komatsu, Takeuchi, và chỉ với một

<sup>1</sup> Theo VOV, in lại trong báo *Khánh Hòa*, <http://www.baokhanhhoa.com.vn...>



thời gian ngắn họ đã bị thu hút bởi nền văn hóa của nước này và *Truyện Kiều* 翹伝. Họ biết đến *Truyện Kiều* 翹伝 một cách có vẻ như tình cờ, người thì được bạn cũ người Việt tặng cho bản Pháp văn, người thì được một đồng nghiệp người Hoa tặng cho bản Nôm, người thì giấu một bản *Kiều* vào ba lô cựu binh từ chiến trường Phật Ấn<sup>1</sup> trở về Nhật và đến 50 năm sau mới hoàn thành ước mơ dịch thuật của mình, người thì có bản tiếng Anh mới xuất bản. Từ những hoàn cảnh khác nhau ấy mà hình thành nên những bản *Kiều* dịch ra tiếng Nhật rất đa dạng về phong cách: bản dịch *Kiều* của Komatsu Kiyoshi 小松清 bằng văn xuôi nhưng thi vị dồi dào, văn phong hào mại, phóng khoáng; bản của Takeuchi thì nghiêm cẩn, uyên bác, nhưng cũng không kém trau chuốt với hương sắc, âm điệu của thể giới cổ điển; bản của Akiyama Tokio phong phú thi tứ tiếng Nhật hiện đại; bản của Sato Seiji và Kuroda Yoshiko thì có ngôn ngữ văn xuôi mới mẻ, tươi sáng, thích hợp với người trẻ hiện đại. Mỗi bản có một giá trị khác nhau, khiến cho các bản *Kiều* tiếng Nhật cũng có chỗ đứng cao trong các bản dịch *Truyện Kiều* 翹伝 ra các thứ tiếng trên thế giới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Takashi Takashi、Pichois Claud: 「小松清: ヒューマニストの肖像」, 白亜書房, 東京, 1999
2. Vĩnh Sính: *Một nhà văn Nhật viết về Nguyễn Ái Quốc trong thời gian ở Pháp* (フランス時代の Nguyen Ai Quoc について書いた日本作家). Tạp chí *Xưa & Nay*, số 27, tháng 5-1996
3. 阮悠 著、小松清譯、KIM VAN KIÉOU、東寶発行所 刊、昭和十七年十月一日印刷; 昭和十七年十月七日発行
4. グエン ブー (阮悠 Nguyễn Du)、斷腸新聲 傳翹 *Truyện Kiều* トウイ キョウの物語、英和訳 佐藤清二 (Seiji Sato)、黒田佳子 (Yoshiko Kuroda)、サンコ一印刷株式会社、発行者: 株式会社吉備人、東京、2005
5. 竹内与之助、「金雲翹」、阮悠 著、講談社、1975. Bài đã đăng trên Kỉ yếu Hội nghị Khoa học, TP. Hồ Chí Minh

<sup>1</sup> Phật Ấn (Futsu-in 仏印), cách gọi tắt của người Nhật về Đông Dương: Phật lãnh Ấn Độ Chi Na 仏領印度支那 (Futsu ryo Indoshina - Đông Dương thuộc Pháp)



# XUNG HÔ CỦA THÚY KIỀU VỚI NHỮNG NGƯỜI ĐÀN ÔNG DUYÊN - NỢ TRONG ĐỜI

(TỪ GÓC NHÌN LÝ THUYẾT HỘI THOẠI)

TS. NGUYỄN THỊ THUẬN

(...)

## 1. Đặt vấn đề

Trải qua hơn hai thế kỷ, *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du không chỉ khẳng định vị thế là một kiệt tác văn chương mà còn được coi là một “bảo tàng ngôn ngữ” của dân tộc. Tài năng của Nguyễn Du thể hiện rõ nét nhất ở việc sử dụng tiếng Việt một cách tinh tế, chuẩn mực nhưng cũng đầy biến hóa để khắc họa thế giới nội tâm nhân vật. Trong hệ thống ngôn từ đa dạng đó, *phương tiện xung hô* đóng vai trò là một “mã văn hóa” và “mã nghệ thuật” quan trọng, giúp định vị các mối quan hệ xã hội và cá tính hóa nhân vật.

Trong giao tiếp, xung hô không đơn giản là cách gọi tên mà là một *chiến lược hội thoại* phức tạp. Đối với nhân vật Thúy Kiều, hành trình mười lăm năm lưu lạc cũng chính là hành trình vận động của các kiểu mẫu giao tiếp. Nàng phải đối mặt với nhiều hạng người, trong đó, những người đàn ông mang tính chất “duyên - nợ” là những nhân tố trực tiếp làm thay đổi tâm thế và vị thế của nàng. Cách Kiều lựa chọn từ ngữ xung hô với các nhân vật này không hề cố định mà biến đổi linh hoạt theo từng ngữ cảnh, mục đích và sự biến chuyển của các quan hệ liên nhân.

Tuy nhiên, phần lớn các công trình nghiên cứu trước đây thường tập trung thống kê xung hô dưới góc độ từ vựng học tĩnh hoặc thi pháp học truyền thống. Việc đặt hệ thống từ xung hô của Thúy Kiều vào dòng chảy của *Lý thuyết hội thoại* để giải mã các chiến lược giao tiếp động, như cách nhân vật bảo vệ “thể diện” hay thực hiện các “hành động nói”, vẫn chưa được khai thác một cách hệ thống và chuyên sâu.

Xuất phát từ thực tế đó, bài viết “*Xung hô của Thúy Kiều với những người đàn ông duyên - nợ trong đời (Từ góc nhìn lý thuyết hội thoại)*” hướng tới việc nhận diện và phân tích cách sử dụng các phương tiện xung hô mà Nguyễn Du đã trang bị cho nhân vật chính. Thông qua việc soi chiếu mối quan hệ giữa Kiều với những người đàn ông duyên - nợ, bài viết không chỉ mong muốn giải mã sự tinh tế trong ứng xử của nhân vật mà còn góp phần khẳng định tài năng ngôn ngữ bậc thầy và cái nhìn nhân sinh sâu sắc của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

## 2. Tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

Từ trước đến nay, ở góc độ nghiên cứu văn học, *Truyện Kiều* luôn là mảnh đất màu mỡ cho nhiều nhà nghiên cứu khám phá về giá trị nhân đạo, thế giới nội tâm nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình. Tuy nhiên, các nghiên cứu này thường thiên về *phê bình văn học truyền thống*, xem ngôn ngữ xưng hô là phương tiện để bộc lộ tính cách nhân vật mà chưa đi sâu vào cơ chế vận hành của chúng trong các cuộc hội thoại dưới góc nhìn của ngôn ngữ học hiện đại.

Dưới góc độ ngôn ngữ, từ lâu *Truyện Kiều* đã là tâm điểm thu hút sự quan tâm của giới học thuật với nhiều hướng tiếp cận đa dạng. Đi tiên phong trong việc định lượng và giải mã từ vựng là học giả **Đào Duy Anh**. Với *Từ điển Truyện Kiều* [1], **Đào Duy Anh** đã khẳng định hệ thống ngôn ngữ của Nguyễn Du là một sự kết tinh mẫu mực, đạt đến độ chín muồi khi kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính bác học và tinh hoa dân gian. Đây là nguồn tư liệu quý giá giúp định lượng tần suất của các từ xưng hô.

Phan Ngọc trong *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* [6] đã nâng tầm nhận thức về ngôn từ của đại thi hào khi cho rằng mỗi từ xưng hô không bao giờ là ngẫu nhiên, mà luôn phản ánh một sự tự ý thức cao độ về vị thế xã hội và quan hệ liên nhân.

Đứng từ quan điểm chủ nghĩa hiện thực, Lê Đình Ky [4] nhấn mạnh tính biến hóa của lời thoại nhân vật, coi đó là tấm gương phản chiếu sự vận động của tâm lý và hoàn cảnh.

Trần Đình Sử [7] dưới góc nhìn thi pháp học đã chỉ ra rằng ngôn ngữ đối thoại của Kiều mang tính «đa thanh», phản ánh sự tự ý thức sâu sắc về vị thế của nhân vật trong từng chặng đường lưu lạc. Dù thiên về thi pháp học, nhưng cuốn sách này đã dành thời gian lớn phân tích ngôn ngữ như một công cụ kiến tạo thế giới nghệ thuật. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên hoặc chưa đề cập tới vấn đề xưng hô, hoặc mới thống kê các đơn vị xưng hô đơn lẻ thường mang tính *tĩnh*, chưa đặt chúng vào lý thuyết hội thoại để thấy rõ “chiến lược giao tiếp” của nhân vật.

Trong những thập kỷ gần đây, hướng nghiên cứu ngôn ngữ học thuần túy dần chuyển sang hướng tiếp cận ngữ dụng và thi pháp hiện đại.

Trong cuốn *Ngôn ngữ Truyện Kiều* [8], một công trình chuyên sâu dưới góc nhìn của ngôn ngữ học hiện đại, nhà ngôn ngữ học **Đào Thản chỉ rõ** Nguyễn Du đã khai thác triệt để sức mạnh của các từ ngữ xưng hô để xác lập khoảng cách và thái độ giữa các nhân vật; mỗi lần Kiều thay đổi cách gọi mình hay gọi người chính là một lần cấu trúc hội thoại được tái lập dựa trên những biến đổi của ngữ cảnh.

Mặc dù các nhà nghiên cứu trên đã đặt những viên gạch lý thuyết quan trọng cho việc nghiên cứu giá trị ngôn ngữ của *Truyện Kiều*. Nhưng việc tập trung chuyên biệt vào hệ thống từ xưng hô của Thúy Kiều đối với nhóm đối tượng nam giới cụ thể dưới sự soi chiếu của lý thuyết hội thoại động vẫn còn là một khoảng trống đáng kể.



Bài báo này kế thừa kết quả của các bậc tiền bối đi trước nhưng chọn một hướng tiếp cận khu biệt: không chỉ dừng lại ở việc thống kê các đơn vị từ vựng tĩnh, mà đặt cách xưng hô của Thúy Kiều vào dòng chảy của lý thuyết hội thoại hiện đại. Qua việc soi chiếu các mối quan hệ với những người đàn ông duyên - nợ trong đời, bài viết giải mã cách thức Kiều sử dụng từ xưng hô như một chiến lược giao tiếp tinh tế, từ đó khẳng định thêm tài năng bậc thầy của Nguyễn Du trong việc cá tính hóa nhân vật qua ngôn từ.

### 2.2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Bài viết được xây dựng trên nền tảng của *Ngữ dụng học* hiện đại, tập trung vận dụng các lý thuyết then chốt của *Lý thuyết hội thoại*. [2;3;5;9] Cụ thể, tác giả dựa vào ba trụ cột chính: *Lý thuyết về chiều vật* và chỉ xuất như nền tảng trực tiếp của việc phân tích xưng hô; *Lý thuyết Hành động nói* của J.L. Austin và J. Searle để phân tích cách xưng hô của các nhân vật tham gia giao tiếp; *Lý thuyết về vai giao tiếp và chiến lược giao tiếp*, lấy đó làm cơ sở để xem xét cách lựa chọn từ xưng hô.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng cách tiếp cận liên ngành (*Ngôn ngữ học - Văn học*) với các phương pháp chính: *Phương pháp Phân tích diễn ngôn* để đặt các từ xưng hô vào ngữ cảnh cụ thể của từng cuộc thoại; *Phương pháp So sánh - Đối chiếu* để làm rõ sự khác biệt trong việc sử dụng từ xưng hô với từng người đàn ông duyên - nợ trong đời của Thúy Kiều. Ngoài ra bài viết còn sử dụng thủ pháp *Thống kê - Phân loại* để định lượng các từ xưng hô mà Kiều dùng cho những người đàn ông này.

## 3. Nội dung nghiên cứu và kết quả

Gia đình gặp tai biến, Kiều phải bán mình để chuộc cha và em. Rồi từ đó, lênhên đênh góc bể chân trời, kiếp phong trần của đời Kiều tuy có chặng thắng hoa, nhưng nhìn chung nếm đủ mùi đau khổ: “*Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*”. Những người đàn ông Kiều gặp trong đời không ít. Tuy nhiên có tám người thực sự là duyên - nợ của cuộc đời nàng. Tính theo thứ tự xuất hiện trong cuộc đời nàng có thể kể là *Kim Trọng, Mã Giám sinh, Sở Khanh, Thúc sinh, Bạc Hạnh, Từ Hải, Hồ Tôn Hiến, viên Thổ quan*. Trong tám người này chỉ có ba người: *Kim Trọng, Thúc sinh, Từ Hải* là duyên; còn lại năm kẻ là nợ. Tám người đàn ông này đến với nàng bằng những hoàn cảnh và động cơ khác nhau, tạo nên những dấu ấn trong cuộc đời khác nhau. Do đó, nàng cũng dành cho họ những thái độ ứng xử và tình cảm không giống nhau. Điều này thể hiện rõ qua cách sử dụng chiến lược xưng hô của Kiều đối với từng nhân vật.

### 3.1. Các phương tiện xưng hô của Thúy Kiều với những người đàn ông duyên - nợ

Chưa có điều kiện đối chiếu với các văn bản khác, tác giả chỉ xin chọn phần Phụ lục (Phần *Văn bản Truyện Kiều*) trong *Từ điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh làm văn bản khảo sát. Khảo sát 3254 câu thơ trong văn bản trên, có thể tổng hợp được các phương tiện xưng hô (PTXH) mà Kiều đã dùng với những người đàn ông duyên-nợ và cách phân bố các PTXH của Kiều với từng người này bằng bảng sau:

**Bảng tổng hợp phương tiện xưng hô của Thuý Kiều  
với những người đàn ông duyên nợ**

| Nhân vật             | Vị thế xã hội       | Quan hệ với Kiều            | Phương tiện XUNG                                       | TSSD và tỉ lệ % (Xung) | Phương tiện HÔ                                                                    | TSSD và tỉ lệ % (Hô) |
|----------------------|---------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>Kim Trọng</b>     | Nho sĩ, trí thức    | Tình nhân, tri kỷ           | Thiếp (3 lần), thân, trẻ thơ, vườn hồng, mình.         | 7 (26.9%)              | Chàng (4 lần), Kim lang (2 lần), quân tử (3 lần), hoa (3 lần), tri âm, chim xanh. | 14 (45.2%)           |
| <b>Từ Hải</b>        | Anh hùng, chủ tướng | Ân nhân, Tri kỉ, chồng      | Thiếp, thân bèo bọt, cỏ nội, hoa hèn, bồ liễu, gan óc. | 8 (30.8%)              | Chàng, người, lượng cả, mây hồng, bóng cây, sấm sét, trời mây.                    | 7 (22.6%)            |
| <b>Thúc Sinh</b>     | Thương nhân         | Ân nhân, Chồng (lấy làm lẽ) | Thiếp (2 lần), tôi, người cũ, ta, đôi ta.              | 6 (23.1%)              | Chàng. (8 lần)                                                                    | 8 (25.8%)            |
| <b>Sở Khanh</b>      | Kẻ lừa đảo          | Kẻ lừa gạt                  | Tôi, mặt này.                                          | 2 (7.7%)               | Người, mặt ấy.                                                                    | 2 (6.4%)             |
| <b>Hồ Tôn Hiến</b>   | Quan đại thần       | Kẻ thù/ Kẻ áp chế           | Tôi. (3 lần)                                           | 3 (11.5%)              |                                                                                   | 0 (0%)               |
| <b>Mã Giám Sinh</b>  | Kẻ buôn người       | Kẻ mua - Người bán          |                                                        | 0 (0%)                 |                                                                                   | 0 (0%)               |
| <b>Bạc Hạng</b>      | Kẻ buôn người       | Kẻ lừa gạt                  |                                                        | 0 (0%)                 |                                                                                   | 0 (0%)               |
| <b>Viên thổ quan</b> | Quan địa phương     | Chồng (do gán)              |                                                        | 0 (0%)                 |                                                                                   | 0 (0%)               |
|                      |                     |                             |                                                        | <b>26 (100%)</b>       |                                                                                   | <b>31 (100%)</b>     |

**Chú thích :** TSSD viết tắt của **Tần suất sử dụng**.

- **Kết quả khảo sát cho thấy sự phong phú trong phương tiện biểu đạt:** có đôi lần Thuý Kiều dùng cách nói trống không, (không sử dụng từ xưng hô), nhưng khi sử dụng từ *xưng hô* lại khá đa dạng, phong phú, và linh hoạt. Cụ thể có 17 phương tiện dùng để xưng và 13 phương tiện dùng để hô, với TSSD khác nhau: xưng sử dụng 26 lần, hô sử dụng 31 lần. Như vậy tổng TSSD từ để xưng và hô là 57. Khác với xưng, Kiều không dùng đại từ để hô gọi. Ngoài việc sử dụng đại từ và danh từ xưng hô, *những từ vốn không dùng để xưng hô* lại được Kiều sử dụng với tần suất cao nhất (31/57 lần, chiếm 54,4%). Đây cũng là nét khá đặc biệt biểu hiện tài hoa của Nguyễn Du trong cách sử dụng ngôn từ.





- Mặt khác, *bảng khảo sát cho thấy Thuý Kiều phân hóa rõ rệt phương tiện xưng hô với từng nhân vật nam*: Trong khi Kim Trọng chiếm tỉ lệ *hô* cao nhất (45.2%) với ngôn từ trân trọng, thì Từ Hải lại chiếm tỉ lệ *xưng* cao nhất (30.8%) qua sự tự hạ mình, thể hiện đỉnh cao của sự tri kỷ và tôn kính. Với Thúc Sinh, TSSD từ xưng hô khá cân đối (*xưng*: 23,1%; *hô*: 25,8%). Lời lẽ mang tính khuôn mẫu. Với Sở Khanh, TSSD từ xưng hô sụt giảm hẳn (*xưng*: 7,7%; *hô*: 6,4%). Lời lẽ trung tính và dằn mặt. Riêng với Hồ Tôn Hiến, Kiều chỉ có *xưng* không có *hô* và xưng với một tần suất rất thấp (11,5%) và cũng chỉ dùng duy nhất một đại từ “tôi”, để tạo khoảng cách. Đặc biệt với Mã Giám sinh, Bạc Hạnh, Viên thổ quan, TSSD từ xưng hô bằng *không*, ở đây tuyệt nhiên không hề có sự tương tác. Sự lựa chọn từ xưng hô và cách phân bố từ xưng hô với từng nhân vật nam này nằm trong chiến lược xưng hô của nàng. Điều này sẽ được xem xét sâu hơn trong mục 3.2 dưới đây.

### 3.2. Chiến lược xưng hô của Thuý Kiều trong các quan hệ giao tiếp với những người đàn ông duyên - nợ

*Chiến lược xưng hô* là việc người nói chủ động lựa chọn các từ ngữ xưng hô một cách linh hoạt nhằm thiết lập, duy trì hoặc thay đổi *vị thế* và *mối quan hệ* với người nghe để đạt được một mục đích giao tiếp cụ thể.

Lí thuyết hội thoại đã chỉ rõ: các phương tiện xưng hô là những biểu thức quy chiếu người tham thoại trong phát ngôn; có rất nhiều nhân tố chi phối, ảnh hưởng đến việc lựa chọn các PTXH trong giao tiếp [3; 9]. Để tạo ra một chiến lược xưng hô, Thuý Kiều thường dựa trên 3 yếu tố then chốt: *vị thế xã hội, khoảng cách tâm lý, ngữ cảnh giao tiếp*. Chiến lược xưng hô của Thuý Kiều là một “ma trận ngôn từ” mà nàng sử dụng để điều khiển các mối quan hệ xã hội. Nó không cố định mà biến thiên liên tục theo nhịp đập của tâm lý và hoàn cảnh.

- Việc chủ động lựa chọn và phân bố từ xưng hô của Thuý Kiều với những người đàn ông này đã hình thành nên ba nhóm đối tượng cụ thể với TSSD phương tiện xưng hô cũng rất khác nhau ( xem bảng tổng hợp ở mục 3.1 trên)

+ Nhóm đầu tiên (***nhóm giao tiếp nồng nhiệt***) gồm Kim Trọng, Từ Hải, Thúc sinh, ba người đàn ông quan trọng nhất của đời nàng. Nhóm này có TSSD từ xưng hô cao nhất, với tổng tỉ lệ chiếm gần 80 - 90% toàn bộ hệ thống từ xưng hô. Điều đó cho thấy, Kiều chỉ thực sự “giao tiếp” bằng tâm hồn với những người nàng coi là tri kỷ hoặc ân nhân. Ở nhóm này, các phương tiện xưng hô khá đa dạng, ngoài các PTXH quen dùng, nàng mở rộng sang các hình ảnh ẩn dụ: *vườn hồng, thân bèo bọt, hoa hèn, bóng cây...*, cho thấy khi yêu hoặc khi mang ơn, ngôn ngữ của Kiều đạt đến độ thâm mỹ và tính biểu cảm cao nhất.

+ Nhóm tiếp theo (***nhóm giao tiếp đối phó***) gồm Sở Khanh - Hồ Tôn Hiến. Nhóm này, các cột chỉ số sụt giảm mạnh. PTXH co cụm lại ở những từ ngữ trung tính như: *Tôi, Người*. Số liệu cho thấy ở đây có sự “tiết kiệm” lời nói. Khác với nhóm trên, nhóm này, Kiều giao tiếp mang tính đối phó. Nàng chỉ nói đủ để tồn tại hoặc để giữ thể diện tối thiểu. Riêng với Hồ Tôn Hiến, chỉ số *hô* bằng 0 cho thấy sự khinh bỉ tột độ hoặc sự căm lạng của một nạn nhân trước kẻ thù.

+ Nhóm cuối cùng (*nhóm vô ngôn*) gồm Mã Giám sinh - Bạc Hạnh - Viên thổ quan. **Điểm nổi bật của nhóm này là các cột chỉ số hoàn toàn trống không.** Các PTXH với các nhân vật này đã hoàn toàn biến mất. Việc Kiều không sử dụng phương tiện xưng hô với các nhân vật này có thể được *xác định như một chiến lược không xác lập quan hệ giao tiếp, qua đó phủ nhận tính chính danh của đối phương trong quan hệ tương tác.* Sự im lặng của Kiều hoặc là biểu thị một sự *từ chối xác nhận sự tồn tại* của đối phương trong thế giới tâm hồn của mình, hoặc là một *sự khinh bỉ tột độ.* Nàng không cho phép những kẻ buôn người hay những quan lại vô cảm bước vào không gian ngôn ngữ tình cảm của mình. Kiều chỉ xem đó là những đối tượng ngoài lề của dòng cảm xúc. Như vậy, sự “*im lặng xưng hô*” không chỉ là biểu hiện tâm lý nhân vật mà còn là một lựa chọn chiến lược trong tổ chức quan hệ giao tiếp. Qua con số thống kê, có thể thấy rõ quy luật: *Tình cảm càng sâu sắc, ngôn ngữ càng phong phú; nhân cách càng đối lập, ngôn ngữ càng thưa vắng, xa cách.*

- Không chỉ cho thấy TSSD từ xưng hô trong từng nhóm khác nhau, chiến lược xưng hô của Thúy Kiều trong các quan hệ giao tiếp với những người đàn ông này còn cho thấy **sắc thái biểu cảm của nàng** khi sử dụng từ xưng hô với từng loại đối tượng cũng rất khác biệt:

+ Với Kim Trọng, PTXH luôn mang sắc thái trân trọng và đồng điệu. Nàng dùng các từ ngữ hoa mỹ, đài các: *Kim lang, quân tử, tri âm*, thể hiện sự trân trọng tuyệt đối dành cho mỗi tình đầu tri kỷ.

+ Với Từ Hải, PTXH luôn biểu hiện sự sùng bái và biết ơn: Cách xưng hô biến hóa từ sự nhún nhường của một kẻ chịu ơn: *thân bèo bọt, hoa hèn* đến sự ngưỡng mộ một anh hùng: *sấm sét, trời mây.* Các từ hô như *lượng cả, mây hồng* cho thấy Kiều không chỉ coi Từ Hải là chồng mà còn là một vị cứu tinh, một lý tưởng sống.

+ Với Thúc Sinh, PTXH luôn mang tính thực tế và nghĩa tình: Cách xưng hô có phần giản đơn và “đời” hơn: *tôi, ta, người cũ.* Dù có danh phận là chồng, nhưng cách dùng từ cho thấy mối quan hệ này nặng về “nghĩa” và sự trả ơn hơn là sự thăng hoa về tâm hồn như với Kim Trọng.

+ Với Sở Khanh và Hồ Tôn Hiến, PTXH luôn mang sắc thái đề phòng và xa cách: Việc sử dụng các từ trung tính: *tôi, người* cho thấy Kiều đã dựng lên một bức tường ngăn cách. Ở đây không có tình cảm, chỉ có sự giao tiếp bắt buộc hoặc sự khinh miệt kín đáo.

+ Với Mã Giám sinh, Bạc Hạnh, Viên thổ quan, PTXH thể hiện sự khinh miệt và khước từ giao tiếp: Chỉ số **0%** về phương tiện xưng hô đối với nhóm người này trong bảng thống kê là minh chứng cho một “*khoảng lặng đầy khinh miệt*” trong ngôn ngữ của Thúy Kiều. Về tâm lý, sự căm lạnh này phản ánh trạng thái *tê liệt cảm xúc* và thái độ *khước từ giao tiếp* tuyệt đối: nếu với Mã Giám Sinh và Bạc Hạnh là sự ê chề của một “món hàng” bị định giá, thì với Viên thổ quan là sự uất nghẹn của một nhân cách bị cưỡng ép. Kiều đã triệt tiêu tư cách chủ thể đối thoại để thể hiện *sự phản kháng ngầm*, không chấp nhận thiết lập bất kỳ mối quan hệ danh xưng nào với những kẻ đại diện cho sự lừa lọc và chà đạp nhân phẩm.



Sự đối lập trong ngôn ngữ xưng hô của Kiều chính là thước đo chính xác nhất cho *biểu đồ tâm lý và thái độ nhân sinh* của nàng: Nếu với các **ân nhân và tri kỷ**, Kiều sử dụng hệ thống từ ngữ phong phú, giàu sắc thái biểu cảm thì với *kẻ thù và kẻ lừa đảo*, ngôn ngữ ấy lập tức bị tước đoạt, biến đổi, hoặc *câm lặng tuyệt đối*. Sự tương phản cực đoan này cho thấy Kiều không hề nhu nhược. Nàng sử dụng ngôn ngữ như một công cụ để *phân định giá trị làm người*: tôn trọng bậc chính nhân quân tử và dùng sự im lặng làm vũ khí khinh miệt trước những kẻ tiểu nhân đê tiện.

Chiến lược xưng hô đã chứng minh Kiều là người phụ nữ thông tuệ, biết “tùy người, tùy cảnh” mà lựa chọn ngôn từ, thể hiện sự sắc sảo, tự trọng và cũng là một người *cực kỳ tinh tế* trong giao tiếp. Ở mỗi hoàn cảnh, với mỗi đối tượng, nàng tự điều chỉnh “vị thế” của mình để phù hợp với đạo đức và hoàn cảnh lúc đó.

Xin lấy một vài trường hợp cụ thể làm minh chứng.

- Trước hết là việc dùng đại từ xưng hô ngôi thứ nhất số ít “tôi”.

Kiều không dùng nhiều lần từ *tôi* để tự xưng. Nàng chỉ sử dụng có năm lần với ba đối tượng khác nhau nhưng cung bậc tình cảm và chiến lược xưng hô cũng rất khác biệt.

Lần thứ nhất với Sở Khanh: *Rằng: “Tôi* bèo bọt chút thân [câu 1097], mới gặp Sở Khanh lần đầu, chưa quen thân, nên Kiều dùng từ *tôi* để tự xưng là một cách xác định quan hệ rất đúng mực.

Lần thứ hai với Thúc sinh: *Trăm điều ngang ngửa vì tôi* [câu 1345]. Xin thưa, trước đó Kiều đã dùng *thiếp* để xưng với Thúc sinh nhưng lúc này nàng lại thay đổi chiến lược xưng hô, thay vì xưng *thiếp* Kiều lại xưng *tôi*. Việc xưng *tôi* lần này không phải bị chi phối bởi quan hệ thân sơ như với Sở Khanh mà bị tình huống giao tiếp chi phối. Đó là lúc Thúc sinh muốn “tính cuộc vuông tròn” với Kiều. Và nàng đã đủ từng trải để dự liệu được tất cả những rủi ro có thể đến. Dùng từ *tôi* với Thúc sinh lúc này là nàng đã *chủ động đẩy Thúc sinh ra xa một chút để tạo một khoảng cách khách quan*, một cách lựa chọn xưng hô đầy lý trí và tỉnh táo. Đây không phải là cách tự xưng với thái độ khiêm nhường, mà là cách nói chắc nịch, mang tính khẳng định dứt khoát của một chủ thể không chấp nhận trái ngang, hệ lụy.

Lần thứ ba, bốn, năm, Kiều dùng để xưng với Hồ Tôn Hiến. Với Hồ Tôn Hiến, Kiều dùng ba lần nhưng với các sắc thái không giống nhau. Lần thứ nhất dùng để khẳng định, ngợi ca và có phần chiêu tuyết cho Từ Hải: *Tin tôi, nên quá nghe lời* [câu 2551]. Trước một người có vị thế xã hội quá chênh lệch (quan Tổng đốc trọng thần/ với vợ của một tội đồ - nghịch tặc đã chết), Kiều đã bất chấp, ngang nhiên ngợi ca Từ Hải. Nàng khẳng định *con người bách chiến bách thắng này* chết không phải vì kém tài Hồ Tôn Hiến mà vì quá tin vợ. Và lần thứ hai, thứ ba, nàng dùng: *Sống thừa, tôi* đã nên liều mình *tôi!* [câu 2560].

Tôi là đại từ xưng hô trung hoà về sắc thái biểu cảm, thường được dùng với những người ngang hàng hoặc người trên đối với kẻ dưới. Vậy mà Kiều lại dám dùng từ đó để xưng với Hồ Tôn Hiến, một quan *tổng đốc trọng thần* của triều đình và lại dùng với một

tần suất cao nhất. Nhân tố chi phối việc lựa chọn từ *tôi* xưng hô lần này không chỉ dựa trên biến số quyền lực, khoảng cách xã hội mà phụ thuộc mạnh mẽ vào tình huống giao tiếp. Chính sự lừa dối trá trở của Hồ Tôn Hiến, sự day dứt ân hận vì quá nông nổi tin người của mình đã gián tiếp đẩy Từ vào chỗ chết, khiến Kiều bất chấp, không còn biết sợ. Cách xưng hô ấy đã nâng vị thế của nàng lên ngang hàng Hồ Tôn Hiến và hạ thấp vị thế của Hồ Tôn Hiến xuống ngang tầm với mình. Với cách xưng hô này, người đọc thấy được một phẩm chất kiên cường của nàng.

Vậy là, khi chưa xác lập quan hệ thân mật (Sở Khanh), khi cần tạo khoảng cách trong giao tiếp (Thúc Sinh), hay khi nhân vật ở trạng thái xung đột quyền lực (Hồ Tôn Hiến), nàng chỉ dùng một đại từ *tôi* trong xưng hô ấy thôi, nhưng sắc thái biểu cảm cũng có sự biến đổi khôn lường.

- *Tiếp đến là việc dùng cặp từ xưng hô thiếp - chàng.*

Đây là cặp từ xưng hô được Kiều sử dụng nhiều nhất và chỉ được sử dụng với Kim Trọng, Thúc sinh, Từ Hải, nhưng tần suất và cách ứng xử cũng không hoàn toàn giống nhau.

Với Kim Trọng, (không tính màn độc thoại trao duyên), phải sau 15 năm lưu lạc, gặp lại, nàng mới dám xưng *thiếp* gọi Kim là *chàng*: ***Thiếp*** từ *ngô* *biển* đến giờ [câu 3097], Đã hay ***chàng*** *nặng* vì *tình* [câu 3105].

Trong buổi đầu gặp gỡ, với vị thế của một người con gái mới lớn, trong giao tiếp, dù *tình trong như đã* *mặt ngoài còn e* nhưng Kiều chưa dám tự xưng là *thiếp* và gọi Kim Trọng là *chàng*. Nàng chỉ dùng từ *trẻ thơ* để xưng và từ *hoa*, *tri âm* để gọi Kim Trọng: *Nặng lòng xót liễu*, vì ***hoa***/ ***Trẻ thơ*** đã biết đâu mà dám thưa! [câu 335-336], hoặc Vì ***hoa*** nên phải đánh đường tìm ***hoa*** [câu 442]. Đặc biệt, Kim Trọng là người duy nhất được Thúy Kiều gọi là *quân tử*. Trong *Truyện Kiều*, ba lần Thúy Kiều gọi Kim Trọng là *quân tử*. Hai lần đầu là khi mới gặp gỡ, Kim Trọng nhận được thoa của Thúy Kiều, nàng nói: Ôn lòng ***quân tử*** sá gì của rơi [câu 308] hoặc khi Kim Trọng tỏ tình, Kiều nói: Đã lòng ***quân tử*** đa mang [câu 351]

Lần thứ ba sau mười lăm năm lưu lạc, nàng vẫn lại dùng từ *quân tử* để gọi Kim Trọng: *Là nhờ ***quân tử*** khác lòng người ta* [câu 3182]. Cái đáng nói ở đây là lần đầu tiên và lần cuối cùng Kiều đều dùng từ *quân tử* để gọi Kim Trọng. Dù thấy, từ đầu đến cuối, hình ảnh Kim Trọng trong trái tim nàng không hề thay đổi. Có thể thấy trong các cuộc thoại với Kim Trọng, Nguyễn Du đã xây dựng một hệ thống từ xưng hô đầy tính văn hóa. Kiều yêu Kim Trọng bằng sự tự nguyện, nên cách xưng hô của Thúy Kiều với Kim Trọng không chỉ để định danh mà còn để kiến tạo một không gian tình yêu lý tưởng giữa hai tâm hồn đồng điệu. Chiến lược xưng hô ở đây không phải là kỹ thuật xã giao mà là biểu hiện của một tình yêu tri kỷ, nơi cái *tôi* của nhân vật được soi chiếu và nâng cao qua cái nhìn của đối phương.

Thúc sinh lại khác, chàng gặp Thúy Kiều trong chốn lầu xanh. Say vì sắc, trọng vì tài *trước còn trắng gió sau ra đá vàng*. Vị thế giao tiếp của nàng lúc này khác xa với khi ở bên Kim Trọng. Do đó, Kiều không có cái *e* ấp của mối tình đầu, nàng gặp Thúc sinh trong lúc mình đã *ong qua bướm lại đã thừa xấu xa* mà vẫn được Thúc sinh yêu, cứu thoát khỏi chốn lầu xanh và cưới làm vợ. Đối với Kiều, Thúc sinh là ân sâu, nghĩa nặng. Và lại, vai giao





tiếp của hai người khi gặp nhau không quá chênh lệch (khách làng chơi với gái làng chơi), điểm này khác với Kim Trọng và càng khác xa với Từ Hải, có lẽ vì thế chẳng mà Thuý Kiều xưng hô *thiếp - chàng* với Thúc sinh có phần thoải mái hơn. Hai lần nàng tự xưng là *thiếp*, tám lần gọi Thúc sinh là *chàng*, và cũng chỉ dùng duy nhất một từ *chàng* để gọi: *Nàng rằng: “Vâng biết ý chàng [câu 1315]; Hoa vẫn, xin hãy chịu chàng hôm nay [câu 1320]. Thiếp như hoa đã lìa cành/ Chàng như con bướm lượn vành mà chơi [câu 1325-1326] ...* Không chỉ xưng hô *thiếp - chàng*, Thuý Kiều còn hay sử dụng đại từ ở ngôi thứ nhất ngôi gộp để xưng: *Đôi ta chút nghĩa đèo bông [câu 1509], Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta [câu 1964]*, để biểu thị tình cảm thân mật, gắn bó, sâu nặng.

Khác với Kim Trọng và càng khác với Thúc sinh, Từ Hải là một đấng anh hùng hào kiệt, hạng người khác thường, *côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài*, đã cứu Kiều thoát khỏi lầu xanh lần thứ hai, lấy nàng làm vợ. Từ Hải cũng là người duy nhất có khả năng xoay chuyển cuộc đời nàng từ vị trí gái lầu xanh trở thành nhất phẩm phu nhân, giúp nàng đền ơn, báo oán, rửa sạch mọi oan khiên trên cuộc đời. Đối với Kiều, Từ Hải chính là một bậc quân vương toả sáng, xua đi mọi tủi nhục, tăm tối, đem lại hạnh phúc tươi sáng cho cuộc đời nàng. Rõ ràng vị thế xã hội của Từ Hải khác xa vị thế xã hội của Kim Trọng và Thúc sinh. Do đó *chiến lược xưng hô của Kiều cũng rất khác*. Với Từ Hải, cặp từ xưng hô *thiếp - chàng* chỉ được sử dụng duy nhất một lần. Đó là lúc Từ Hải sau nửa năm sống với Kiều, lại muốn bay nhảy tung hoành khắp nơi để tạo lập sự nghiệp: *Nàng rằng: “Phận gái chữ tòng/ Chàng đi, thiếp cũng quyết lòng xin đi [câu 2218]*. Do khác nhau về vị thế xã hội nên trước Từ, Kiều luôn cảm thấy nhỏ bé. Vì vậy, nàng luôn dùng những từ khiêm nhường mang tính ước lệ để xưng: *thân bèo bọt; cỏ nội; hoa hèn; day cát; bỏ liễu... Rộng thương cỏ nội hoa hèn/ Chút thân bèo bọt* dám phiền mai sau! [2197- 2198] và thay vì dùng từ *chàng* để hô, Kiều lại hay sử dụng những từ ngữ ước lệ mang tầm vóc vũ trụ biểu thị uy quyền tối thượng để hô gọi Từ Hải: *Thưa rằng: “Lượng cả bao dong/ Tấn dương được thấy mây rồng có phen [câu 2195 - 2196]*. Sử dụng cách xưng hô trên chính là sử dụng *chiến lược tôn vinh vị thế “chúa tể”* của Từ Hải. Với Từ Hải, Kiều luôn xưng *khiêm*, hô *tôn*. Nàng càng hạ mình bao nhiêu, tầm vóc người anh hùng của chồng nàng càng lớn lao bấy nhiêu.

Với Sở Khanh, ngay cả khi hấn hứa: *Nàng đã biết đến ta chăng/ Bể trầm luân, lấp cho bằng mới thôi!* [câu 1104], Thuý Kiều cũng chỉ gọi là *người* mà không gọi là *chàng*: *Nàng rằng: “Muôn sự ơn người [câu 1105]*. Có thể thấy, với Sở Khanh, ban đầu nàng xưng hô rất mực lễ phép vì hy vọng được cứu, nhưng khi nhận ra bộ mặt thật, thái độ và cách xưng hô của nàng liền chuyển sang trạng thái tự vệ hoặc khinh bỉ, thậm chí dằn mặt. Với kẻ bạc tình, trở mặt này, Kiều không xưng hô *thiếp - chàng* mà là *mặt ấy, mặt này*: *Đem người đẩy xuống giếng khơi/ Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay! / Còn tên tích vết ở tay/ Rõ ràng mặt ấy, mặt này chó ai?* [câu 1184]. Việc Kiều sử dụng cặp từ xưng hô *Mặt này - Mặt ấy* khi đối diện với Sở Khanh (sau khi bị lừa ở lầu Ngưng Bích) là một cách sử dụng ngôn ngữ sắc sảo của Nguyễn Du. Nó không đơn thuần là cách gọi, mà là một cuộc “tổng sỉ vả” bằng ngôn từ. Kiều không gọi Sở Khanh là *chàng* mà chỉ đích danh cái *mặt* - nơi thể hiện sự liêm sỉ của



con người. Cách gọi này hàm ý một sự khinh bỉ tột độ. Cặp từ *Mặt này* (tôi) và *Mặt ấy* (anh) tạo ra một khoảng cách vật lý và tâm lý cực lớn: Nó phủ định hoàn toàn mối quan hệ “ân nhân - nạn nhân” hay “nam - nữ” mà Sở Khanh đã dày công dàn dựng trước đó. Kiều đặt mình và hẳn ở hai chiến tuyến. *Mặt này* đã thấu rõ *mặt ấy*. Không còn chỗ cho sự mập mờ, lừa lọc. Khi Kiều tự xưng là *mặt này*, nàng không còn là cô thiếu nữ yếu đuối nữa mà thể hiện *cái tôi đầy bản lĩnh và cay đắng*. Trong xã hội phong kiến, phụ nữ thường xưng *thiếp*, hoặc *tôi* một cách nhún nhường. Việc Kiều dùng *Mặt này - Mặt ấy* là một sự *phản kháng ngôn ngữ*. Nó phá vỡ quy chuẩn lễ giáo để trở về với ngôn ngữ đời thường đầy gai góc. Nó cho thấy Kiều dù ở bước đường cùng vẫn có một sự kiêu hãnh và khả năng phán xét sắc bén. Nàng có thể bị lừa về hành động, nhưng khi đã nhận ra, nàng “đánh” đôi phương bằng chính ngôn từ trần trụi nhất. Cách dùng từ *mặt* cho thấy một Thúy Kiều rất “đời”, rất mạnh mẽ và không hề dễ bị khuất phục về mặt tinh thần.

Như vậy, có thể thấy, trong cùng một nhân vật hay giữa các nhân vật khác nhau, Kiều đều có thể thay đổi cách xưng hô thể hiện sự dịch chuyển vị thế. Chiến lược xưng hô của Thúy Kiều khi thì tự hạ thấp dùng để cầu lụy, bày tỏ lòng biết ơn hoặc thể hiện sự khiêm nhường, khi lại tự nâng cao dùng để khẳng định phẩm giá. Phân tích chiến lược xưng hô của Thúy Kiều, giúp thấy rõ thêm *tính cách nhân vật*: Kiều là người sắc sảo, tinh tế, am hiểu lễ giáo nhưng cũng rất quyết liệt. Qua cách xưng hô, có thể thấy một Thúy Kiều đa diện: lúc là một thiếu nữ đa tình, lúc là một người vợ đoan trang, khi là một người đàn bà nếm trải đắng cay, và có lúc là một nạn nhân đầy phần uất. Sự thay đổi cách xưng hô phản ánh những thăng trầm, tủi nhục mà Kiều phải trải qua; đồng thời càng thấy rõ *giá trị nhân đạo của tác giả*: Nguyễn Du đã cho Kiều quyền được “lên tiếng” và sử dụng ngôn ngữ như một vũ khí để bảo vệ nhân phẩm.

Dưới góc nhìn của lý thuyết hội thoại, cách xưng hô của Kiều là một thực thể động, tỉ lệ thuận với sự biến chuyển về vị thế xã hội và tâm thế nhân sinh. Nguyễn Du đã vượt xa các tác giả đương thời khi không để nhân vật xưng hô theo một khuôn mẫu tĩnh tại của lễ giáo phong kiến mà ông luôn “thổi hồn” vào các từ xưng hô để chúng mang những rung động xúc cảm khác biệt.

Nghệ thuật ngôn ngữ Nguyễn Du qua cách xưng hô còn là sự dung hòa giữa cái “cao cả” và cái “bình dị”. Ở đó có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân. Ông sử dụng các điển cố và từ Hán Việt trang trọng (*Kim Lang, Quân tử, lượng bề...*), những từ ngữ có tính chất ước lệ (*vườn hồng, chim xanh, mây hồng, sấm sét...*) để nâng tầm mối quan hệ lên mức lý tưởng. Đồng thời, ông vận dụng tài tình những đại từ thuần Việt (*tôi, ta, mình,...*) để tạo nên sự gần gũi, ấm áp và chân thực cho các cuộc đối thoại.

Qua cách biến đổi xưng hô của Thúy Kiều, chúng ta không chỉ thấy Nguyễn Du với tư cách là một nhà thơ mà còn thấy bóng dáng của một *nhà Ngữ dụng học*. Ông không mô tả tính cách bằng những lời thuyết minh khô khan, mà để nhân vật tự bộc lộ bản sắc của mình thông qua việc “ứng biến” ngôn từ trong những cuộc thoại định mệnh. Đây chính là yếu tố cốt lõi giúp nhân vật Thúy Kiều sống động và có sức sống vượt thời gian.



#### 4. Kết luận

Thông qua việc khảo sát và phân tích hệ thống từ vựng hô của Thúy Kiều với những người đàn ông duyên - nợ dưới ánh sáng của lý thuyết hội thoại, bài viết cho thấy cách xưng hô không đơn thuần là những danh xưng tĩnh tại mà sống động đầy biến ảo. Tùy từng nhân vật, từng tình huống, Kiều có cách xưng hô khác nhau. Sự biến đổi linh hoạt các phương tiện xưng hô với từng nhân vật không chỉ phản ánh sự nhạy bén của Thúy Kiều trước các *ngữ cảnh giao tiếp* khác biệt, mà còn là minh chứng hùng hồn cho tài năng sử dụng tiếng Việt bậc thầy của Nguyễn Du. Đại thi hào đã biến những từ vựng hô đời thường thành những tín hiệu nghệ thuật sắc sảo để khắc họa trọn vẹn bản lĩnh văn hóa và tâm thế nhân sinh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Việc vận dụng các lý thuyết Ngữ dụng học hiện đại vào *Truyện Kiều* một lần nữa khẳng định sức sống vượt thời gian của tác phẩm, mở ra những hướng tiếp cận mới trong việc giải mã các giá trị ẩn chìm đằng sau những con chữ của đại thi hào dân tộc./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1974), *Từ điển Truyện Kiều*, NXB KHXH.
2. Đỗ Hữu Châu (2003), *Cơ sở Ngữ dụng học*, NXB ĐHSP.
3. Đỗ Hữu Châu - Đỗ Việt Hùng (2008), *Giáo trình Ngữ dụng học*, NXB ĐHSP.
4. Lê Đình Kị (1970), *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du*, NXB KHXH
5. Đỗ Thị Kim Liên (2005), *Giáo trình Ngữ dụng học*, NXB ĐHQGHN
6. Phan Ngọc (1985), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, NXB KHXH
7. Trần Đình Sử (2002), *Thi pháp Truyện Kiều*, NXBGD, HN
8. Đào Thản (1998), *Ngôn ngữ Truyện Kiều*, NXB KHXH
9. Nguyễn Thị Thuận (2014), *Giáo trình Ngữ dụng học*, NXB ĐHSP
10. Bài đăng trên Tạp chí Khoa học, Tr. Đại học Hải Phòng 2026

## NGUYỄN DU VÀ HOA TRONG TRUYỆN KIỀU

TS. CAO NGỌC CHÂU

Người ta cứ tưởng trong *Truyện Kiều* thì tên nàng Kiều được nhắc đến nhiều nhất, nhưng không phải, nó chỉ xuất hiện 13 lần. Ngược lại, chữ HOA hiện diện tới 105 lần, thật đáng ngạc nhiên.

Trong *Truyện Kiều*, đại thi hào Nguyễn Du đã nhắc đến 20 loài hoa là: Đào (17 lần), mai (4 lần), sen (5 lần), lan (2 lần), cỏ lau (2 lần), hồng (8 lần), lê (3 lần), cúc (4 lần), hải đường (2 lần), trà mi (2 lần), phù dung (1 lần), lựu (1 lần), mẫu đơn (1 lần), liễu (2 lần), huệ (2 lần), mận (2 lần), dã quỳ (1 lần), hoa râm (1 lần), quỳnh (1 lần), hòe (2 lần).

Thứ nhất, Nguyễn Du nói về **hoa** với khía cạnh là một sản vật tinh tú làm đẹp đất trời.

- Một vùng cỏ áy bóng tà

Gió hiu hiu thổi một và bông lau.

- *Cửa trời rộng mở đường mây*

*Hoa chào ngõ hạnh hương bay dậm phần.*

- *Khi chén rượu, lúc cuộc cờ*

*Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên. v.v..*

Thứ hai, Nguyễn Du sử dụng các loài hoa: Đào, lê, hải đường biểu thị cho mùa xuân; sen, lựu biểu thị cho mùa hạ; cúc để biểu thị cho mùa thu:

- *Cỏ non xanh tận chân trời*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

- *Hải đường là ngọn đông lân*

*Giọt sương treo nặng cành xuân la đà.*

- *Dưới trăng quỳnh đã gọi hè*

Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.

- *Sen tàn cúc lại nở hoa*

*Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.v.v..*

Thứ ba, để tả nét đẹp của người con gái, ông tả vẻ đẹp của loài hoa:

- *Bóng hồng nhắc thấy nẻo xa*

*Xuân lan, thu cúc, mận mà cả hai.*

- *Làn thu thủy, nét xuân sơn*

*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.*

- *Cớ sao trần trọc canh khuya*

Màu hoa lê hãy dầm dề giọt mưa...v.v..



Thứ tư, đề lên án sự đối xử thô bạo với phụ nữ, Nguyễn Du đưa ra hình ảnh các loài hoa đẹp mỏng manh bị tàn phá:

- *Bạc tình nổi tiếng lâu xanh*

*Một tay chôn biết mấy cành phù dung.*

- *Xót thay đào lý một cành*

*Một phen mưa gió tan tành một phen.*

- *Hung hăng chẳng nói, chẳng tra*

*Đang tay vui liễu, dập hoa rơi bởi..v.v..*

Thứ năm, sự nguyên vẹn của bông hoa biểu thị cho trinh bạch của người con gái.

- *Biết thân đến bước lạc loài*

*Nhị đào thà bỏ cho người tình chung.*

- *Tiếc thay một đoá trà mi*

*Con ong đã tỏ đường đi lối về.*

- *Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng*

*Hoa thơm phong nhị trắng vàng tròn gương.*

Đặc biệt, ông rất nhiều lần sử dụng từ “hoa” để miêu tả nhân vật, tình và cảnh, thống kê toàn truyện, 3254 câu thơ lục bát, Nguyễn Du đã 105 lần nhắc đến từ này. Có câu dùng tới ba lần: *Hoa sao hoa khéo đoạ đầy bấy hoa*. Nhưng có lẽ từ hoa mà thi sĩ sử dụng nhiều nhất là để biểu thị người con gái:

- *Xót nàng chút phận thuyền duyên*

*Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn.*

- *Dưới trần mấy mặt làng chơi*

*Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.*

- *Thiếp như hoa đã là cành*

*Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.v.v..*

Nguyễn Du yêu hoa và yêu Thúy Kiều đến mức: tất cả những vật dụng liên quan đến nàng ông đều thêm từ HOA vào làm cho chúng lung linh, lộng lẫy, xinh đẹp hẳn lên. Ngoài những vật thông thường có trang trí hoa như: kiệu, trướng, sân, thềm, giấy thì ngay cả cây bút, then cửa, tường rào, bó đuốc, tiệc... ông cũng “đính” hoa vào làm cho hình ảnh sống động huyền ảo. Đây là lối viết tu từ, ước lệ rất được Nguyễn Du ưa dùng. Bút hoa viết lên những chữ rất đẹp cùng lời văn hoa mỹ. Ngọn đuốc cháy như bông hoa lửa bập bùng. Còn “thẻ hoa” là lời thẻ được viết trên giấy in hoa, tránh tình trạng “lời nói gió bay”...

- 171. *Kiều từ trở gót **trướng hoa***

*Mặt trời gác núi chiêm đờ thu không.*

- *Này mười bài mới mới ra*

204. *Câu thần lại mượn **bút hoa** vẽ vờ.*

- Đến nhà vừa thấy tin nhà

430. *Hai thân còn dở **tiệc hoa** chưa về.*

- 529. *Cửa sài vừa ngỏ **then hoa***

*Gia đồng vào gửi thư nhà mới sang.*

Ngay cả giọt nước mắt của nàng Kiều rơi xuống cũng loang ra thành hình bông hoa.

- 633. *Nỗi mình thêm tức nỗi nhà*

***Thêm hoa** một bước, **lệ hoa** mấy hàng!*

Rồi thân phận người hầu gái được coi là hèn kém trong quan niệm dưới thời phong kiến ông cũng ghép từ hoa vào thành từ “hoa ti”. “hoa nô”:

- *Nàng càng e lệ ủ ê*

*Rỉ tai hỏi lại **hoa ti** trước sau.*

- *Rằng: **Hoa nô** đủ mọi tài*

Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe.

Khi Kiều bị Hoạn Thư bắt cóc về làm thị tì, ông cũng đặt tên cho nàng là Hoa:

- ***Hoa nô** truyền dạy đổi tên*

*Buồng the dạy ép vào phiên thị tì.*

Để tả cuộc đời lênh đênh và rẻ rúng của Kiều, đằng sau danh từ hoa ông dùng những động từ miêu tả sự tàn lụi hoặc những tính từ, cụm từ tả sự nhạt phai, tầm thường như: hoa rụng, hoa rơi, hoa trôi, hoa tàn, hoa thải, hoa tường, hoa hèn, hoa giữa đường, hoa đã lìa cành, hoa cuối mùa, hoa rã cánh...

- *Phận sao phận bạc như vôi*

*Đã đành nước chảy **hoa trôi** lỡ làng.*

- *Tuồng chi **hoa thải** hương thừa*

*Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.*

- *Nước trôi **hoa rụng** đã yên*

*Hay đâu địa ngục ở miền trần gian.*

Để miêu tả sự đầy đoạ ê chề, tủi nhục của nàng Kiều Nguyễn Du đã 4 lần điệp từ hoa tàn:

1766. *Cũng liễu ngọc nát **hoa tàn** mà chi.*

3164. *Hay gì vầy cánh **hoa tàn** mà chơi?*

2585. *Còn chi nữa cánh **hoa tàn**.*

3100. *Mấy trắng cũng khuyết mấy **hoa** cũng tàn.*

Và 3 lần dùng từ hoa rụng:





272. Đầy thêm **hoa rụng**, biết người ở đâu?

1705. Nước trôi **hoa rụng** đã yên

2997. Rõ ràng **hoa rụng** hương bay.

Tương tự, ông cũng 5 lần điệp từ hoa trôi, miêu tả cuộc đời phiêu bạt, chìm nổi của Thúy Kiều

219. **Hoa trôi** bèo dạt đã đành.

572. **Hoa trôi** trác thắm, liễu xơ xác vàng.

1050. **Hoa trôi** man mác, biết là về đâu?

2812. Để cho đến nỗi **trôi hoa** dạt bèo.

2931. **Hoa trôi** nước chảy xuôi dòng.

Ngược lại, Nguyễn Du nhiều lần đặt trước hoa những động từ “bạo lực” như: ép, dẫu, đập, bẻ, vầy, chơi... để lên án sự chà đạp tàn khốc lên thân phận người phụ nữ nói chung và Thúy Kiều nói riêng trong xã hội bấy giờ.

836. **Chơi hoa** đã dễ mấy người biết hoa

1136. Đang tay vui liễu, **đập hoa** toi bời

3025. Bấy chầy dài nguyệt **dầu hoa**

3164. Hay gì **vầy cánh hoa** tàn mà chơi.

Riêng từ “bẻ hoa” tác giả dùng tới 4 lần:

827. Về đây nước trước **bẻ hoa**

2018. Rào cây lâu cũng có ngày **bẻ hoa**

2898. Bắt về Vô Tích toan đường **bẻ hoa**

3154. Vớt hương dưới đất **bẻ hoa** cuối mùa.

Có lúc từ hoa nói lên một ý khác lạ:

- Sinh rằng: Phác hoạ vừa rồi

Phẩm đề xin một vài lời **thêm hoa**.

Trong câu thơ trên, **thêm hoa** có thể hiểu là: Kim Trọng xin Kiều đề tặng vào bức vẽ một bài thơ ngắn để bức tranh thêm ý nghĩa...

Còn trong câu:

- Sợ gan nát ngọc **liều hoa**

Mụ còn trông mặt nàng đã quá tay.

Từ liều hoa ở đây lại chỉ mạng sống của Kiều.

Đặc biệt, Nguyễn Du 5 lần dùng từ hoa để chỉ nam giới, đó là Kim Trọng.

- Cách **hoa** sẽ dẫu tiếng vàng

Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông.

- Nàng rằng: Khoảng vắng đêm trường

Vì **hoa** nên phải đánh đường tìm **hoa**.

- Thề **hoa** chưa ráo chén vàng

Lời thề thôi đã phụ phàng với **hoa**.

- Tình sâu mong trả nghĩa đầy

**Hoa** kia đã chấp cành này cho **chưa**.

Sáu lần Thúy Kiều “lấy chồng” thì chỉ có năm lần nàng được lên kiệu **hoa**, trong đó đám cưới với Thúc sinh là “thơ mộng” nhất.

779. **Kiệu hoa** đâu đã đến ngoài (Mã Giám sinh cưới Kiều)

1466. **Kiệu hoa** cất gió đuốc hồng ruổi sao (Thúc sinh cưới Kiều)

2145. **Kiệu hoa** đặt trước thềm **hoa** (Bạc Hạng cưới Kiều)

2601. **Kiệu hoa** áp thẳng xuống thuyền (Thổ quan của Hồ Tôn Hiến cưới Kiều)

3033. **Kiệu hoa** giục giã tức thì (tái hồi Kim Trọng).

Truyện Kiều là tuyệt tác. Đã có nhiều người khai thác từng khía cạnh như: Nghệ thuật chơi chữ; nghệ thuật tu từ; tiếng đàn của Kiều; tả trăng trong Kiều; tả bốn mùa; các bài thơ do Kiều sáng tác; các động vật và thực vật có mặt trong Truyện Kiều, tiểu đối trong Truyện Kiều; sự tương đồng giữa Truyện Kiều và Bích Câu Kỳ Ngộ... Bài viết này thì chỉ nghiên cứu về “**hoa**”, hy vọng sẽ cung cấp cho độc giả một số thông tin thú vị.



Rằng trăm năm cũng từ đây  
Của tin gọi một chút này làm ghi

Nguồn : Truyện Kiều, NXB Phổ thông, 1957.



## NÚI DẰNG - SÔNG QUÊ - CHÙA UYÊN TRỪNG VÀ NGUYỄN DU

ThS. PHẠM QUANG ÁI

1. Nghi Xuân, quê hương thi hào Nguyễn Du, là một vùng đất có một bề dày văn hóa hàng ngàn năm, tiềm tàng nhiều di tích vật thể và phi vật thể có giá trị văn hóa - lịch sử lớn, có nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp. Phần lớn địa dư vùng đất này ở phía đông - bắc núi Hồng Lĩnh, có địa thế hẹp, hình tam giác, sau lưng là núi Hồng, bên cạnh là sông Lam và trước mặt là biển Đan Nhai (biển Đông, phần tiếp giáp với đất Nghi Xuân). Ngoài ra, còn một phần nhỏ đất Nghi Xuân, là mảnh đất bồi của sông Lam nép sát chân phía tây-nam núi Hồng, xưa thuộc xã Tam Đăng Thượng và xã Tam Đăng Hạ, tổng Tam Đăng (nay là hai xã Xuân Lam và Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân). Sông La chảy đến Ngã ba Phủ thì dòng chảy đã được hợp lưu bởi sông Lam từ miền tây Nghệ An đổ xuống, lưu lượng nước tăng lên nhiều nên đoạn sông này rất rộng, chảy đến địa đầu phía tây - nam huyện Nghi Xuân thì gặp một nhánh núi Hồng Lĩnh từ phía đông đổ sang nên dòng chảy chuyển hướng về phía tây - bắc, chảy đến địa phận xã Tam Đăng Hạ thì gặp núi Dằng (tên chữ là núi Uyên Trùng, thuộc chòm núi Ngũ Mã của dãy Hồng Lĩnh, nằm trên địa phận xã Xuân Hồng) chắn ngang nên mùa lũ nước đổ về tạo ra một vũng xoáy lớn, vì thế khúc sông này là chỗ vừa sâu vừa rộng nhất của sông Lam. Xưa kia, đây cũng là nơi thuyền bè (thuyền buôn, bè gỗ nứa) tập nập vào ra tạo nên một bến sông có tên Nôm là bến Dằng, ngọn núi nằm trên bến sông này cũng gọi là núi Dằng và nhóm cư dân ở dưới chân núi được gọi là làng Dằng. Đoạn đường thiên lý bắc - nam chạy qua đây, men theo mép núi và bờ sông Lam, cách bến Dằng một đoạn khoảng 300m, có một chiếc cầu bắc qua con hói từ cánh đồng dưới chân núi chảy ra sông, gọi là cầu Dằng. Khi chính quyền phong kiến đặt tên chữ (Hán) cho các địa danh, đã căn cứ vào biến âm và thực tế cảnh quan để đặt lại tên cho các địa danh Nôm, địa danh Dằng được phiên dịch thành Uyên Trùng. Chữ Dằng do biến âm đọc thành Trảng, lại căn cứ vào độ trong của nước khúc sông này (khúc sông này rộng và sâu, lúc không mưa lũ nước rất trong) nên phiên thành âm Hán Việt là Trùng 澱 (nghĩa là trong), Uyên Trùng 淵澱 (vực sâu và trong). Về mặt cảnh quan, nhìn chung, địa thế sông núi nơi này rất đẹp.

2. Theo sách Đồng Khánh dư địa chí, trên núi Uyên Trùng (Rú Dằng), có một ngôi chùa cổ gọi là chùa Ba Tạng (Chính tên là Uyên Trùng Hoa tạng tự 淵澱華藏寺, đến đầu đời vua Thiệu Trị do kiêng húy, đổi là chùa Ba Tạng). Vì chùa dựng ở lưng núi Uyên Trùng nên cũng có tên chùa Uyên Trùng (Chùa Dằng). Các tài liệu như *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh địa dư chí*, *Địa dư tỉnh Hà Tĩnh* ... đều khẳng

định đây là “chùa cổ” nhưng không cho biết chùa được xây dựng vào năm nào. Nhưng theo các tư liệu chúng tôi thu thập được cũng như ý kiến của một số nhà khảo cổ học khi xem xét gạch được đào lên từ móng chùa thì có thể chùa Uyên Trừng được lập lên từ đời Lý (và có thể còn sớm hơn). Qua nhiều lần trùng tu, đến đời Nguyễn, chùa này trở thành một thiền viện khá nguy nga. Rất tiếc là từ sau năm 1945 chùa bị bỏ hoang phế, rồi qua hai cuộc kháng chiến, bị triệt phá hoàn toàn. Bây giờ nền chùa vẫn còn nhưng một phần khuôn viên thuộc phạm vi nhà tăng đã là đất thổ cư của một số hộ dân trong thôn. Sau chùa, hiện tại còn 3 ngôi mộ cổ của các thiền sư từng trụ trì ở đây đã được người dân trong vùng cải táng và đã xây tháp, đặt tượng Quan Thế âm bồ tát để thờ cúng.

Các tài liệu nói trên đều cho biết: Cảnh trí của chùa rất đẹp, phía trước chùa là sông Lam, núi Hồng bao quanh ba mặt, phong cảnh thanh u, tịch mịch. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép một cách ngắn gọn: “... phía trước chùa có khe, có cầu, có am viện, có ao đá do nước suối ở núi chảy vào...”<sup>(1)</sup>. Sách *Đồng Khánh dư địa chí* miêu tả khá sinh động về ngôi chùa: “...Trước chùa có gác Tam quan, dưới gác Tam quan có một dòng khe. Đứng trên gác Tam quan này nhìn ra thấy núi non trùng điệp che kín ba phía. Núi Ngũ Mã tiếp liền với các ngọn núi khác ở phía đông nam, núi Yên Lạc quanh co chạy lên phía đông bắc, sông Lam ở về phía Tây Nam. Quả là một nơi danh lam thắng cảnh ở địa phương này”<sup>(2)</sup>; sách *Nghi Xuân huyện thống chí* (Quyển hạ) chép kỹ hơn: “Đằng trước chùa có Rú Các, dưới có khe, qua khe có cầu, cầu cách chùa hơn trăm tầm. Bên chùa nơi nhà sư ở, có ao đá, nước từ núi bắn ra như vọt, bọt trắng tung ra, dòng trong chảy róc rách, xưa nay du khách đã ngâm vịnh chùa này nhiều. Thật là một nơi Già lam bậc nhất”<sup>(3)</sup> (Tài liệu chữ Hán chép tay, Thái Kim Định dịch).

Giờ đây tuy chùa đã là phế tích nhưng đứng trên nền chùa nhìn ra, quang cảnh quả thật tuyệt vời. Sách *Nghi Xuân địa chí* do Đông Hồ Lê Văn Diễn biên soạn năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) chép: “Chùa Hoa Tạng trên núi Uyên Trừng, xã Tam Đăng Hạ. Cảnh trí thật đẹp, là một trong tám cảnh đẹp của huyện Nghi Xuân”<sup>(4)</sup>. Trong sách *Thơ Bùi Dương Lịch* do Võ Hồng Huy sưu tầm, phiên dịch và biên soạn, Hoàng giáp Bùi Dương Lịch (1757 - 1828) có hẳn một chùm 8 bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú vịnh Nghi Xuân bát cảnh gồm *Hồng Sơn liệt chương* (Núi Hồng thành dựng), *Đan Nhai quy phàm* (Cửa Hội buồm về), *Song Ngư hỷ thủy* (Đôi cá giỡn nước), *Cô Độc lâm lưu* (Nghé lẻ lỏi dòng), *Giang Đình cổ độ* (Bến cũ Giang Đình), *Quần Mộc bình sa* (Bãi cát bằng Quần Mộc), *Uyen Trừng danh tự* (Chùa đẹp Uyên Trừng) và *Hoa Phẩm thắng triền* (Chợ đẹp Hoa Phẩm). Trong bài *Uyen Trừng danh tự*, Bùi Hoàng giáp đã mô tả cảnh trí chùa Uyên Trừng như sau:

Phiên âm:

1 Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, T2, NXB Thuận Hóa, Huế, 2006; tr.222

2 Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh dư địa chí*, NXB Thế giới, HN, 2003; tr.1267

3 Thái Kim Định, *Hà Tĩnh đất và người*, NXB Trẻ, Tp. HCM, 2013; tr. 213

4 Lê Văn Diễn, *Nghi Xuân địa chí*, UBND huyện Nghi Xuân xuất bản, 2001; tr.102



Sơn thế đông hồi khổng cự xuyên,  
Đương yêu nhất sặc bỗng hồng liên.  
Địa xưng danh thắng đa du khách,  
Tự lập hồng hoang bất kỷ niên,  
Quá tục thế đồ Khu Độc lĩnh,  
Từng ngưng thiền kính dưỡng Long uyên.  
Đặng lâm hà tất vấn nhân quả,  
Cửu thập cửu phong trung nhất thiên.

Dịch nghĩa:

Thế núi hướng về đông để khổng chế sông lớn,  
Lưng chừng núi, một ngọn nổi lên như nâng búp sen hồng.  
Vùng đất có tiếng là danh thắng có nhiều du khách đến thăm,  
Ngôi chùa được xây dựng từ thuở hồng hoang, chẳng rõ niên kỷ.  
Chấp nối đường đời vượt qua truông Nghé,  
Lấp lánh gương chùa sẵn có vực Rồng.  
Đã lên cao, chẳng cần gì phải hỏi về nhân, quả,  
Giữa 99 ngọn núi, đó là một bầu trời riêng.<sup>(1)</sup>

Dịch thơ:

Thế núi về đông chặn lệch sông,  
Ngang lưng nhô đỉnh tựa sen hồng.  
Đất lành danh thắng, say lòng khách,  
Chùa dựng thời xưa, chẳng tích tông.  
Khúc khuỷu đường đời: truông Nghé lội,  
Long lanh gương Phật: vực Rồng trong.  
Lên non chẳng hỏi chuyện nhân quả,  
Trong dãy Hồng Sơn, riêng một vùng.

Phạm Quang Ái

Qua bài thơ này của Bùi Dương Lịch, chúng ta biết thêm một danh xưng khác của Quế Giang (sông Dăng) là Long Uyên (Vực Rồng).

Theo sách *Thiền uyển tập anh* và sách *Le Bouddhisme en Annam - des origines au XIII<sup>e</sup> siècle* (Phật giáo ở Việt Nam - từ nguồn gốc đến thế kỷ XIII) của Trần Văn Giáp thì Thiền sư Hiện Quang (?-1221) chính tên là Lê Thuần, quê Thăng Long, thuộc thế hệ thứ 14, Thiền phái Vô Ngôn Thông, 11 tuổi được Thiền sư Thường Chiếu (?-1203) ở chùa Lục Tổ thu nạp làm đệ tử, chưa đầy 10 năm đã thông giỏi kinh điển tam giáo nhưng chưa kịp suy cứu yếu chỉ Thiền tông thì Thiền sư Thường Chiếu mất. Ông bèn vân du đến núi Uyên Trừng, phủ

1 Bùi Dương Lịch, *thơ Bùi Dương Lịch*, Sở Văn hóa-Thông tin Hà Tĩnh xuất bản, 1996; tr. 65



Nghệ An tham báii Thiền sư Pháp Giới, trụ trì tại chùa Hoa Tạng, và đắc đạo ở đây. Về sau ông lên núi Tu Sơn dựng một thảo am, rồi lại lui về ẩn ở núi Yên Tử và tịch năm Kiến Gia thứ 11 (1221) đời Lý Huệ Tông.

Từ những tư liệu trên, chúng ta có thể nhận định rằng, vào cuối đời Lý, chùa Uyên Trừng (chùa Dăng) đã là ngôi chùa lớn và đã có những cao tăng trụ trì như Thiền sư Pháp Giới và học trò của ngài là Thiền sư Hiện Quang. Trước và sau các bậc đại giác này chắc chắn còn có rất nhiều nhà sư tu hành đắc đạo ở đây. Để có một truyền thống như thế, ít ra chùa này phải có cơ sở từ hàng mấy trăm năm trước.

**3.** Đến thời kỳ cuối Lê đầu Nguyễn, qua câu văn trong bài *Sinh tế trường lưu nhị nữ văn* (Bài văn tế này một thời được cho là của Nguyễn Du, nhưng gần đây chúng tôi đã có bài viết bác bỏ<sup>(1)</sup> “*Lên chùa Dăng toan tu với sư Viên...*”, ta biết được ở chùa Uyên Trừng từng có vị trụ trì là sư Viên (Viên Giác hay Viên Chiếu?)... Tuy rất khó để tin rằng bài *Sinh tế trường lưu nhị nữ văn* là của Nguyễn Du, nhưng trong hành trạng cuộc đời ông cũng như trong thơ văn của ông, Nguyễn Du là một người rất gắn bó với Phật giáo. Theo gia phả họ Nguyễn Tiên Điền và truyền ngôn trong dòng họ, sau chặng “thập tải phong trần” (mười năm gió bụi) lênh đèn, khôn đồn nơi đất khách quê người (1786-1796), thi hào đã công đưa con côi (do người vợ cả họ Đoàn sinh ra) về quê cha đất tổ để sinh sống. Nhưng phủ đệ họ Nguyễn Tiên Điền đã bị quân Tây Sơn đốt phá khi Nguyễn Quynh, người anh cùng cha khác mẹ của ông, âm mưu chiêu tập nghĩa sĩ nổi dậy chống Tây Sơn nên bị bắt giết. Ông bơ vơ không nơi nương tựa nên đã đến vùng đất dưới chân núi Uyên Trừng dựng căn nhà tạm để sinh sống. Vì thế, trong thơ chữ Hán của ông nhiều lần xuất hiện danh từ Quế Giang, một danh xưng khác của khúc sông Lam chảy qua chân núi Uyên Trừng mà chúng tôi đã đề cập ở phần trên. Sở dĩ chúng tôi nói như vậy là vì, như đã trình bày ở mục (1), đây là khúc sông rộng nhất và cũng đẹp nhất của sông Lam nên Nguyễn Du đã gọi nó là 桂江 Quế Giang, lấy tên con sông đẹp nhất Trung Quốc, dòng sông chảy uốn quanh các ngọn núi trùng điệp nối liền Quế Lâm và Dương Sóc, hai điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Quảng Tây ngày nay.

Trong bài *Mi trung mạn hứng* (Cảm hứng lan man trong tù), sau khi bày tỏ nỗi niềm bi phẫn trước cảnh ngộ “thập tuần lao ngục tử sinh tâm” (mười tuần trong ngục lòng nghĩ đến việc sống chết), nhà thơ nghẹn ngào:

*Ngã hữu thốn tâm vô dĩ ngữ,  
Hồng Sơn hạ, Quế Giang thâm.  
(Ta có tác lòng chẳng biết nói cùng ai,  
Dưới chân núi Hồng, sông Quế sâu)*

Theo Gia phả, bài thơ *Mi trung mạn hứng* được Nguyễn Du viết khi bị quân Tây Sơn

1 Xem <http://www.honvietquochoc.com.vn/bai-viet/5060-cau-chuyen-nguyen-du-di-hat-phuong-vai-tu-giai-thoai-dan-gian-den-huyen-thoai-khoa-hoc.aspx>



bắt giam vì có ý định vào Gia Định giúp Nguyễn Ánh. Trong bài *Tạp thi* (bài số 1), Nguyễn Du còn cho ta biết rõ hơn: ở bên sông Quế dưới chân núi Hồng này là nơi ông vui chơi giải trí và nghỉ dưỡng khi ốm đau bệnh tật:

*Hoàng khuyến truy hoan Hồng Lĩnh hạ,  
Bạch vân ngoạ bệnh Quế Giang biên  
(Dắt chó vàng tìm thú vui dưới núi Hồng Lĩnh,  
Dưới mây trắng nằm dưỡng bệnh bên bờ sông Quế)*

Hơn thế, bài thơ *Ngoạ bệnh* (bài số 1), còn cho biết ông nhiều bệnh, luôn luôn ở trạng thái đau yếu, mệt mỏi, có khi phải nằm bẹp ba tháng liền ở túp nhà tranh bên bờ Quế Giang:

*Đa bệnh, đa sầu khí bất thư,  
Thập tuần khôn ngoạ Quế giang cư  
(Bệnh lắm sầu nhiều thần khí không được thư thái,  
Mười tuần nằm co trong nhà bên sông Quế)*

Thậm chí, trong bài thơ *Thu dạ*, nhà thơ còn cho biết ông đã từng có lúc bị ốm đau nằm suốt năm ở bên sông này:

*Cùng niên ngoạ bệnh Quế Giang tân  
(Hết năm rồi vẫn đau ốm nằm ở bên Quế Giang)*

Như vậy, Nguyễn Du không chỉ gắn với núi Dăng, sông Quế như là một cư dân đã từng nhiều năm trú ngụ ở địa phận này và các địa danh này đã để lại dấu ấn sâu sắc trong thơ ông mà với tư cách là một Phật tử thuộc diện “cư Nho mộ Thích”, ông còn gắn bó với chùa Dăng như là một cư sĩ Phật giáo. Cũng theo lời truyền trong dòng họ và người dân địa phương qua các đời, trong những năm tháng dài đau ốm quặt quẹo, ông đã được các nhà sư ở chùa Dăng chăm sóc thuốc men, cơm cháo nên đã hồi phục sức khỏe.

Nguyễn Hành (1771-1824), người cháu của Nguyễn Du, cả hai chú cháu đều được người đương thời xếp vào nhóm “An Nam ngũ tuyệt”. Ông là người suốt đời sống ẩn dật và rất gắn bó, tương đắc với Nguyễn Du. Nguyễn Hành còn để lại hai tập thơ văn là *Minh quỳên* và *Quan Đông hải*, trong đó có khá nhiều bài trực tiếp hoặc gián tiếp viết về Nguyễn Du. Trong thời gian Nguyễn Du cư ngụ ở đây, chắc Nguyễn Hành đã nhiều lần đến thăm chú và đã lên núi ngoạn cảnh, thăm chùa Dăng. Trong tập *Quan Đông hải*, ông có bài thơ *登淵澂華藏寺一首* *Đăng Uyên Trùng Hoa Tạng tự, nhất thủ* (Lên chùa Hoa Tạng trên núi Uyên Trùng, một bài) ghi lại cảm xúc, suy nghĩ khi lên chơi núi này. Bài thơ có ý tứ, lời lẽ rất siêu thoát nhưng cũng chất chứa nỗi niềm đối với chúng sinh:

*Xuân phong kiêu thủ lịch Uyên Trùng,  
Thiên nhận thiêu nghiêu khoáng nhất đăng.  
Phạm tự trùng hoàn kim nhật tướng,  
Thiên phòng do trú cổ lai tăng.  
Yên hà minh diệt truyền tâm ấn,*

*Nhật nguyệt quang huy dụ Pháp đăng.  
Thử ngoại chúng sinh li khổ ách,  
Dục cầu phổ độ cánh hà năng.*

Dịch nghĩa:

*Trong làn gió xuân, ngẩng đầu trèo lên núi Uyên Trừng,  
Chót vót nghìn nhân, thích được một lần lên.  
Chùa Phật đã sửa xong, hôm nay hiện rõ đáng,  
Phòng thiền còn đó, từng trải qua xưa nay.  
Ráng chiều, sương khói ẩn hiện truyền tâm ấn,  
Rực sáng ánh mặt trời, mặt trăng lời dụ của ngọn đèn chánh pháp.  
Ngoài ấy, chúng sinh đang khốn khổ vì tai ách,  
Muốn cầu phổ độ, biết làm thế nào?*

Dịch thơ:

*Gió xuân vờn mặt, hướng non Dăng,  
Cao vút nghìn trùng, khoan khoái băng.  
Chùa Phật sửa xong, đà lộ dạng,  
Phòng thiền bao thưở, hãy còn tăng.  
Ráng mây mờ tỏ truyền tâm ấn,  
Nhật nguyệt rạng ngời tỏa Pháp đăng.  
Ngoài ấy chúng sinh li biệt khổ,  
Muốn cầu phổ độ được hay chăng?*

Phạm Quang Ái

Bài thơ cho chúng ta biết thêm một thông tin quan trọng: thời Gia Long (1802-1819), chùa từng được trùng tu, tôn tạo và nhà tăng vẫn còn như xưa. Trong các tác phẩm văn chương còn lại của Nguyễn Du, từ thơ chữ Hán đến các áng văn Nôm, luôn thấm đẫm một tinh thần nhân đạo sâu sắc, rộng lớn của Phật giáo, và áng thiên cổ bi văn *Văn tế thập loại chúng sinh* là tác phẩm tiêu biểu nhất. Gs Hoàng Xuân Hãn trong bài khảo cứu *Lễ Vu Lan với văn tế cô hồn* (đăng Tạp chí Văn học số 2, HN, 1977) đã cho chúng ta biết là bài *Văn tế* do Gs Lê Thước sưu tầm tại chùa Diệc (nay thuộc Thành phố Vinh) và in kèm sách *Truyện cụ Nguyễn Du* (Nxb Mạc Đình Tư, HN, 1924). Học giả, nhà văn Trần Thanh Mại trong một bài diễn thuyết về bài *Văn tế* này (đăng trên Đông Pháp thời báo năm 1928) lại cho biết thêm rằng Nguyễn Du đã trước tác bài văn tế này trong một mùa dịch khủng khiếp khiến hàng triệu người chết. Các sư tăng tại các chùa đã lập đàn cầu siêu cho những nạn dân bị chết dịch và Nguyễn Du đã viết bài *Văn tế* cho nhà chùa tụng trong một lễ cầu siêu<sup>(1)</sup>.

<sup>1</sup> Nguyễn Du, *Chiêu hồn thập loại chúng sinh*, Hòa thượng Thích Tâm Châu đề tựa, Đàm Quang Thiện hiệu chú, Nam Chi Tùng thư xuất bản, SG, 1965; tr.64 1924;



Vậy, rất có thể, bài *Văn tế* đã được Nguyễn Du sáng tác trong giai đoạn ông đang lánh ẩn ở quê cha (1786-1796). Vì đây là giai đoạn giặc giã, chiến tranh liên miên, dân tình vô cùng nghèo đói, khốn khổ. Và đó cũng là điều kiện thuận lợi cho các đại dịch hoành hành. Chùa Uyên Trừng là ngôi chùa cổ, có quy mô lớn nhất vùng, lại là nơi tu tập của rất nhiều thế hệ nhà sư danh tiếng nên những lễ cầu siêu lớn chắc sẽ được tổ chức ở đây. Và lại, văn bản bài *Văn tế* là một bản chữ Nôm chép tay, lại được tìm thấy ở một ngôi chùa trong vùng (bán kính khoảng 5-6 km). Do đó, chúng ta có thể tin rằng, chùa Dăng, ngôi chùa cổ kính nằm ở vị trí mà Nguyễn Du có nhiều năm tháng cư trú cận kề và gắn bó với một sự tri ân sâu sắc, là nơi mà thi hào đã viết nên khúc ngâm thê lương về số phận con người trong giai đoạn suy tàn của xã hội phong kiến đầy chiến tranh, đói khổ và dịch bệnh.

4. Một ngôi cổ tự có lịch sử hàng ngàn năm tồn tại, gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo nước ta cũng như lịch sử, văn hóa của vùng đất này, lại có khá nhiều bằng chứng cho thấy ngôi chùa có liên quan đến thi hào dân tộc, nhưng tiếc thay, đã 75 năm qua, di tích quý giá này đã trở thành phế tích. Trên cái nền cảnh quan còn gần được như xưa, chúng ta mong rằng một ngày gần đây, phế tích này sẽ được phục dựng lại để làm thành một địa chỉ văn hóa quan trọng gắn với di sản văn hóa của Nguyễn Du và họ Nguyễn Tiên Điền, làm phong phú thêm diện mạo văn hoá của vùng đất “địa linh nhân kiệt” Nghi Xuân.



Sân đây ta kiếm một vài nén hương.

Tranh : Mạnh Quỳnh

Nguồn : Kim Vân Kiều, Traduction en français par Nguyễn Văn Vĩnh, 1942.



# **BÀN THÊM VỀ THỂ HIỆN CHÍNH TẢ VÀ PHÂN ĐOẠN TRONG VĂN BẢN (QUỐC NGỮ) TRUYỆN KIỀU**

## **(HƯỚNG TỚI, PHỤC VỤ ĐỘC GIẢ PHỔ THÔNG)**

Nhà nghiên cứu TRẦN ĐÌNH TUẤN

Phó Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam

Việc phiên âm *Truyện Kiều* - truyện thơ Nôm sang Quốc ngữ đòi hỏi tuân thủ các quy tắc chính tả để giúp bạn đọc tiếp cận và hiểu rõ hơn nội dung của một truyện thơ dài. Dù đã có lịch sử 150 năm, kể từ khi bản *Truyện Kiều* - Quốc ngữ đầu tiên do nhà ngôn ngữ học Trương Vĩnh Ký phiên âm và xuất bản năm 1875 đến nay thì việc các bản *Truyện Kiều* - Quốc ngữ ngày nay thể hiện các quy tắc chính tả và cách dùng dấu câu cũng như việc phân đoạn *Truyện Kiều* đã có nhiều thay đổi, chưa được nhất quán và có nhiều vấn đề cần phải bàn thảo...

Vì *Truyện Kiều* là di sản văn hóa vô giá của dân tộc. Do đó, Hội Kiều học Việt Nam, Hội đồng Gia tộc họ Nguyễn Tiên Điền, Viện Nghiên cứu danh nhân tổ chức tọa đàm về chủ đề này để mong các nhà nghiên cứu quan tâm, xem xét, bàn thảo... nhằm hướng đến một văn bản *Truyện Kiều* - Quốc ngữ được thống nhất mặt bằng chung về phương diện thể hiện chính tả cũng như việc trình bày, ghi chú phân đoạn để giúp bạn đọc dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ hơn nội dung *Truyện Kiều*. Và điều này có nên?



- Có thể nói, việc thể hiện văn bản quốc ngữ *Truyện Kiều* về chính tả và việc phân đoạn do các nhà in, biên tập viên của nhà xuất bản hay tác giả (nhóm tác giả) thực hiện qua từng thời kỳ đã có sự khác nhau về vấn đề văn phạm - chính tả, về phân đoạn.

- Dưới đây là các vấn đề tóm lược được đặt ra thông qua việc trình bày, thể hiện chính tả và phân đoạn *Truyện Kiều* trong 150 năm qua để người tham gia tọa đàm nắm bắt được.

### **1. Quan niệm về thể thơ lục bát và quan hệ dòng thơ lục và dòng thơ bát**

#### **a. Cách hiểu thông qua AI (ít được nêu ra tại các bài giới thiệu về thể thơ Lục bát)**

Câu lục (câu 6 chữ) thường có chức năng mở đầu, giới thiệu ý hoặc tình cảm, trong khi câu bát (câu 8 chữ) có chức năng phát triển ý, làm rõ nội dung, và thường kết thúc ý hoặc đoạn thơ.





Câu lục (6 chữ): ngắn gọn, súc tích, có thể là câu nêu vấn đề, câu đặt ra tình huống, hoặc câu gợi mở cảm xúc. Nó có vai trò như một nhịp cầu kết nối với câu bát tiếp theo, tạo sự liên kết và phát triển ý.

Câu bát (8 chữ): Câu dài hơn, có khả năng diễn đạt nội dung chi tiết, cụ thể hơn. Thường làm rõ ý của câu lục, mở rộng tình cảm, hoặc đưa ra những suy nghĩ, cảm xúc sâu sắc hơn. Nó cũng có thể là câu kết thúc một ý, một đoạn thơ, hoặc toàn bộ bài thơ lục bát.

Ví dụ: “Đêm trăng thanh...” (câu lục) - gợi mở không gian, thời gian, và cảm xúc. “... gió mát hiu hiu thổi ngoài hiên” (câu bát) - làm rõ thêm không gian, thời gian, và cảm xúc.

Trong một cặp lục bát, hai câu này không chỉ bổ sung cho nhau về mặt nội dung mà còn tạo ra nhịp điệu hài hòa, cân đối, góp phần làm nên vẻ đẹp đặc trưng của thể thơ lục bát.

b. Quan niệm cặp lục bát là một câu, một cặp, một chỉnh thể không tách rời (?) và quan niệm câu thơ lục, câu thơ bát tách rời dẫn đến cách hiểu số câu trong Truyện Kiều là 1627 câu (lục bát) hoặc 3254 câu lục và câu bát.

b1. Quan niệm cặp lục bát là một câu

Năm 1830, Tiến sĩ Nguyễn Văn Thắng (1803-?) - Tham hiệp Thanh Hoa (Thanh Hoá), viết trong *Kim Vân Kiều Ấn* là ông đọc bản Kiều có 1575 câu: *Mùa đông năm Canh Dần (1830) vì bị giam ở ngục, trọn ngày ngồi suông, không có gì để tả nỗi lòng, cho nên thường đọc truyện Kim Vân Kiều bằng quốc âm. Thật may mắn được biết những ngôn từ ấy. Nhưng nghĩ kỹ thấy trong 1.575 câu ấy, đầu cuối tiếp nhau, tả cảnh tả tình công phu tinh diệu...”*

Năm 1875, Trương Vĩnh Ký tuy không trực tiếp nêu vấn đề cặp thơ lục bát là một câu, một cặp, một chỉnh thể không tách rời nhưng qua cách thể hiện văn bản cho thấy cách hiểu đó khi không viết đầu dòng câu 8 (và không đánh số câu).

Năm 1930, Dẫn giải truyện *Kim Vân Kiều* - Huyền Mặc Đạo Nhân cũng cho thấy cách hiểu cặp lục bát là 1 câu (?) qua việc đánh số. Tuy nhiên, có sự khác với Trương Vĩnh Ký là đầu dòng 8 đã viết hoa.

Năm 1929, bản *Kiều truyện dẫn giải* của Hồ Đắc Hàm (Tư nghiệp Quốc Tử Giám) qua cách đánh số theo thứ tự câu (chỉ đánh số ở câu 8). Cho thấy cặp lục bát vẫn là một cặp? Và câu thơ Kiều đã tách riêng theo thứ tự 1,2,3,4... cho tiện dẫn giải?

b2. Quan niệm cặp lục bát là gồm câu 6, câu 8 tách rời độc lập tương đối?

Năm 1911, Bản *Kim Vân Kiều truyện* của Trương Vĩnh Ký vẫn thể hiện cặp thơ lục bát là một câu, một cặp, một chỉnh thể không tách rời? **Lưu ý: là bản này đã đưa phân đoạn, đặt tên chủ đề của đoạn vào thẳng mạch nội dung của *Truyện Kiều***

Năm 1913, bản *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Văn Vĩnh đã được **viết hoa đầu dòng câu 8**. Điều này có thể được hiểu là:

+ Đầu dòng các câu thơ lục và câu bát thì cần được viết hoa theo quy định chính tả (mới?).

+ Sau câu sáu vẫn đánh dấu phẩy, nhằm thể hiện còn nối ý cho câu sáu là câu 8?

Lưu ý: là bản này đã đưa phân đoạn, đánh số 1, 2, 3... cho đoạn vào thẳng mạch nội dung của *Truyện Kiều*

## 2. Sau năm 1913, từ bản của Nguyễn Văn Vĩnh đến nay thì các bản *Truyện Kiều* luôn được viết hoa ở đầu dòng câu 8.

Liệu có phải quy định chính tả thống nhất là đầu thơ lục, đầu câu thơ bát thì phải viết hoa và nguyên tắc xuống dòng thì đầu câu phải viết hoa?

## 3. Việc dùng dấu phẩy cuối câu 6 và dấu chấm cuối câu 8 có ý nghĩa gì?

*Theo cách hiểu thông thường, việc sau câu 6 dùng dấu phẩy:*

- Có chức năng nhằm để ngắt câu 6 và câu 8 về mặt hình thức của thể thơ lục bát?
- Dùng dấu phẩy để ngắt ý (nội dung) được triển khai, mở rộng và kết thúc ở câu 8?

*Theo cách hiểu thông thường, việc sau câu 8 dùng dấu chấm:*

- Để kết thúc ý thơ của 1 cặp lục bát hoặc nhiều cặp lục bát.

Việc dùng dấu phẩy cuối câu 6 và dấu chấm cuối câu 8 vẫn có những vấn đề bất cập đặt ra khi việc quan niệm câu 6 và câu 8 có chức năng độc lập tương đối thể hiện qua chính tả - viết hoa đầu dòng câu 8 (nghĩa là “khác” với Trương Vĩnh Ký, không viết hoa đầu câu 8 và coi cặp lục bát là 1 câu, *một chỉnh thể không tách rời*?).

## 4. Việc không dùng dấu phẩy cuối câu 6 và dấu chấm cuối câu 8

Có thể nhận thấy sự bất cập nêu ở mục 3 nói trên là: Nếu hiểu cặp lục bát gồm 2 dòng thơ lục và dòng thơ bát (có sự độc lập tương đối) thì dường như dấu phẩy sau câu 6 và dấu chấm sau câu 8 trở nên không cần thiết trong việc trình bày và thể hiện chính tả?

Năm 1942 - 1943, Nhà in Alexandre de Rhodes đã thực hiện việc bỏ dấu phẩy cuối câu 6 và dấu chấm cuối câu 8 khi tái bản lại cuốn *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Văn Vĩnh như hình ở trên.

Cũng tương đương khoảng thời gian này là xu thế trình bày truyện thơ lục bát theo cách này là bỏ dấu phẩy sau câu 6 và dấu chấm sau câu 8 như “Phổ thông bán nguyệt san số 156 Avril 1945 của nhà in Tân Dân khi in *Bích Câu kỳ ngộ* dẫn giải của Nguyễn Đỗ Mục như ảnh bên.

## 5. Việc thực hiện, thể hiện các dấu câu trong tiếng Việt trong các văn bản *Truyện Kiều* quốc ngữ.

Từ bản *Kim Vân Kiều truyện* của Trương Vĩnh Ký cho thấy các dấu trong tiếng Việt được sử dụng như:

- *Dấu phẩy*: dùng ngắt ý trong các dòng thơ và dùng cuối câu 6
- *Dấu chấm hỏi, chấm than*: được dùng cuối câu 6 và câu 8
- *Dấu hai chấm*:



+ Được dùng trong câu nhằm để giải thích, nêu ví dụ, liệt kê hoặc giới thiệu lời nói trực tiếp.

+ Được dùng cuối câu bát để cho thấy cặp lục bát sau đó giải thích, nêu ví dụ, liệt kê hoặc giới thiệu lời nói trực tiếp của câu lục bát trước.

- *Dấu chấm phẩy*: được dùng cuối câu 8 để thể hiện ngắt ý, nội dung trong câu ghép, chỉ sự tương phản hoặc liệt kê tiếp tục của các câu lục bát tiếp theo.

- *Dấu mở đóng ngoặc kép*: dùng để dẫn lời nói, lời tự sự được tường thuật trực tiếp, thường hay dùng sau dấu hai chấm. **Lưu ý, thời Trương Vĩnh Ký chưa sử dụng dấu này**

***Trong hầu hết các văn bản Truyện Kiều Quốc ngữ không dùng dấu chấm lửng (...)*** (cũng có bản dùng dấu chấm lửng sau hai từ vân vân - *Nỗi lòng khẩn chứa cạn lời vân vân...*), ***dấu gạch ngang (-), dấu mở đóng ngoặc đơn [(.)]*** vì không có trường hợp nào cần đến dấu đó?.

### **5.1 Các bản Kiều sử dụng dấu chấm phẩy cuối câu 8.**

Dấu chấm phẩy (;) được dùng cuối câu 8 để thể hiện ngắt ý, nội dung trong câu ghép, chỉ sự tương phản hoặc liệt kê tiếp tục của các câu lục bát tiếp theo.

Chỉ khác với bản Trương Vĩnh Ký in năm 1875 và 1913, các bản *Kiều Quốc ngữ* sau này đều viết hoa đầu dòng thơ bát và sử dụng tất cả các dấu như nói ở mục 5.

Chúng tôi lưu ý các bản sau đây dùng dấu chấm phẩy sau câu 8 như:

- Bản *Truyện Thúy Kiều* của Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim in năm 1927 tại nhà in Vĩnh Hưng Long thư quán 51 Hàng Đường Hà Nội và bản tái bản in tại TÂN VIỆT 235, Phan thanh Giản - Saigon năm 1968 và tái bản do Nxb Văn hóa Thông tin (Hà Nội) năm 1995.

- Bản *Kiều truyện dẫn giải* của Hồ Đắc Hàm (Tư nghiệp Quốc Tử Giám) in tại nhà Đắc Lập - Huế năm 1929

- *Dẫn giải truyện Kim Vân Kiều* - Huyền Mặc Đạo Nhân Năm in tại Tín Đức thư xã Sài Gòn, 1930

- Bản *Vương Thúy Kiều* của Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu in tại nhà Hương Sơn, Hà Nội 1941

...

### **5.2 NGÀY NAY - Các bản Kiều KHÔNG sử dụng dấu chấm phẩy cuối câu 8**

Ngày nay, phần lớn các bản Kiều quốc ngữ không còn sử dụng dấu chấm phẩy sau câu 8, ví dụ vài cuốn như:

- Bản *Truyện Kiều* (Tiếng Việt - Tiếng Pháp - Tiếng Anh), phần văn bản của Nguyễn Khắc Viện do NXB Thế Giới in năm 2020.

- *Truyện Kiều* (Nguyễn Thạch Giang khảo đính, chú giải), NXB Văn hóa Thông tin năm 2011

- *Truyện Kiều* (Bản Nôm của Hoàng gia triều Nguyễn) do Nguyễn Khắc Bảo phiên âm. NXB Lao Động năm 2016.

## 6. Xu hướng bỏ dấu phẩy trong các dòng thơ

Nhiều quan điểm cho rằng: Thơ nôm không có dấu, người viết, viết theo cách nghĩ của mình, người đọc tự ngắt, tự tiếp nhận. Người xưa cho rằng “văn chương thiên cổ sự, đắc thất thốn tâm tri” (được thua mình biết thôi). Việc thêm chấm phẩy của người sau là định hướng chủ quan của họ, theo họ thì dễ nhiều người dễ theo dõi, dễ hiểu hơn, như thế là họ lái người đọc theo ý mình. Điều đó, trái với quy luật tiếp nhận văn học?

Ví dụ câu 785 - 786: Rước nàng về đến trú phường / Bốn bề xuân khóa một nàng ở trong.

Bản của Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim đánh dấu phẩy như sau: Bốn bề xuân khóa, một nàng ở trong. Còn bản của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã không đánh dấu phẩy. Việc đánh dấu phẩy ở câu bát này có thể làm giảm sự tiếp nhận văn học của độc giả.

Xu hướng bỏ các dấu phẩy ở các dòng thơ thể hiện ở cuốn *Truyện Kiều* (Nguyễn Thạch Giang khảo đính, chú giải), NXB Văn hóa Thông tin năm 2011. (Xem hình bên và hình dưới)

## 7. Việc chia đoạn *Truyện Kiều*

Có hai quan điểm cơ bản:

1. *Truyện Kiều* là một nguyên khối, không cần chia đoạn. Việc chia đoạn làm giảm giá trị tiếp nhận văn học và làm vụn *Truyện Kiều*?

2. Việc chia đoạn là cần thiết vì *Truyện Kiều* vốn bản thân có yếu tố truyện nên việc phân chia đoạn giúp độc giả nắm bắt nội dung.

Ví dụ cho những bản **Kiều Nôm** phân đoạn như: bản *Kim Vân Kiều* hội bản được ghi dấu trên bìa năm 1894 (bản của Hoàng gia triều Nguyễn)

GS.TS Trần Đình Sử cho biết ông không phủ nhận cả hai giả thuyết đang được công bố. Tuy nhiên, ông nhìn nhận tác phẩm như một trường hợp nghiên cứu đặc biệt. Bởi lẽ, cuốn sách không chỉ vẽ đôi ba tranh minh họa như thường thấy mà vẽ liên hoàn tới 146 bức, theo sát nội dung 144 đoạn trong *Truyện Kiều*.

Việc đem *Truyện Kiều* nguyên khối tách ra 144 đoạn và đoạn nào cũng tạo thành “một câu chuyện nhỏ hoàn chỉnh” cho thấy sự đóng góp khác biệt của *Kim Vân Kiều* hội bản. Tác phẩm đã nhấn mạnh sự kỳ tài trong nghệ thuật sáng tác của Nguyễn Du, nhận ra sự nhuần nhuyễn trong thủ pháp nghệ thuật của đại thi hào dân tộc khi khiến người đọc tìm thấy trong câu chuyện lớn là chuỗi chuyện nhỏ. Đây là những nét đặc sắc mà nhiều nhà nghiên cứu hiện nay chưa đề ý.

Thực tế, việc phân đoạn liên tục diễn ra từ năm 1911 như bản *Kim Vân Kiều* truyện do Trương Vĩnh Ký phiên. Mặc dù, Trương Vĩnh Ký năm 1875 đã không phân đoạn, nhưng sau này khi tái bản, nhà in đã phân đoạn như trình bày trên.



# BÀN THÊM VỀ TINH HOA THƠ LỤC BÁT TRONG TRUYỆN KIỀU VÀ CÔNG VIỆC CỦA NGƯỜI LÀM THƠ LỤC BÁT NGÀY NAY

ThS. ĐỖ TRUNG MINH

Phó Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

1.1. Trong dòng chảy của văn học Việt Nam, lục bát không chỉ đơn thuần là một thể thơ truyền thống, mà là “vân tay văn hóa”, là hình thức biểu đạt cốt lõi cho tâm hồn và bản sắc của cộng đồng người Việt. Nếu như trong văn học dân gian, lục bát ban đầu tồn tại như một phương thức diễn xướng nguyên hợp, mộc mạc, nhưng cũng trác việt, tài hoa, thì đến thế kỷ XIX, với kiệt tác *Truyện Kiều*, Đại thi hào Nguyễn Du đã thực hiện cuộc cách mạng thẩm mỹ ở thể loại này một cách ngoạn mục và rất đáng nể trọng. Bằng thiên tài ngôn ngữ của mình, Nguyễn Du đã thanh lọc, bác học hóa và cũng cổ điển hóa thể thơ này, đưa lục bát đạt đến đỉnh cao chói lọi vô tiền khoáng hậu về cả cấu trúc nhạc điệu, thi pháp “ý tại ngôn ngoại”, lẫn khả năng bao chứa những tư tưởng nhân văn sâu sắc. Từ *Truyện Kiều*, lục bát chính thức bước vào hàng ngũ những thể thơ cổ điển có khả năng diễn tả mọi sắc thái cuộc sống và biểu đạt mọi góc khuất tinh vi nhất trong cấu trúc tâm lý con người.

Tuy nhiên, bước vào không gian văn học đương đại, vị thế và diện mạo của thơ lục bát đang đứng trước những biến động sâu sắc và toàn diện. Một mặt, dưới tác động của làn sóng hậu hiện đại và xu hướng toàn cầu hóa, sự bùng nổ của các thể thơ tự do, tân hình thức đang đẩy lục bát vào nguy cơ bị ngoại vi hóa, có nguy cơ trở thành một “di sản bảo tàng” tĩnh tại. Mặt khác, sự phát triển của các nền tảng truyền thông số đã tạo điều kiện cho một bộ phận lớn người làm thơ tiếp cận lục bát một cách dễ dãi. Hệ quả là sự xuất hiện tràn lan của hiện tượng “lục bát vè”, “thơ rác” - những tác phẩm chỉ thỏa mãn cấu trúc cơ học về vần tiếng (6/8) nhưng nhạt nhẽo, hời hợt về hàm lượng nghệ thuật, thiếu hụt tư tưởng và làm suy giảm nghiêm trọng tính trang nhã mà sâu sắc vốn có của thể thơ dân tộc.

Thực trạng này đặt ra vấn đề trách nhiệm mang tính căn cốt đối với đội ngũ sáng tác thơ lục bát đương đại: Làm thế nào để thơ lục bát vừa tiếp nối mạch nguồn tinh hoa của quá khứ, vừa kiến tạo được những giá trị mới phù hợp với tư duy của thời đại 4.0? Vì vậy, rất cần “**Bàn thêm về tinh hoa thơ lục bát trong *Truyện Kiều* và công việc của người làm thơ lục bát ngày nay**” để giải quyết những đòi hỏi thực tế, cụ thể mà thực tiễn đề ra. Do đó bài viết này không chỉ có ý nghĩa nhận thức sâu thêm các giá trị kinh điển của *Truyện Kiều*, mà còn trực tiếp trao đổi, góp phần xác định rõ trách nhiệm cho người làm thơ hôm nay, trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thông qua thể thơ lục bát.



## 2. Một vài ý kiến tìm hiểu và bàn thêm

### 2.1. Kiệt tác *Truyện Kiều* - chuẩn mực kinh điển của thể thơ lục bát

*\* Tính bác học hóa ngôn từ dân gian*

Trước Nguyễn Du, lục bát chủ yếu tồn tại trong ca dao (dùng để nói, hát, ru, ngâm). Ca dao có đặc tính mộc mạc, chân thành và chất khẩu ngữ. Nó gắn liền với tư duy sinh hoạt thường nhật trong cuộc sống lao động cần mẫn đa phần là “chân quê”. Chắc chắn là, thơ lục bát dân gian đã có trước *Truyện Kiều* rất lâu và không phải không có những viên ngọc lấp lánh. Đến *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã thực hiện một cuộc “thanh lọc” và nâng cấp ngôn ngữ dân tộc trên quy mô lớn.

Nguyễn Du không loại bỏ chất liệu dân gian mà chọn lọc, gọt giũa chúng để đạt đến độ tinh mỹ, trang nhã, lấy đó làm nòng cốt cho lục bát trong *Truyện Kiều*. Đồng thời, Đại thi hào đã đan cài một cách tài tình hệ thống từ Hán Việt, điển tích, điển cố văn học Trung Hoa vào cấu trúc câu thơ lục bát mà không hề gây cảm giác sống sượng hay khiên cưỡng.

Ví dụ, khi khắc họa vẻ đẹp của Thúy Kiều, câu thơ: “*Làn thu thủy nét xuân sơn / Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*” là sự kết hợp hoàn hảo giữa thi liệu ước lệ cổ điển và cú pháp tiếng Việt uyển chuyển. Ngôn ngữ lục bát trong *Truyện Kiều* trở thành một thứ ngôn ngữ kết tinh, hàm súc tối đa, đạt đến trạng thái “không thể thêm, không thể bớt, không thể đổi”, duy nghĩa và đa nghĩa, biến một thể thơ bình dân thành ngôn ngữ văn học bác học chuẩn mực.

*\* Đỉnh cao của nghệ thuật phối thanh và tổ chức nhịp điệu*

Thơ lục bát vốn đã uyển chuyển với các thanh điệu của tiếng Việt. ví dụ: “*Gió đưa cành trúc la đà. Tiếng chuông Trấn Vũ canh gà Thọ Xương*”. Nguyễn Du đã đưa nhạc tính của thể thơ lục bát lên mức tuyệt đối nhờ sự thấu suốt về luật phối thanh (bằng - trắc) và những biến tấu nhịp điệu bậc thầy. Trong cấu trúc lục bát truyền thống, sự phân bổ các thanh không và thanh huyền ở các vị trí tiếng thứ 2, 4, 6, 8 thường tuân thủ nghiêm ngặt để tạo sự nhịp nhàng. Nguyễn Du không chỉ làm chủ quy luật này mà còn biến hóa nó để tạo ra những hiệu ứng tâm lý phức tạp. Điều này không chỉ là minh chứng cho khả năng cảm thụ tiếng Việt tuyệt vời của Đại thi hào, mà Nguyễn Du còn tài hoa sử dụng tiếng Việt điệu nghệ như người múa kiếm dưới ánh trăng. Đáng chú ý, ông đã phá vỡ sự đơn điệu của nhịp chẵn (2/2/2 hoặc 4/4) truyền thống bằng cách sử dụng các nhịp lẻ (3/3, 1/5, 3/5) để diễn tả những trạng thái biến động, đổ vỡ trong nội tâm nhân vật. Ta thử đọc: “*Đau đớn thay phận đàn bà / Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*”, hay là “*Khi chén rượu, khi cuộc cờ / Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên*” cho thấy cách ngắt nhịp và phối thanh đã không còn là một khuôn mẫu cơ học, Nguyễn Du đã trở thành một “nhạc trưởng” điều khiển dòng cảm xúc của độc giả, khiến câu thơ giàu sức gọi và vang vọng.

*\* Hệ hình tư tưởng và thi pháp “Ý tại ngôn ngoại”*

Lục bát trước *Truyện Kiều* chủ yếu mạnh về tính tự sự (kể chuyện) hoặc trữ tình bột phát ngắn. Nguyễn Du là người đầu tiên chứng minh lục bát có thể gánh vác được những tư



tưởng triết lý sâu sắc và diễn tả những xung đột nội tâm phức tạp nhất của con người. Bằng bút pháp “tả cảnh ngụ tình” bậc thầy, thiên nhiên trong *Truyện Kiều* không bao giờ là cảnh vật tĩnh tại mà là sự chiết xạ của tâm trạng: “*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu / Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”. Kỹ thuật “ý tại ngôn ngoại” (ý ở ngoài lời) giúp mỗi cặp câu lục bát của Nguyễn Du mở ra những khoảng trống không gian và thời gian mênh mông, buộc người đọc phải suy ngẫm, đồng sáng tạo, nâng tầm lục bát thành thể thơ trữ tình - triết lý sâu sắc. Đó là những “mạch ngầm văn bản”, hoặc những nốt lặng suy cảm, đầy chất trữ tình ngoại đề.

### 2.2. Diện mạo Thơ Lục bát đương đại

*\* Nhìn lại những nỗ lực nghiên cứu, đổi mới cách tân thơ lục bát*

Giá trị nghệ thuật và ngôn ngữ thơ lục bát trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du từ lâu đã là đối tượng trung tâm của giới nghiên cứu phê bình. Các công trình kinh điển của Phan Ngọc (*Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, 1985) đã bóc tách tài tình kỹ nghệ sử dụng ngôn từ và cấu trúc câu thơ Kiều. Giáo sư Nguyễn Đình Chú (Nguyễn Đình Chú- Tuyển tập, tr 286-337, 2012), Giáo sư Trần Đình Sử (*Thi pháp Truyện Kiều*, 2002) cũng đã xây dựng một hệ thống lý luận vững chắc về không gian, thời gian và cái nhìn nghệ thuật của Nguyễn Du qua lăng kính lục bát bác học. Nguyễn An (2025) với *Nghiên cứu Truyện Kiều-Ghi chú và ấn tượng* đã gợi ra những giải pháp để khắc phục những hụt hẫng về lực lượng nghiên cứu, tiếp thụ tinh hoa *Truyện Kiều* lâu dài. Ở một hệ hình khác, diện mạo thơ lục bát đương đại cũng nhận được sự quan tâm qua nhiều bài viết, kỷ yếu hội thảo, nhằm đánh giá các xu hướng cách tân của các tác giả hiện đại. Các nhà thơ như Nguyễn Bính, Thế Lữ (Phong trào Thơ Mới 1932 - 1945) đã mang cái “tôi” cá nhân vào thơ lục bát. Nhịp điệu câu thơ được thả lỏng, uyển chuyển và mang hơi thở lãng mạn, đánh dấu sự thoát ly khỏi cấu trúc ước lệ phong kiến. Giai đoạn thập niên 1960 nổ ra nhiều cuộc thảo luận giữa các nhà thơ lớn. Xuân Diệu từng lên tiếng phản đối việc bê gãy hay phá vỡ hình thức lục bát, trong khi các tác giả khác như Phạm Thiên Thư bắt đầu thử nghiệm các biên độ nhịp điệu mới mẻ. Sự phá cách của Nguyễn Duy (những năm 1970 - 1990) mang tính bước ngoặt, đưa lục bát bước vào kỷ nguyên hiện đại. Ông thực hiện cuộc “vắt dòng”, cắt ngang câu lục bát thành nhiều dòng, đan xen các dấu chấm câu lạ lẫm vào giữa mạch thơ. Thơ lục bát từ đây trở nên đa tầng, giàu triết lý và thể sự.

Hội thảo khoa học “Nhận diện thơ lục bát Việt Nam đương đại” đã được tổ chức nhằm đánh giá khách quan các tìm tòi cách tân. Hội thảo đã ghi nhận nhiều thủ pháp làm mới táo bạo của các nhà thơ đương đại

Tuy nhiên, một khoảng trống học thuật vẫn đang tồn tại: phần lớn các nghiên cứu hiện có thường tách rời thành hai thái cực - hoặc là đi sâu khảo cổ di sản Nguyễn Du, hoặc là phê bình thực trạng thơ đương đại một cách độc lập. Hiện chưa có nhiều công trình thiết lập một trục tọa độ lịch sử để nối liền hệ chuẩn mực của *Truyện Kiều* với ý thức trách nhiệm đạo đức và nghệ thuật của người làm thơ hôm nay. Bài báo này hướng tới việc khóa lấp

khoảng trống đó, bằng cách sử dụng đỉnh cao của Nguyễn Du làm hệ quy chiếu khoa học để soi chiếu và định hình sứ mệnh cho thơ lục bát đương đại.

**Để có ý kiến góp vào việc tìm hiểu tinh hoa lục bát trong Truyện Kiều và trách nhiệm của người làm thơ lục bát hiện nay, chúng tôi vận dụng phối hợp các phương pháp cấu trúc - hệ thống để khảo sát thơ lục bát trong *Truyện Kiều* như một hệ thống cấu trúc nghệ thuật hoàn chỉnh (vần, nhịp, phối thanh, thi liệu) và đối chiếu nó với hệ thống thơ lục bát đương đại; phương pháp so sánh văn học để chỉ ra khoảng cách thẩm mỹ, những điểm kế thừa và cả những đứt gãy giữa nghệ thuật lục bát của Nguyễn Du và thực trạng sáng tác thơ lục bát hiện nay; cũng cần sử dụng phương pháp xã hội học văn hóa để khảo sát hiện tượng “lục bát về” và xu hướng sáng tác thời đại số dưới góc độ tác động của môi trường xã hội đối với tâm lý và trách nhiệm của người làm thơ lục bát.**

*\* Những nỗ lực đổi mới và chuyển dịch*

Trong không gian văn học đương đại, thơ lục bát vẫn chứng minh sức sống mãnh liệt thông qua những nỗ lực cách tân không ngừng của các tác giả hiện đại. Chúng ta từng chứng kiến các “cuộc vận động” mang tính tự thân, nhóm nhỏ nhằm đổi mới thơ lục bát nhằm ép nó bao chứa thêm các hình thức tư duy triết lý như các thể thơ tự do. Nhiều nhà thơ đã cố gắng thoát khỏi cái bóng quá lớn của lối viết cổ điển bằng cách thay đổi cấu trúc bề mặt của câu thơ. Họ đưa vào lục bát ngôn ngữ của đời sống hiện đại, hơi thở đô thị, thị trường, công nghệ với tư duy phân mảnh và thậm chí là những trải nghiệm tâm lý của con người thời đại số. Những thử nghiệm như xuống dòng tự do trong một câu lục bát (lục bát vắt dòng), thay đổi cách gieo vần bằng các vần nghịch, vần trắc đã mang lại cho lục bát một diện mạo mới, góc cạnh và đa dạng hơn, chứng minh thể thơ này vẫn có khả năng thích ứng với dòng chảy thời đại.

*\* Hiện tượng “Lục bát về” và sự hạ thấp chuẩn mực nghệ thuật*

Bên cạnh những tìm tòi nghiêm túc, thực trạng đáng báo động nhất của lục bát đương đại chính là xu hướng dễ dãi, nông cạn, dẫn đến hiện tượng “lục bát về” hay “thơ rác” bùng nổ trên các nền tảng mạng xã hội hoặc trong một số sinh hoạt câu lạc bộ thơ. Với nhận thức rằng, thơ lục bát dễ làm, không phân biệt thể nào là thơ, thể nào là về, là vẫn nói có vần theo hình thức 6/8, do vậy, nhiều người làm thơ hiện nay đang nhầm tưởng rằng chỉ cần viết đủ 6 chữ ở câu trên, 8 chữ ở câu dưới và đáp ứng đúng quy luật gieo vần cơ học là đã tạo thành một bài thơ lục bát. Sự lạm dụng này dẫn đến những bài thơ kể lể trần thuật nhặt nhẻo về tư tưởng, không tạo được liên tưởng, thô mộc về ngôn từ và hoàn toàn triệt tiêu nhạc tính.

Thể thơ đòi hỏi tính hàm súc, trang nhã bậc cao của Nguyễn Du đang bị kéo xuống thành công cụ để kể lể dông dài, diễn đạt những cảm xúc vụn vặt, tầm thường, đánh mất đi hoàn toàn tính thiêng và chiều sâu thẩm mỹ vốn có. Thơ lục bát tưởng dễ làm, nhưng để có câu thơ thực thụ nhiều ám ảnh, đọc mà giật mình, mà rung rung thì không hề dễ. Mặc dù, “lục bát về” mới chỉ là hiện tượng, nhưng phải thấy đây là một nguy cơ nằm trong số đông người hời hợt làm lục bát trong các câu lạc bộ địa phương. Họ có nhu cầu chính đáng là giải



bày tâm sự, cảm xúc. Nhưng do nhận thức chưa đầy đủ về thơ nói chung, thơ lục bát nói riêng, họ dễ dãi bằng lòng với “thành phẩm 6/8” của mình, vui vẻ coi đó là thơ, lại được các hình thức in ấn thuận lợi hỗ trợ, ra vô số tập thơ cho tặng.

*\* Những hệ lụy thẩm mỹ và ý thức kế thừa di sản*

Hệ quả của sự dễ dãi nói trên là một vết đứt gãy sâu sắc giữa chuẩn mực cổ điển và thực hành đương đại. Một bộ phận lớn tác giả làm thơ lục bát hiện nay thiếu đi sự thụ nhận sâu sắc về mặt tri thức đối với di sản *Truyện Kiều*, họ không hiểu được bản chất của kỹ nghệ phối thanh, nghệ thuật chọn lọc nhân tự (chữ mất thơ), hay cách tổ chức nhịp điệu để tạo ra sức gọi. Sự đứt gãy này không chỉ khiến các tác phẩm lục bát đương đại trở nên ngô nghê, thiếu sức sống mà còn làm lệch lạc thị hiếu thẩm mỹ của công chúng. Khi người làm thơ lục bát không còn lấy hệ chuẩn mực của Nguyễn Du làm gương soi để nghiêm khắc với ngòi bút của mình, thơ lục bát sẽ tự đánh mất đi vị thế “quốc thi” và bị cô lập ngay trong đời sống văn học đương đại.

### 3. Bàn thêm về trách nhiệm của người làm thơ lục bát hiện nay

#### 3.1. Trách nhiệm thụ nhận và bảo tồn cốt cách di sản

Trách nhiệm đầu tiên và cốt lõi của người làm thơ lục bát đương đại là phải thiết lập một thái độ thụ nhận nghiêm túc, khoa học đối với di sản văn học dân tộc, mà đỉnh cao là *Truyện Kiều*. Nhà thơ hiện đại không thể sáng tác lục bát dựa trên thói quen tự thân thuần túy hay sự phóng túng cơ học, mà phải trang bị cho mình một “độ lùi tri thức” để thấu suốt các quy luật thi pháp kinh điển của Nguyễn Du.

Việc học tập Nguyễn Du không dừng lại ở việc thuộc lòng các câu thơ Kiều, mà là sự nghiên cứu sâu sắc về kỹ nghệ tổ chức ngôn từ, nghệ thuật chọn lọc “nhân tự”, cách phối thanh để đạt đến nhạc tính tối đa và tư duy cấu trúc nhịp điệu. Ý thức được hệ chuẩn mực của *Truyện Kiều* chính là sở hữu một chiếc gương soi thẩm mỹ, giúp người làm thơ nghiêm khắc với ngòi bút của chính mình, biết tự thanh lọc những câu thơ dễ dãi, thô mộc, từ đó bảo vệ tính trang nhã và cốt cách thanh cao của thể thơ dân tộc, ngăn chặn nguy cơ lục bát bị “về hóa”.

#### 3.2. Về cách tân lục bát (sáng tạo trên nền tảng di sản lục bát)

Kế thừa di sản không đồng nghĩa với sự mô phỏng, sao chép hay nương bóng quá khứ một cách giáo điều. Trách nhiệm lịch sử của người làm thơ lục bát hôm nay là phải đem đến cho lục bát một “bộ gene” mới mang hơi thở của thời đại. Nguyễn Du đã thành công khi đưa tư duy trung đại vào lục bát; vì vậy, nhà thơ thế kỷ XXI cũng phải có sứ mệnh đưa tư duy hiện đại, hậu hiện đại và những trăn trở của con người thời đại số vào thể thơ này. Sự cách tân phải diễn ra một cách khoa học, tức là sáng tạo dựa trên quy luật nội tại của thể thơ chứ không phải sự thay thế không có căn nguyên, vô lối. Người làm thơ cần thử nghiệm các biên độ đề tài mới (sinh thái, đô thị, chấn thương tâm lý con người hiện đại, thực trạng và tốc độ số hoá xã hội...), làm mới hệ thống thi ảnh (thoát khỏi các ước lệ cổ điển như tùng, cúc, trúc, mai), và táo bạo trong kỹ thuật vắt dòng, ngắt nhịp biến hóa. Mục tiêu tối thượng



của sự cách tân này là chứng minh rằng: Lục bát không phải là một hóa thạch của quá khứ, mà là một thực thể sống, một cấu trúc nghệ thuật mở, hoàn toàn đủ năng lực gánh vác các hệ tư tưởng, những nhận thức nhân tình thế thái đương thời và dòng cảm xúc phức tạp của con người hôm nay.

### 3.3. *Nhiệm vụ giữ gìn văn hóa và định hướng thẩm mỹ cộng đồng*

Trong kỷ nguyên số, khi ranh giới giữa văn học tinh hoa và văn nghệ quần chúng trở nên mờ nhòe, người làm thơ lục bát chuyên nghiệp phải gánh vác trách nhiệm định hướng thẩm mỹ cho công chúng. Đối diện với làn sóng “thơ rác” và “lục bát vè” đang lan tràn trên mạng xã hội, người nghệ sĩ không được phép thỏa hiệp hay im lặng. Họ phải là những người tiên phong sáng tạo ra những tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao để “định hướng và định mức”, giúp công chúng gạt đục khơi trong, biết chọn lựa nhận diện và thưởng thức vẻ đẹp đích thực của lục bát chuẩn mực. Xa hơn nữa, đó là trách nhiệm quảng bá văn hóa đương đại ra thế giới. Thông qua các hình thức dịch thuật, giao thoa nghệ thuật (kết hợp lục bát với âm nhạc đương đại, hội họa), người làm thơ hôm nay có nhiệm vụ giới thiệu một diện mạo lục bát Việt Nam vừa mang chiều sâu nghìn năm của Nguyễn Du, vừa năng động, trẻ trung trong dòng chảy toàn cầu hóa.

Nhiều câu lạc bộ thơ quần chúng hiện nay, đáng mừng là đã có những cảnh tình mạnh mẽ hiện tượng “thơ rác”. Họ tìm ra nhiều cách để khắc phục tình trạng thơ thô mộc, kể lể trần thuật, hô khẩu hiệu có vần...để dãi khi đặt bút, ghép vần. Họ liên kết và được các hội văn học nghệ thuật địa phương bảo trợ, cử các hội viên “có nghề” cùng sinh hoạt, trao đổi, uốn nắn từng bước; tổ chức các đợt tham quan học tập giao lưu làm thơ, vân vân. Phong trào thơ trong cộng đồng đang đứng trước một cuộc tự chỉnh sửa. Đây là tín hiệu đáng mừng.

Các Chi hội Kiều học Việt Nam có nhiều hội viên làm thơ lục bát. Thậm chí, có Chi hội kiều học chính là một Câu lạc bộ thơ lục bát; trong Hội Kiều học Việt Nam có Liên hiệp các câu lạc bộ thơ lục bát toàn quốc. Đây là nét mới của Hội và là tín hiệu phát triển đáng mừng về thơ lục bát trong thời gian gần đây.

## 4. **Lời kết**

Kiệt tác *Truyện Kiều* của Đại thi hào Nguyễn Du đã lập đỉnh trong lịch sử văn học dân tộc như một hệ chuẩn mực kinh điển, nâng thể thơ lục bát từ nguồn cội dân gian lên tầm tinh hoa bác học. Di sản ấy không phải là một bảo tàng đóng kín để hậu thế chỉ đến chiêm bái “kính nhi viễn chi”, mà là một mạch nguồn văn hóa không ngừng chảy, liên tục vẫy gọi các thế hệ sau tiếp nối và đồng sáng tạo.

Khảo sát diện mạo thơ lục bát đương đại cho thấy những chuyển dịch phức tạp: bên cạnh những tìm tòi cách tân nghiêm túc, giàu nội lực là sự xuất hiện đáng báo động của những biểu hiện đứt gãy thẩm mỹ, sự dễ dãi mang tính cơ học làm suy giảm giá trị của “quốc thơ”. Trong bối cảnh đó, việc đặt ra vấn đề trách nhiệm lịch sử của người làm thơ hiện nay trở thành một mệnh lệnh cấp bách.





Nghiên cứu khẳng định, trách nhiệm của người làm thơ lục bát hôm nay đối với Nguyễn Du bao gồm cả hai mặt biện chứng: bảo tồn cốt cách và dân thân cách tân. Tiếp nối Nguyễn Du không phải là biến mình thành một bản sao mờ nhạt của quá khứ, mà là học tập tinh thần lao động chữ nghĩa nghiêm túc của ông để kiến tạo nên những cấu trúc lục bát mới, mang hơi thở và tư duy của thời đại hôm nay. Chỉ khi ý thức được sứ mệnh lịch sử đó, các nhà thơ đương đại mới có thể giữ cho ngọn lửa lục bát luôn cháy sáng, định vị vững chắc bản sắc văn học Việt Nam trên bản đồ văn hóa thế giới.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn An (2025) Nghiên cứu Truyện Kiều-Ghi chú và ấn tượng, Nxb HNV
2. Nguyễn Du, *Truyện Kiều* (Bản tái bản khảo đính) (2015), NXB Văn học, Hà Nội.
3. Phan Ngọc (1985), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Trần Đình Sử (2002), *Thi pháp Truyện Kiều*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Hội Nhà văn Việt Nam (2022), *Kỷ yếu hội thảo: Thơ lục bát và các xu hướng cách tân trong văn học đương đại*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.



Thân sao nhiều nỗi bất bằng  
Liều như Cung Quảng ả Hằng nghĩ sao  
Oh, How pitiful I am When I think of this  
I would rather the life of the beautiful Hang Nga  
in her cold palace in the moon

Sưu tầm (Thế Anh, *Hội Kiều học Việt Nam*,  
*Truyện Kiều*, Nguyễn Du, NXB Văn học)

# TỔ TIÊN NGUYỄN DU - KẾT TINH MỐI TÌNH ĐẬM CHẤT NHÂN VĂN VÀ ĐÔI ĐIỀU VỀ CÔNG VIÊN VĂN HÓA - DU LỊCH TRÊN ĐẤT DÂN HÒA

Nhà nghiên cứu, phê bình ĐINH THIÊN HƯƠNG

Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Kiểm tra Hội

## 1. Cây có cội, nước có nguồn, người có tổ tông:

“Người ta có tổ có tông / Như cây có cội, như sông có nguồn”. Tổ tông góp phần lý giải được nhiều điều về thể chất và tài năng, nhân cách và tâm hồn con người. Thiên tài Nguyễn Du (ND) cũng không nằm ngoài quy luật mang tính phổ quát đó.

a) Cho đến nay, khi tìm hiểu về gốc tích tổ tông của ND, tuy còn đôi chỗ cần nghiên cứu tường minh và tranh biện kĩ càng hơn (ví như khởi thủy dòng tộc Nguyễn Tiên Điền cũng như nhiều chi phái họ Nguyễn khác có quan hệ gốc gác ra sao với Định quốc công Nguyễn Bặc (như chức Tể tướng thời nhà Đinh); với Danh nhân văn hóa - người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, với Thái sư Cương quốc công Nguyễn Xí, như ý kiến của GS. NGND Nguyễn Đình Chú, trong “Nguyễn Du thiên tài - vấn đề đã quen mà còn lạ”; hay là việc vì sao tổ tiên dòng tộc họ Nguyễn ấy, đàn ông thường có nhiều vợ sinh nhiều con cháu và phân chia ra làm nhiều chi nhánh, cư trú ở nhiều vùng đất khác nhau...). Nhưng có một điều được đồng thuận lớn, có chứng lý rõ ràng, là tổ tông dòng tộc Nguyễn Tiên Điền, khởi phát trực tiếp từ một chi phái ở làng Canh Hoạch (huyện Thanh Oai cũ), Thành phố Hà Nội. Trong sách “Lịch sử họ Nguyễn Tiên Điền”, học giả Lê Thước (1891-1975), có ghi: Họ Nguyễn ở Tiên Điền (huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh), “*nơi sinh ra đại thi hào Nguyễn Du có gốc họ Nguyễn, làng Canh Hoạch*”. Tài liệu mới nhất đây, trong “Truyện Kiều - bản Tiên Điền”, (NXB Hội Nhà văn, quý 4-2025), Vương Trọng thay mặt Nhóm Biên soạn cũng đã viết trong: “Lời giới thiệu”: “*Thủy tổ của họ Nguyễn Tiên Điền là ở làng Canh Hoạch (Cổ Hoạch), nay là làng Canh Hoạch, xã Dân Hòa, TP. Hà Nội. Đây là một dòng họ khoa bảng nổi tiếng. nhiều người làm quan to, điển hình là Nguyễn Thiển, cụ tổ chín đời của Nguyễn Du, đậu Trạng nguyên năm 1532 dưới triều Mạc Đăng Doanh. Năm 1601, cụ tổ bảy đời của ND là Nam Dương hầu Nguyễn Nhiệm về ở Nghi Xuân, tính đến nay là 424 năm và hậu duệ lên đến hơn 6.000 người, sinh sống không chỉ ở Nghi Xuân mà trên nhiều vùng đất nước*”.

Tổng hợp tài liệu của một số tác giả, như GS. NGND Nguyễn Đình Chú, GS. Nguyễn Lộc, GS. Đặng Thanh Lê, TS. Đinh Công Vĩ, nhà nghiên cứu Hoàng Khôi... trong một số công trình tiêu biểu, chúng tôi nhận thấy, báo cáo tham luận của PGS. TS Nguyễn Trung Văn và Cử nhân Nguyễn Minh Tuấn trong kỉ yếu Hội thảo khoa học “Trở về cội nguồn Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du” (NXB Tri thức, HN 2025), có tựa đề: “Cội nguồn phát tích



tổ nội và tổ ngoại của Đại thi hào ND” là có tính hệ thống, chuyên sâu, công phu và nhiều thông tin về vấn đề này.

Đất Canh Hoạch xưa gọi là Trang Cổ Hoạch, được chia làm 2 khu vực: Thượng và Hạ Trang Cổ Hoạch. Hạ Trang Cổ Hoạch có cụ Nguyễn Doãn Dịch, đỗ Thám hoa thời Hồng Đức, 1481 và làm quan tới chức Thượng thư bộ Lễ... Cụ có người con trai thứ 2 là công tử Nguyễn Doãn Toại không may bị bệnh phong. Ngày xưa, đó là căn bệnh nan y, bị nghi ngờ là truyền nhiễm, bị kì thị, xa lánh; gia đình phải làm cho căn lều xa làng xóm để sinh sống, dưỡng bệnh. Theo truyền ngôn, công tử vốn thông minh, tài ăn nói, từng được con gái của cụ Nguyễn Bá Ký, em gái của Trạng nguyên Nguyễn Đức Lượng tên là Nguyễn Thị Hiền, đem lòng yêu quý. Nguyễn Đức Lượng sau này muốn táng cha trên mảnh đất có căn lều của công tử Toại, vì theo thầy địa lý, đây là mạch huyết tốt. Nhưng phía bên kia không nhượng bộ, đòi phải được tâm sự với cô Hiền một đêm mới thuận tình. Ông Lượng buồn bã, đem chuyện tỏ bày với cô em gái. Ai ngờ cô Hiền nhất trí tự nguyện, đem ra gặp người thương mến của mình. *“Đêm đó vào hạ tuần tháng 11 mưa phùn gió bắc, cô Hiền đội nón, xách đèn, một mình lặn lội ra lều tranh chuyện trò cùng công tử. Công tử Doãn Toại tuy bệnh tật, nhưng giao tiếp thể hiện tư chất thông minh, hiểu biết, tài đức.”*(1) Nhưng không may, cuộc giao hoan như duyên tiền định đang mặn nồng, thì công tử Doãn Toại bị ngộ phòng đột tử. Ngay trong đêm ấy hai gia đình đều hay tin xấu, đã tính tới việc sáng mai cùng ra lo giải quyết hậu sự. Nhưng khi ra tới nơi, mới đã bồi thành đóng lên thân thể của chàng công tử tài hoa yêu mệnh kia. Đúng là người tính không bằng trời tính. Một con rể do thiên táng, còn bố vợ thì người con trai Nguyễn Đức Lượng, cũng đành phải táng trong khu vực ấy, tuy không được “chính huyết”, cũng được “huyết bàng”.

Lại có thêm một thiên mệnh nữa. Ấy là sau cái đêm mây mưa nặng tình nặng nghĩa kia, tiểu thư Nguyễn Thị Hiền mang thai, rồi tới kì tới tháng “mãn nguyệt khai hoa”, sinh ra cậu con trai (1495), đặt tên là Đàm, húy là Thiến (tốt lành, xinh đẹp). Năm 6 tuổi, Nguyễn Thiến đã được cậu ruột là Nguyễn Đức Lượng (bác-anh ruột mẹ) nhận nuôi cho ăn học. Nguyễn Thiến sớm bộc lộ tư chất thông minh, được học thầy giỏi, lại càng uyên bác, hẳn tiếp hơn người. Cậu ruột đỗ Trạng năm 1514 (50 tuổi), dưới triều vua Lê Tương Dực; cháu ruột đỗ Trạng năm 1532 (37 tuổi), đời vua Mạc Đăng Doanh. Vậy là, cậu Trạng-cháu Trạng, hai thầy trò đỗ Trạng cách nhau 18 năm.

b). Có thể nói: Nguyễn Thiến là kết quả của một mối tình đặc biệt.

Thứ nhất đó là sự đơm hoa kết trái của đôi trai tài gái sắc, từng được học hành, dạy bảo có nề nếp. Họ là công tử-tiểu thư, đều có dòng giống tinh hoa; chứ không phải con nhà bình thường.

Thứ đến, họ có một mối tình cam, nhưng nồng nàn. Vì quan niệm và hạn chế về y khoa thời ấy mà căn bệnh của chàng trai bị kì thị, phải sống cách biệt với cuộc đời thường. Nhưng tình yêu giữa chàng Doãn Toại và nàng Nguyễn Thị Hiền vẫn như than ngùn lửa, càng dập càng hùng, càng xa càng khao khát. Đến khi có sự cho phép gặp gỡ thì có khác gì

mây mưa. Sự bùng phát trong đêm đông quán quỵên, giữa không gian tuyết đối riêng tư ấy, kết nên giọt máu tinh anh tượng hình người.

Cuối cùng, chúng ta nhận thấy, đây còn là kết quả của mối tình chan chứa nghĩa nhân, đầy vị tha của người con gái lương thiện. Chàng trai đức độ, hiền lành, tài hoa và cô gái giàu tình yêu thương, đã đến với nhau, khao khát nhau bằng tình yêu bấp chập, vượt lên trên những lo sợ và khuôn phép. Trong quan niệm xa lánh của người đời, việc người con gái tận yêu, tận hiến kia cao đẹp, vị tha biết dường nào?! Trong bao nhiêu những trái ngang “*chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*”, trong bao nhiêu “*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*”, để hậu duệ Nguyễn Du sau này khái quát lên thành triết lý nhân sinh “*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*”, không biết có cái trái ngang và tấm lòng cao đẹp của tiên tổ đã nói tới kia không?

Nguyễn Thiến thuở thiếu thời, được chăm lo, cho ăn học từ chính người mẹ giàu lòng thương người và người cậu ruột rộng tình chở che, đùm bọc, lại tài giỏi. Tư chất thông minh, chăm chỉ, được học thầy tốt, thì sau này công danh, thành đạt càng tấn tới. Âu cũng là dễ hiểu. Nguyễn Thiến mở đầu cho một chi phái mới ở đất Canh Hoạch và ở đất Tiên Điền, góp phần làm rạng danh quê hương, đất nước. Điều đó thể hiện bằng câu ca dân gian, rất đời tị hào: “*Bao giờ Ngàn Huống hết cây / Sông Lam hết nước, họ này hết quan*”.

c) Chúng tôi tóm tắt, giản lược theo những nét lớn trong báo cáo khoa học của nhóm tác giả Nguyễn Trung Văn, Nguyễn Minh Tuấn, từ Nguyễn Thiến trở về sau, thì cả cha, con cháu họ, tuy giỏi cả văn-võ, tuy được cả nhà Mạc và nhà Lê trọng dụng, nhưng đúng là có những biến cố, ly tán, trắc trở... Có một người con trai của Nguyễn Thiến là Nguyễn Miến sinh được 5 trai, nhưng chính ông và 2 con trai bị sát hại. Người con trai khác tên Nguyễn Nhiệm “*bị thương nằm vùi xác dưới lớp tử sỹ*”, mới thoát thân. Ông phải cải trang, theo đường biển vào Hà Tĩnh “*chọn bãi đất hoang bên hữu ngạn sông Lam, cách biển Xuân Thành hơn 4 km, cách Cửa Hội hơn 10 km làm nơi sinh cơ lập nghiệp và trở thành tổ phụ thứ nhất của dòng họ Nguyễn Tiên Điền*”(2). Từ đây đời nối đời, dòng họ Nguyễn Tiên Điền nổi tiếng văn võ; hoạn lộ và khoa bảng, thầy đều hanh thông, thành đạt, huy hoàng rực rỡ, rạng danh nước nhà. Trong đó, có Nguyễn Du (1765-1820) là Đại thi hào, Danh nhân văn hóa thế giới.

Như vậy là từ Canh Hoạch đến Tiên Điền, trải qua bao biến cố của đời người, dâu bể của thế thời, nhưng vẫn là huyết mạch ấy. Cái “*gen*” nổi trội của dòng họ này vẫn luôn là tài hoa trác việt cả võ và văn, thành danh cả trên quan trường và trên sự nghiệp trước tác văn thơ, thi hành chính sự, hộ quốc an dân. Hào kiệt nhân tài đời nào cũng có. Có cả thiên tài rạng ngời giá trị nhân văn và văn hóa.

**2. Danh nhân văn hóa nhân loại Nguyễn Du là kết tinh đỉnh cao giá trị văn hóa- văn học- nghệ thuật và tư tưởng nhân đạo của quê hương, đất nước.** Cần phải lan tỏa hệ giá trị ấy bằng nền công nghiệp văn hóa. Vườn Văn hóa - Du lịch Nguyễn Du và Truyện Kiều mà Thành phố Hà Nội và quê hương Dân Hòa đã và đang tính tới là nằm trong kế hoạch tổng thể to lớn và hiệu quả đó.





a) Theo Cơ quan văn hóa, truyền thông và thể thao nước Anh thì: “*Công nghiệp văn hóa là các ngành công nghiệp sử dụng các sáng tạo, kỹ năng và trí tuệ nguyên gốc của các cá nhân, có tiềm năng tạo ra của cải vật chất dưới dạng hàng hóa có hàm lượng trí tuệ cao và tạo ra công ăn việc làm cho nhiều thế hệ*”. Đó “*là sự kết hợp giữa sáng tạo, sản xuất và khai thác các nội dung có bản chất phi vật thể và văn hóa, tạo thành các sản phẩm văn hóa, được bảo vệ bởi luật bản quyền*”(UNESCO).

b) Việt Nam có nhiều tiềm năng để trở thành một nền kinh tế có ngành công nghiệp văn hóa phát triển. Vùng miền nào, địa phương nào cũng có thể tạo ra những sản phẩm văn hóa có hàm lượng trí tuệ cao, có bản sắc độc đáo, có thể cạnh tranh trong khu vực Đông Nam Á và vươn ra toàn cầu.

Nhận thức được điều đó, Chính phủ Việt Nam đã sớm có Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt và xác định 12 ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, gồm: Quảng cáo, Kiến trúc, Phần mềm và các trò chơi giải trí; Thủ công mỹ nghệ; Thiết kế; Điện ảnh; Xuất bản; Thời trang; Nghệ thuật biểu diễn; Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; Truyền hình và phát thanh; Du lịch văn hóa.

Trong xu thế hội nhập sâu rộng và phát triển mạnh mẽ của thế giới, nhiều tiềm năng để xây dựng nền công nghiệp văn hóa ở nước ta đang chờ đánh thức và khai thác triệt để. Chúng ta cần phát huy sức mạnh mềm của văn hóa, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới. Nhiều địa phương trên đất nước ta đã kiên trì đầu tư và phát triển công cuộc này và bước đầu đã thu được nhiều kết quả về kinh tế-văn hóa và bài học kinh nghiệm...

c) Chúng tôi được biết, quyết tâm cao của lãnh đạo TP Hà Nội, lãnh đạo Hội Kiều học VN, lãnh đạo xã Dân Hòa, Chi hội Kiều học HN và Hội đồng dòng họ Nguyễn Tiên Điền, đều hướng tới việc coi Nguyễn Du và sự nghiệp trước tác của Người là một thực thể văn hóa, là vốn liếng tiềm năng, để xây dựng những giá trị công nghiệp văn hóa. Công cuộc này vừa phát huy sức mạnh lan tỏa hệ giá trị tư tưởng và nghệ thuật của Nguyễn Du, vừa tạo ra của cải vật chất làm giàu cho quê hương đất nước và công ăn việc làm bền vững cho các thế hệ (như định hướng và định nghĩa về công nghiệp văn hóa của UNESCO).

Chúng ta phải làm sao đó để Công viên văn hóa - Du lịch Nguyễn Du và Truyện Kiều trên quê hương Dân Hòa, của TP Hà Nội thực sự là một hình mẫu và phát huy hiệu quả toàn diện. Nơi đây phải thật sự là một không gian Nguyễn Du và Truyện Kiều, lưu giữ và tái hiện lại một cách sống động những gì đẹp nhất và quý giá nhất từ cuộc đời và tác phẩm của thiên tài, để người ta thăm thú, thưởng thức, sáng tạo... Và như thế, công viên văn hóa-du lịch sẽ đem đến cho cuộc sống con người những nguồn lợi to lớn bất ngờ, không chỉ về tinh thần mà còn có cả về vật chất...

Nhưng đó lại là công việc của các chuyên gia chuyên sâu. Tôi thật sự chưa dám lạm bàn.

Tháng 11. 2025

1.2: PGS.TS Nguyễn Trung Văn và CN Nguyễn Minh Tuấn (Tài liệu đã dẫn trong bài).





## **THƠ LỤC BÁT VỀ NGUYỄN DU - TRUYỆN KIỀU VÀ LỜI BÌNH**

**NHỚ NGUYỄN DU**

*Nguyễn Thị Lai*

*Tiên Điền bát ngát trời mây  
Mà sao nước mắt rơi đầy trang thơ ?  
Truyện Kiều - tâm khảm Nguyễn Du  
Hai trăm năm lẻ mãi ru lòng người.*

*Một đời trong sạch thanh liêm.  
Một đời gửi gắm nỗi niềm yêu dân.  
Xót thương bao cảnh phong trần  
Tổ Như nhỏ lệ thương thân nàng Kiều.*

*Xót xa “mặt nước cánh bèo”  
Mười lăm năm chịu biết bao đoạ đầy.  
Duyên tình đứt gánh, tan mây  
“Sắc tài chi lắm cho trời đất ghen” ?*

*Mới hay sức mạnh đồng tiền  
Bao lần “đôi trắng thay đen” cũng đành !  
Bao phen lên thác xuống ghềnh  
Cũng rằng chỉ biết kêu lên “tại trời”!*

*Nhưng nay đã khác xưa rồi !  
Bao “nàng Kiều” đã xây đời ấm no.  
Đấu tranh giành lấy tự do  
Kiếm tìm hạnh phúc chẳng lo “số trời”?*



*Thương thay cũng một kiếp người  
Sống trong trời đất, “thế thời” phải theo !  
Trách chi “mặt nước cánh bèo”?  
Ngày đêm khắc khoải nỗi đau nhân tình !*

*Ngàn năm một sắc trời xanh  
Truyện Kiều còn mãi trong lành mẹ ru.  
Nỗi lòng trong vắt trời thu  
Muôn sau còn nhớ Nguyễn Du  
đời đời ...*

## LỜI BÌNH CỦA KHÁNH THUY

Trong dịp kỉ niệm 260 năm ngày sinh Danh nhân văn hóa thế giới-Đại thi hào Nguyễn Du (1765-2025) và nhân dịp Lễ kiện toàn Chi hội Kiều học thơ lục bát Bích Câu (Hà Nội), Nguyễn Thị Lai đã tặng bạn đọc một món quà tinh thần thật quý.

Bài thơ “Nhớ Nguyễn Du” của chị có 7 khổ. Mỗi khổ 4 dòng đều đặn. 28 dòng lục bát khá chẵn chu về niêm luật, vần điệu và gắn kết với nhau bởi một mạch cảm xúc: tưởng nhớ Đại thi hào Tố Như, luôn trĩu nặng lòng nhân ái, vị tha: “Một đời gửi gắm nỗi niềm yêu dân”. Mạch cảm xúc ấy, khiến cho bài thơ có một bố cục chia làm 2 phần không trùng lặp và một kết cấu hay, làm nên chính thể nghệ thuật vẹn ý tình, sáng đẹp hình ảnh...

Theo đó, 4 khổ thơ đầu như nén tâm hương, tưởng nhớ Danh nhân - Đại thi hào và nhất là thương nhớ, đồng cảm, chia sẻ với “đứa con đẻ tinh thần”, mà Nguyễn Du đã hòa huyết lệ khắc tạc nên thân phận nàng Kiều. Nếu tập đại thành “Truyện Kiều”: “Hai trăm năm lẻ đến giờ vẹn nguyên”, thì hình tượng nàng Kiều vẫn là tấm gương oan khiên: “Sắc tài chi lắm cho trời đất ghen”. Chuỗi thương đau, tủi nhục đọa đầy; cuộc đời chưa thoát nạn nọ đã gặp phải nạn kia; những giày xéo, quăng quật, lãng nhục mà Kiều nếm trải, đã là bản cáo trạng đánh thép cái xã hội vạn ác. Ngay cả sau này trong màn tái hợp, thì cái bóng ma xã hội vạn ác kia, vẫn như phủ lên những chấp chới của duyên lành, khiến nàng “*Không tu thì cũng như tu mới là*”, phải đem tình “*cầm sắt đổi sang cầm kì*”. Trong số những thể lục vạn ác ấy, nhà thơ Nguyễn Thị Lai đã kết tội rất đúng một thể lục tai quái và lũng đoạn. Nó không có chân tay mình mẩy, nhưng lại có 2 mặt. Khi cái mặt trái phát tác và chi phối, vận hành thể chế, thì sức mạnh khuynh đảo của nó thật kinh khủng và tởm lợm. Nó chính là Đồng tiền: “*Mới hay sức mạnh đồng tiền / Bao lần “đổi trắng thay đen” cũng đành!*”

Nguyễn Du có “con mắt nhìn thấu sáu cõi, có tấm lòng cảm suốt nghìn đời”, nên Người đã đúc kết và minh họa thật sinh động cái quy luật “Tài mệnh tương đố - Hồng nhan truân chuyên”. Thành ra, theo Nguyễn Thị Lai: “*Bao phen lên thác xuống ghềnh / Oán than chỉ biết kêu lên “tại trời”*”.

Nếu 4 khổ thơ đầu là niềm thương cảm, là tiếng kêu ai oán cùng với thi nhân xưa trước phận người, thì 3 khổ thơ cuối bài như mở ra một chương khúc mới, có hình ảnh, giai điệu và ý tứ tươi tắn, lạc quan hơn: “*Nhưng nay đã khác xưa rồi / Bao “nàng Kiều” đã xây đời ấm no / Đấu tranh giành lấy tự do / Kiếm tìm hạnh phúc, chẳng lo “số trời”.*”

Đúng là có một không gian sinh tồn mới, vận hội mới và phúc phận mới. Cách mạng đã làm cuộc đời để những thân kiếp nô lệ tự vùng lên, đấu tranh giải phóng xã hội và giải phóng chính mình. Họ đã thay thân đổi phận, làm chủ cuộc đời, chan hòa trong hạnh phúc, tự do và sống bằng giá trị đích thực của con người...

Nhưng cái bóng đêm trong “Truyện Kiều”, thân kiếp đời Kiều vẫn còn như một ám ảnh khôn nguôi, như lời nhắc nhở cho muôn mai. Vậy nên: “*Truyện Kiều còn mãi trong lòng mẹ ru / Nỗi lòng trong vắt trời Thu / Ngàn năm còn nhớ / Nguyễn Du / Đời đời...*”

Với đôi điều cảm nhận nêu trên, có thể nói “Nhớ Nguyễn Du” là một bài thơ đáng đọc và đọc để có những thấm ngấm. Cảm ơn nhà thơ Nguyễn Thị Lai đã có một bài thơ hay, đọng lại được dư âm trong lòng ta.

12.2025

## THANH MINH VỀ NGHI XUÂN

*Đỗ Nguyễn*

*Thanh minh về lại Nghi Xuân  
Cỏ non bồi rối bước chân người về  
Giấu trong gió thoảng lời thề  
Giọt hoa\* còn đọng trắng khuya tiếng đàn.*

*Tiên Điền năm ấy hợp - tan  
Áo mờ nắm cỏ “tro tàn giấy bay”\*\*  
Hồn ai lưu lạc bấy nay  
Để cho dòng lệ đắng cay khôn cùng*

*Quỳnh, Giao\* huyền ảo một vùng  
Thiên tài, quốc sắc giá đành gặp nhau?  
Vàng trắng ước, giấc chiêm bao  
Đã nhiều nước mắt cửa vào giai nhân.*

*Thanh minh thăm cỏ Nghi Xuân  
Ngất xanh như thể ngàn năm ẩn vào  
Mướt mà như mọi ước ao  
Xót thương mượn cỏ gửi vào tháng năm!*



*Giữa hoa vẫn dáng Kiều - Kim  
Tử sinh Từ Hải uy nghiêm tượng đài  
Vô thường, vãi Giác trong mây  
Hoạn Thư, mụ Tú chốn này nẻo kia.*

*Tiên Điền lưng lửng tám bia \*  
Tiếng đàn xưa ánh trăng khuya vẫn còn.*

Tiết Thanh minh 2020

## LỜI BÌNH CỦA TRẦN NGUYỄN THẠCH

Người khách ấy hơn một lần đã đến Nghi Xuân. Nay về lại giữa tiết thanh minh, “*cổ non bồi rối*” hay bước chân người bồi rối cũng không còn biết nữa. Cảnh và tình đã quyện bước chân người. Câu thơ “*gió thoảng*” mà lắng đọng tâm tình. Ý mở về phía xa xăm. Có giọt lệ hoa (người đẹp); có lời thề, có trăng khuya và có cả tiếng đà. Điệu thơ trữ tình tinh tế mà mệnh mang.

Hợp tan ấy là hợp tan nào? Cuộc đời Nguyễn Du và cuộc đời Kiều biết mấy hợp tan?! Tâm trạng bùi ngùi xót xa của nhà thơ cũng ẩn hiện trong cảnh “*Áo mờ nắm cỏ*” “*tro tàn gió bay*”. Kiều khóc thương Đạm Tiên. Người nay lại cùng Nguyễn Du khóc thương Kiều. Nét ngậm ngùi bi thương của giọt lệ hay của hồn người lưu lạc như thấm tận trái tim người. Phải thế chăng mà “*đắng cay khôn cùng*” đến vậy. Người làm thơ chọn lọc hình ảnh hòa cùng lời thơ và giọng điệu trữ tình tha thiết nên ý thơ bền chặt khiến cho tình thơ thêm nồng đượm. Sầu thương, xót xa mà không bị lụy.

Đỗ Nguyễn đã vận rất sát, rất khéo những cảnh những tình, những nhân vật trong tác phẩm Nguyễn Du. Ấn tượng của anh nghiêng về tình (cũng có khi lý sự ít nhiều?) Cuộc đời, hiện thực (và cả lịch sử nữa) không có “*giá đỡ*”, không có nếu như nào cả. Hết thấy là tất yếu, là tự nhiên mà thôi. Ở câu thơ “*Vàng trắng ước, giấc chiêm bao/ Đã nhiều nước mắt cửa vào giai nhân*”, tác giả gửi rất nhiều tâm tình, rất nhiều ý tưởng sâu xa, và ám ảnh nhất là nỗi đau dai dẳng “*cửa vào...*” cả tác giả bài thơ này.

Về lại Nghi Xuân chỉ để thăm cỏ thôi sao? Xem ra trong làng thơ không ít người viết về cỏ như một nét đẹp riêng của thiên nhiên, cảnh vật. Nhưng nghĩ thêm, cỏ không chỉ là sức sống, là cỏ xuân... Cỏ còn là thân phận (như “*cỏ nội hoa hèn*”...). Cho nên, ý thơ “*Xót thương mượn cỏ gửi vào tháng năm*” là chuyện của lòng người.

Mỗi nhân vật của Nguyễn Du, người ông yêu thương hết mực, người ông trân trọng ngợi ca hay kẻ ông căm ghét, ông phê phán... dưới ngòi bút đại tài của ông đều có sức sống phi thường, dài lâu. Đó là giá trị điển hình của hình tượng hay tính cách nhân vật mà ông đã xây dựng nên, sáng tạo nên. Đó cũng là cái đẹp. Ý thơ kết của Đỗ Nguyễn thấm đượm tinh thần ấy.

\* Bia mộ Nguyễn Tiên Điền ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

## ĐÊM HÀNH QUÂN QUA NGHI XUÂN NHỚ NGUYỄN DU

*Đinh Ngọc Đầu*

*Nghi Xuân dừng bước chốn này  
Hiu hiu gió thổi đâu đây hơi Người  
Tờ bồi mực chưa kịp phai  
Một vai chữ hiếu, một vai chữ tình*

*Vẳng nghe ai khóc chúng sinh  
Mà rừng núi cũng nặng tình yêu thương  
Mai đi vào chốn chiến trường  
Cảnh xưa người cũ vẫn vương bao tình*

*Lam giang uốn khúc lượn quanh  
Trăng đêm đã khuất sau màn Hông Sơn  
Tiên Điền quê ấy vẫn vương  
Vùi nông một nắm văn chương nào nề*

*“Lòng còn mang nặng lời thề  
Nát thân bỏ liễu đèn nghi Trúc Mai”  
Độc Kiều lắng hạt mưa rơi  
Biết bao giờ lại nổi lời nước non*

*Dù cho biển cạn non mòn  
Tầm kia kén nợ, hãy còn vương tơ.  
Rõ ràng đâu phải còn ngờ  
Ba trăm năm lẻ bây giờ là đây...*





## TRẢ CHỒNG CHO CHỊ

(Thay lời Thúy Vân)

**Đỗ Như Trác**

Gia đình gặp chuyện chẳng lành  
Đường cùng, chị quyết “bán mình chuộc cha” (\*)  
Trước ngày dứt áo bước ra  
Chị đem Kim Trọng để mà trối em

Tiếng rằng là chị trao duyên  
Thực lòng chị quyết “cậy em” (\*) giữ chồng  
Lòng em rồi tựa bông bong  
Không yêu mà phải đèo bông chị ơi !

Em đâu đã dám nhận lời  
Cầm lòng gánh chịu một đời ép duyên  
Những là chua chát muộn phiền  
Những là cam phận sống yên để chờ

Tháng năm gá nghĩa hững hờ  
Đồng sàng dị mộng, bến mơ đường trần  
Chữ rằng: duyên nợ, phận phận  
Em xin trả hết nợ nần chị giao

Thỏa người “rày ước mai ao” (\*)  
Mười lăm năm ấy biết bao nỗi đời...  
Đoàn viên nay mãi nguyện rồi  
Chấp tay em lạy, trả người năm nao

Xin thề trên có trời cao  
Với em người ấy làm sao là chồng...  
Tổ Như xin thấu cho cùng  
Để con giải hết nỗi lòng của con.

Tháng 6/2026

(\*) Chữ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du

## LỜI BÌNH CỦA ĐÔNG HOA LƯU

Là một nhân vật trong gia đình Kiều, trong xã hội Truyện Kiều, có vai trò và ý nghĩa đối với đời người chị “*Sắc đành đòi một, tài đành họa hai*”, nhưng Thúy Vân kiệm lời và chưa được nhiều người nhắc đến. Càng về sau này, nàng càng được đồng cảm chia sẻ. Đỗ Như Trác trong bài “*Trả chồng cho chị*” đã tiếp nối mạch thơ ấy.

Nhà thơ thương nàng trong khúc *trao duyên* và tình tế nhận ra trong cái thời khắc bất ngờ, hoàn toàn bị động ấy, *Vân đâu đã dám nhận lời / Cầm lòng gánh chịu một đời ép duyên*”. Vì thế, chẳng đường đời sau đó của nàng với chàng Kim là chuỗi tháng ngày “*gá nghĩa hững hờ / Đồng sàng dị mộng bến mơ đường trần*”. Ở góc độ này, Đỗ Như Trác đã khai thác triệt để và có cách nói mới không “*đụng hàng*” ai, khi diễn tả nỗi tủi hờn, xa xót tận đáy sâu tâm hồn Vân: “*Lòng em như mớ bông bong / Không yêu mà phải đèo bông chị ơi*”...

Đây là lý do để ngày đoàn viên, Thúy Vân chờ dịp ấy, “*Chấp tay em lạy, trả người năm nao*”. Bao nhiêu chất chứa, nhẩn nại lấp vùi, tưởng là đào sâu chôn chặt, nào ngờ hôm nay được dịp bùng phát giải bày. Và đúng như người xưa có nói, khi trong lòng có những uẩn khúc, càng cố giấu đi, nhưng vẫn bật ra thành lời, thì sẽ có thơ hay. Đỗ Như Trác như nhập thân vào nhân vật, sáng tạo nên câu thơ hay, tưởng là xé nát ruột gan, xé tan bức màn sự thật, mà bấy chầy phải nín lặng: “*Xin thế trên có trời cao / Với em người ấy làm sao là chồng*”... Lý do thế nào, tôi nghĩ nhà thơ đã dừng đúng lúc, để tạo nên những *mạch ngầm* văn bản cho bạn đọc thông thái.

## TRĂNG ĐÊM XÓT PHẬN NÀNG KIỀU

*Đào Thu Thủy*

*Đêm qua trăng gió trở mình  
Để con sông nhỏ nặng tình buồn thiu  
Thương là thương biết bao nhiêu  
Kiều nhi xa vắng những chiều bơ vơ!  
Xót nàng xót cả văn thơ  
Dòng hay lỗi nhịp ý chờ niềm đau  
Thương nàng một kiếp bể dâu  
Đã từng vẹn lối một câu hẹn thề  
Đã từng mơ những sơn khê  
Dãi dầu nhật nguyệt vẫn về tình chung  
Đã từng khăng khít dải đồng  
Phải chi một vẻ phù dung nhạt nhòa!  
Thương nàng trót một mơ hoa  
Trăng non cánh mỏng chẳng là của nhau*



Bẽ bàng là một niềm đau  
Tin rằng đá - ngọc, vàng - thau giấu mình  
Khăng khăng giữ một chữ “tình”  
Tưởng lòng quân tử thương mình một hai  
Tưởng rằng đẹp dạ trong ngoài  
Rằng thanh cao với tuyết mai vẹn toàn  
Nào đâu lỗ nhịp cung đàn  
Tâm châu tình báu giờ tan vỡ rồi  
Phải đâu góc bể chân trời  
Mới là ai oán một đời hồng nhan  
Mới là đau xót tâm can  
Mới là ly biệt trái ngang một đời  
Dẫu rằng giáp mặt gặp lời  
Mà lỗ nhịp ý mà vui nhịp tình  
Thì thà khuất mặt cho xong  
Cho quên một kiếp tình không bến về  
Cho đoạn tuyệt một câu thề  
Muôn chung nghìn tứ dãi dề mà chi

Tâm tình trắng tuyết còn ghi!

(10/8/2015)

## LỜI BÌNH CỦA ĐỖ KHOA

“Đêm qua trăng gió trở mình,  
Để con sông nhỏ nặng tình buồn thiu”

Câu thơ mở đầu vừa mở ra thời gian không gian vũ trụ vừa mở ra nỗi lòng thi nhân. Thiên nhiên “trăng gió trở mình” không yên, còn lòng người thì “nặng tình buồn thiu”. Có một sự tương hợp giữa ngoại cảnh và tâm cảnh. Thời gian, không gian “Đêm” luôn là hoàn cảnh thích hợp cho con người đối diện đàm tâm, tự bạch, tự tình. Lại nhớ giai thoại kể: “Nguyễn Du viết Truyện Kiều suốt một đêm ròng. Khi ông ngẩng đầu lên, gác bút, trời đã rạng đông. Mái đầu ông bạc trắng như tơ”. Trong thơ chữ Hán, Nguyễn Du cũng cho người đọc tiếp nhận hình ảnh thi nhân bạc đầu sau những đêm “sầu đông càng lác càng đầy”.

Khi tác giả tỏ bày “Trắng đêm xót phận nàng Kiều”, tôi bỗng nhận ra có một sự tương hợp tự nhiên giữa tâm huyết, công lao tái tạo câu chuyện và con người Thúy Kiều của Nguyễn Du với tấm lòng thành đón nhận, nâng niu cảm thông chia sẻ cùng nhân vật và tác giả. Một bài thơ lục bát mà ý tứ, hình ảnh thơ được tổ chức sắp xếp khéo léo đủ sức

khơi gợi liên tưởng tới diễn biến sự việc, sự kiện đau lòng mà Thúy Kiều đã trải qua trong suốt 15 năm lưu lạc. Ta hãy cùng quan sát tác giả viết: “*Thương nàng một kiếp: Đã từng... Đã từng... Đã từng... Phải chi...*”. Rồi “*Thương nàng trót... mơ; Bẽ bàng*”. Tiếp theo là “*Khăng khăng... Tưởng... Tưởng... Nào ngờ...!; Phải đâu... Mới là... Mới là... Mới là.... Dẫu rằng... Mà lỡ... Thì là... Cho... Cho...*”

Cách tổ chức ý và biểu đạt như thế gợi trong cảm xúc người đọc hình ảnh lớp lớp sóng trào gởi lên nhau tới tấp xô bờ. Ý bồi thần ý, tất cả hướng tới một giải pháp đầy quyết đoán ở ba cặp lục bát cuối. Bao trùm lên tất cả là tình cảm xót thương, là sự đồng cảm sâu sắc của nhà giáo - nhà thơ Thu Thủy với Thúy Kiều. Hơn thế, ta còn cảm nhận qua ba cặp lục bát kết bài, tác giả Thu Thủy còn muốn gửi tới chúng ta một lời nhắn nhủ về tinh thần, thái độ nhân sinh thời hiện đại. Cảm ơn Thu Thủy nhiều!

## SÓNG TIỀN ĐƯỜNG

(Kỷ niệm 250 năm ngày sinh Nguyễn Du (1765-2015))

**Đoàn Minh Ngọc**

*Mở trang văn gặp sông Tiền  
Gió sông lạnh, thổi lộng miền đau thương!  
Thân gieo chạm sóng Tiền Đường  
Đâu còn đáng liễu mờ sương những chiều!  
Sóng đời xô ngã Thúy Kiều  
Sóng sông hóa kiếp một điều cả tin.  
Cánh bèo chìm nổi, nổi chìm  
Giang tay cứu nạn trái tim yêu người!  
Kiều ơi, lại sống, Kiều ơi!  
Thiên la địa võng cuộc đời về đâu?  
Hồn thơm ngát tỏa từ lâu  
Thiên nhiên tươi đẹp trên đầu dưới chân.  
Trăm năm trong cõi hồng trần  
Ngàn năm còn bóng Thúy Vân, Thúy Kiều.*

3.9.2015

## LỜI BÌNH CỦA ĐINH THIÊN HƯƠNG

Vương Thúy Kiều “*thông minh vốn sẵn tính trời*”. Nhưng giữa cuộc đời vạn ác, nàng chưa hết nạn nọ đã gặp phải nạn kia. Sau cái lần cả tin trước Hồ Tôn Hiến, Kiều lâm vào tình cảnh tủi nhục ê chề. Nàng chọn cách quyên sinh, gieo thân xuống dòng Tiền Đường, “*Thôi thì một thác cho rồi/ Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông*”...



“Sóng Tiền Đường” của nhà thơ Đoàn Minh Ngọc (ông vốn là bậc trưởng lão của giáo giới văn chương thành phố Cảng) đã nhanh nhạy chọn ngay lấy cái “thời điểm có vấn đề” ấy, để khơi nguồn thi hứng, cho những vần thơ thật hay, như lời bình đích đáng. Ở đây có một không gian nghệ thuật đầy ám ảnh, thực đấy mà ma mị, rất Liêu Trai “*Gió sóng lạnh, thổi lộng miền đau thương/ Thân gieo chạm sóng Tiền Đường/ Đâu còn dáng liễu mờ sương những chiều!*”

Nhà thơ có một cặp lục bát có thể nói tuyệt vời, bình luận bằng tất cả lòng thương cho một kiếp người và bày tỏ sự trách giận, cảnh giới cần thiết bởi sự cả tin dẫn đến tan hoang, đổ vỡ cả cơ đồ: “*Sóng đời xô ngã Thúy Kiều/ Sóng sóng hóa kiếp một điều cả tin*”...

Viết được như thế, cái gốc của bút lực là sự từng trải, chiêm nghiệm cao sâu và tài hoa ngôn từ. Ngẫm thú vị lắm thay!

DTH

## TIÊN ĐIỀN

*Mai Văn Hoan*

*Nhà đâu dưới bóng tre này  
Từng che mưa nắng những ngày hàn vi?  
Lối nào người vẫn thường đi?  
Bình nào người rót từng ly rượu buồn?  
Bến nào người đứng chiều hôm  
Ngồi trông theo những “cánh buồm xa xa”?  
Nguồn nào “ngọn nước mới sa  
Hoa trôi man mác biết là về đâu?”  
Tóc bay trắng cả mái đầu  
Bông hoa lau cũng trắng màu biệt ly...*

*Nghe vắng vắng tiếng từ quy  
Non Hồng sừng sững, uy nghi giữa trời*

*Dòng Lam con nước đầy vơi  
Vẫn còn in bóng một người... tha hương...*

## LỜI BÌNH CỦA KHÁNH PHÚ

Địa danh Tiên Điền trong thơ hậu thế nhắc về Nguyễn Du, không còn gì xa lạ nữa. Mai Văn Hoan cũng gặp ở đó những cảnh quê thân thuộc, gần gũi, gần bó: mái nhà núp dưới



bóng tre, lối nhỏ đi về, bên sông ngùi trông, ngóng đợi, nguồn nước, bông hoa lau và tiếng từ quy thắc thỏm canh trường... Một không gian và thời gian nghệ thuật; có cảnh vật, sắc màu và thanh âm nhuộm đầy cảm xúc, bởi những liên tưởng thú vị, bất ngờ.

Mỗi câu hỏi tu từ sau mỗi hình ảnh và những dòng thơ, vừa tạo lập trường liên tưởng về Tổ Như, nơi quê xưa chôn cũ - tưởng Người nên lại thấy Người về đây, vừa làm nên điệp khúc của nỗi lòng vút lên, nhấn nhá và day dứt. Nội bấy nhiêu thôi, đủ thấy nhà thơ đồng điệu, đồng cảm sâu sắc với đại thi hào.

Điểm đỉnh của sự đồng tâm ấy là cặp lục bát đầy ám ảnh, gợi dư ba trong lòng người về những chất chứa ưu tư của kiếp người và nhân tình thế thái. Vì nó, đại thi hào đôi cả vóc dáng hình hài và nỗi buồn đau của Người như nhóm cả sơn khê: *“Tóc bay trắng cả mái đầu / Bông hoa lau cũng trắng màu biệt ly...”* Ai cũng biết trong Truyện Kiều, Nguyễn Du từng viết những khúc “thiên phú biệt ly”, buồn đau, cắt chia đến thiên thu vạn kiếp và qua thơ chữ Hán của Người, hình ảnh “mái đầu bạc”, cứ trở đi trở lại như một ám ảnh khôn khuây về những đêm thức thâu canh, bởi nỗi đau đời...



Sinh cang như đại như ngày...

Nguồn : Kim Vân Kiều translation by Lê Xuân Thủy, 1963

Sưu tầm (Hội Kiều học Việt Nam,  
Truyện Kiều, Nguyễn Du, NXb Trẻ)



## CHÙM THƠ VỀ KIỀU

### TỨ TUYỆT VỀ KIỀU

*Đoàn Thị Thu Vân*

#### **Tổ Như**

*Ngọn bút tài hoa còn thắm mực,  
Nỗi lo nghìn thuở vẫn chưa nguôi.  
Đoạn trường tơ đứt sầu vương mãi,  
Vườn Thuý trắng thê lạnh lúa đôi.*

#### **Thuý Vân**

*Chị ơi, trả chị duyên này  
Mười lăm năm ấy chưa phai hương thê.  
Trăng xưa vẫn đợi người về,  
So tơ phím cũ, cận kề trúc mai.*

#### **Thuý Kiều**

*Trăng thê khuyết tự lâu rồi,  
Cánh hoa vườn Thuý dập vùi gió mưa.  
Lỗi thê, thẹn với tình xưa,  
Hăm hiu duyên phận xin chờ kiếp sau.*

Đ.T.T.V

## QUA SÔNG TIỀN ĐƯỜNG

*Lê Thu Yến*

*Mơ ước một đời được đến đây  
Tiền Đường vội vã phút chia tay  
Chiều thâm dần buông nghe giá buốt  
Bè lau xưa... hình như chốn này*

*Tơ liễu vô tình ngăn ngắt xanh  
Đâu biết sắc tài phận mỏng manh  
Ta đến nơi này nghe sóng hát  
Và ta cũng hát khúc độc hành*

*Nàng Kiều của Nguyễn Du xa xôi  
Sông Tiền Đường một thuở chưa vơi  
Cho người đến đây lòng day dứt  
Mượn bút hoa vẩy sóng ngang trời*

L.T.Y



## RU KIỀU

*La Mai Thi Gia*

Mẹ ru là ru con ngủ bằng câu Kiều này  
Mẹ ru là ru con ngủ bằng câu Kiều say  
Câu Kiều trước mộ Đạm Tiên  
Câu Kiều bên sông Tiền Đường  
Câu Kiều về ngày đoàn viên  
Gặp nhau trùng phùng

“Sống làm vợ khắp người ta”  
Hại thay...  
Hại thay khi phai má đào  
Hại thay khi râu tóc xanh  
Lấy ai nghe lời Kiều ru...  
Bao giờ đời Kiều được ru  
ầu là ầu ơ

Kiều ơi có mơ về một hình hài bé thơ  
“hoa ghen thua thắm”  
“liều hồn kém xanh”  
Lung linh nhan sắc diễm kiều  
Đến giữa đời này từ một tình yêu

Ai người “phượng chạ loan chung”  
Ai người “tích lục tham hồng”  
Ai người tặng Kiều lời ru  
Ru con dịu dàng

Ru đời một kiếp hồng nhan  
Ru cho xác thân bẽ bàng  
Ru giùm Kiều một ước mơ  
Một lần được hát ầu ơ  
ầu là ầu ơ

Mẹ ru là ru con ngủ từ nghìn câu thơ  
Mẹ ru là ru trái chín bên đời mộng mơ  
Mẹ ru con  
mẹ ru Kiều  
Mẹ ru người một đời yêu  
... lỡ làng!

L.M.T.G



## **“TRUYỆN KIỀU TÂN KHẢO” 4 TẬP - CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU, DỊCH THUẬT ĐỒ SỘ, CÔNG PHU, THÚ VỊ CỦA MỘT BÁC SĨ VIỆT Ở HOA KỲ**

PGS. TS ĐOÀN LÊ GIANG

**B**S. Trần Văn Nghĩa xuất phát từ đề thi hội trung học hỏi về Truyện Kiều, mà trở thành một món nợ tinh thần, đến khi công việc thường nhật về y khoa ngại tay, ông mới quyết định phải trả. Đó vừa là sở thích, sở trường, vừa cho thấy phong cách trí thức đa tài, uyên bác lớp trước.

Ông đã dành hàng chục năm cùng với sự giúp đỡ của bạn bè mình mỗi khi đi Trung Quốc, tìm thêm tư liệu, chụp thêm ảnh để hoàn chỉnh công trình. Có thể coi bộ sách như một công trình tập thể mà chủ biên là BS. Trần Văn Nghĩa, với sự góp sức của BS Thạch Nguyễn và những người khác.

Bốn ưu điểm nổi bật của công trình:

- Tính công phu: 4 tập, hơn 2000 trang, rất đồ sộ. Học giả Đào Duy Anh, Nguyễn Thạch Giang chỉ làm riêng về Truyện Kiều, thơ chữ Hán Nguyễn Du; TS Tiến sĩ Charles Benoit (Lê Văn Nam) chỉ làm riêng về Diễn tiến câu chuyện Vương Thúy Kiều; nhà Hán học Nguyễn Đức Vân, học giả Tô Nam Nguyễn Đình Diệm chỉ dịch riêng Kim Vân Kiều truyện... nhưng BS. Trần Văn Nghĩa làm tất cả các công việc ấy. Tất nhiên nhờ làm sau, nên kế thừa người đi trước rất nhiều.

- Tính nghiêm cẩn và mới mẻ về tư liệu. Các tư liệu đều có trong tay: tư liệu liên quan đến *Kim Vân Kiều truyện*, tư liệu về con đường đi sứ của Nguyễn Du, tư liệu liên quan đến Truyện Kiều. Các tư liệu được cập nhật hóa rất đầy đủ.

- Tính uyên bác và tài hoa. Cả 4 tập đều bộc lộ tính uyên bác về kiến thức, tài hoa trong phê bình và dịch thuật. Cả công trình đều thu hút, từ đầu đến cuối.

Bao trùm lên tất cả là lòng yêu thích và tự hào về văn hóa nước nhà. Lật giở công trình trên tay, chúng tôi trào dâng niềm say mê và cảm phục về một bác sĩ xa quê hương nhưng đã dành bao tâm huyết để nghiên cứu và phổ biến tinh hoa văn hóa Việt cho đồng bào mình ở trong nước cũng như nước ngoài, và cả cho những người nước ngoài quan tâm đến văn hóa Việt Nam.





### 1) Quyển thứ nhất

Truyện Kiều tân khảo - tập I

TRUYỆN KIỀU TRƯỚC THANH TÂM TÀI NHÂN VÀ SAU NGUYỄN DU

Việt dịch: BS. Trần Văn Nghĩa

Đây là quyển sách dịch những tác phẩm có trước Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, được coi như tiền thân của Kim Vân Kiều truyện, bao gồm:

- Truyện Vương Thúy Kiều của Mao Khôn (hoàn thành thời Gia Tĩnh, triều Minh). Mao Khôn được cho là đã theo Hồ Tôn Hiến bình định cuộc khởi nghĩa của Từ Hải.
- Truyện Vương Thúy Kiều của Từ Học Mô, tập sách được coi là mở đầu cho loạt truyện viết về cuộc đời Thúy Kiều, nhưng thực ra chỉ là phiên bản từ sách của Mao Khôn nói trên
- Truyện Lý Thúy Kiều của Đái Sĩ Lâm
- Truyện Vương Thúy Kiều của Lục Nhân Long, tìm thấy ở Thư viện Quốc gia Seoul (Hàn Quốc) 1992
- Truyện Vương Thúy Kiều của Du Hoài.

Các truyện trên đã được các nhà nghiên cứu nhắc đến, nhưng chưa từng có tập sách nào dịch giới thiệu đầy đủ, toàn bộ. Đây là tập sách đầu tiên làm việc ấy. Sách rất có giá trị cho những ai quan tâm nghiên cứu và thưởng thức Truyện Kiều, vì nhờ đó mà người ta biết lai lịch Thúy Kiều, Từ Hải, và những sáng tạo của Nguyễn Du so với nguyên mẫu.

### 2) Quyển thứ hai

Truyện Kiều tân khảo - tập II: Việt dịch

KIM VÂN KIỀU của THANH TÂM TÀI NHÂN và KHẢO LUẬN

A. Trung Quốc tiểu thuyết sử lược (tổng thuật sách Trung Quốc tiểu thuyết sử lược của Lỗ Tấn)

B. Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Tên tác giả, Tiểu sử (Từ Vị), Thiên Hoa Tàng Chủ Nhân, Kim Vân Kiều truyện, các truyện Vương Thúy Kiều khác; Khảo về các nhân vật trong Kim Vân Kiều truyện, các bản tái bản Kim Vân Kiều: Quán Hoa Đường (chân/ ngụ), Khiếu Hoa Hiên, KVK ở Nhật, VN, Mỹ...; Giá trị KVK).

C. Dịch lại toàn bộ Kim Vân Kiều, có tham khảo nhiều bản khác, chứ không chỉ dựa vào KVK truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, đính ngoa các bài thơ trong tác phẩm.

Phần khảo luận rất có giá trị: Trước hết tác giả cho người đọc một cái nhìn toàn cảnh về sự phát triển của tiểu thuyết Trung Quốc, để từ đó có cái nhìn rõ hơn về Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Sau đó tác giả đi vào khảo cứu Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, từ tác giả, các tác giả bình chú có liên quan, các văn bản truyện về Vương Thúy Kiều khác cũng như các hình thức sân khấu từ tác phẩm này. Những kiến thức này không phải hoàn toàn mới, vì như tác giả công trình đã nói rõ: Phần lược sử tiểu thuyết Trung Quốc là tổng thuật từ sách của Lỗ Tấn, phần khảo luận về Kim Vân Kiều truyện có dựa vào luận án Tiến sĩ Diễn tiến câu chuyện Vương Thúy Kiều, vốn là luận án tiến sĩ

của Charles Benoit (Lê Văn Nam) trình ở ĐH Harvard 1981. Mặc dầu vậy công trình của BS Trần Văn Nghĩa không chỉ là tổng thuật, mà ông làm như một nhà nghiên cứu chuyên nghiệp: gần như ông đã cố gắng sưu tầm các tài liệu gốc, gần như có tất cả trong tay, chứ không nói dựa, đồng thời có chủ kiến riêng. Ví dụ như ông cho rằng Kim Vân Kiều truyện được Quán Hoa Đường (Kim Thánh Thán) bình luận là có thật chứ không phải ngụ thư, Thiên Hoa Tàng Chủ Nhân có thể chính là Thanh Tâm Tài Nhân...

Phần có đóng góp nổi bật nhất của tập này là ông đã tiến hành dịch lại toàn bộ Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân dựa trên văn bản khả tín hơn là bản của Thư viện Viễn Đông Bác Cổ (nay thuộc Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm). Mặc dù trước nay đã có mấy bản dịch truyện này mà nổi bật nhất là bản dịch của Nguyễn Duy Ngung (trước 1945 ở HN), Nguyễn Đức Vân (sau 1960 ở miền Bắc), Tô Nam Nguyễn Đình Diệm (trước 1975 ở SG), nhưng các bản này đều chỉ dựa vào bản Viện Viễn Đông Bác Cổ, mà bản này thì vừa tóm tắt, vừa sai lầm khá nhiều. Bản dịch của BS Trần Văn Nghĩa công phu, nghiêm cẩn, nhưng cũng rất tài hoa, rất có giá trị đối với người thưởng thức và nghiên cứu.

### 3) Quyển thứ ba

Truyện Kiều tân khảo - tập III

HÁN DỊCH TÁC PHẨM NGUYỄN DU TOÀN TẬP

Hán dịch: BS. Trần Văn Nghĩa

Truyện Kiều đã dịch ra 21 thứ tiếng với hơn 80 bản dịch. Đây là tác phẩm được dịch ra với số phiên bản kỷ lục. Truyện Kiều cũng được dịch ra Trung văn và cổ Hán ngữ, tổng cộng đã có 13 bản dịch khác nhau. Bản dịch của BS. Trần Văn Nghĩa là bản dịch thứ 14. Đây là bản dịch của người Việt Nam thông thuộc cả hai thứ tiếng Việt và Hán. Bản dịch giàu chất thơ, tài hoa, uyên bác, thực là một bản dịch hay, có giá trị nghệ thuật và học thuật cao.

### 4) Quyển thứ tư

Truyện Kiều tân khảo - tập IV

VIỆT DỊCH THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN DU TOÀN TẬP

Việt dịch: BS. Trần Văn Nghĩa

Đây là công trình dịch thơ chữ Hán Nguyễn Du. Công trình khảo cứu tỉ mỉ đường đi của sứ bộ Nguyễn Du. Bài thơ nào cũng có minh họa, hoặc phong cảnh thành phố, tượng đài, danh lam thắng cảnh, hoặc bản đồ. Khiến cho người đọc như hình dung ra con đường sứ bộ rõ rờ trước mắt. Bản dịch công phu, chính xác, chú thích đầy đủ, dịch thơ tài tứ, hào mại. Thật là một tập dịch thơ chữ Hán Nguyễn Du có giá trị.

### Kết luận:

Cảm nhận được giá trị của bộ sách, Hội Kiều học Việt Nam rất muốn có 1 bộ, Bảo tàng Nguyễn Du cũng vậy. Tôi có thể kết nối BS Trần Văn Nghĩa, nhóm biên soạn, với 2 tổ chức trên. Hoặc tôi có thể thay mặt tiếp nhận tiếp nhận, nếu điều kiện không cho phép.

## BÓI KIỀU ĐÂU CHỈ NGÀY XƯA

Đại tá, Nhà thơ VƯƠNG TRỌNG

Bói Kiều là một hiện tượng sinh hoạt “văn hoá - tâm linh” vô cùng kỳ lạ ở nước ta, và tin chắc rằng trên thế giới khó tìm được một tác phẩm văn học nào có được hiện tượng đó, khi người ta dùng từng câu, từng dòng để đoán về tương lai, vận mệnh của con người. Người phản đối thì coi đó là chuyện mê tín, người ủng hộ thì coi là chuyện tâm linh, mà đã là tâm linh thì không thể giải thích được bằng kiến thức khoa học thông thường. Mê tín, hay tâm linh? Điều đó tôi không có ý định phân giải trong bài viết ngắn ngủi này, mà chỉ muốn chuyển tới bạn đọc một số mẫu chuyện bói Kiều đã thu gom được.

Những người thích bói Kiều thường nhắc tới sự kỳ diệu của tác phẩm này, có những điều không thể giải thích nổi. Ví như câu thứ 1954 trong “*Truyện Kiều*” là “*Cẩn rằng bề một chữ đồng làm hai*”, ứng với năm 1954, hiệp định Giơ-ne-vơ giữa ta và Pháp ký kết, nước ta tạm thời phải chia đôi! Mặc dù câu thơ trên ở trong *Truyện Kiều* là lời của Thúc Sinh nói rằng mình đành phải đoạn tuyệt Thuý Kiều trong nỗi đau xót, nhưng nếu viết về nước ta đành phải chịu cảnh chia đôi vào năm 1954, thì khó có một câu thơ nào hay hơn “*Cẩn rằng bề một chữ đồng làm hai*”.

Từ yêu đến tin rồi tin ngưỡng *Truyện Kiều* như tín ngưỡng một loại tôn giáo, nhiều người tìm thấy ở tác phẩm này niềm an ủi, sẻ chia, và xa hơn, là dự báo trước những chuyện trong tương lai. Không ai nói được đích xác hiện tượng bói Kiều có từ khi nào, nhưng biết là có từ rất lâu, có lẽ ngay sau khi “*Truyện Kiều*” chiếm được niềm tin yêu của đông đảo bạn đọc. Trước Cách mạng tháng Tám khá lâu, chuyện bói Kiều đã phổ biến trong dân gian, và nhà văn Ngô Tất Tố đã đưa vào trong tiểu thuyết “*Lều chõng*”. Khi Vân Hạc đi thi, vợ là cô Ngọc muốn biết trước kết quả nên đã dùng “*Truyện Kiều*” để bói và được bốn câu:

*Bó thân về với triều đình  
Hàng thân lơ lảo, phận mình ra đâu  
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau  
Vào luôn, ra cúi công hầu mà chi?*

“Cứ trong ý tứ mà suy”, cô Ngọc biết chồng sẽ hỏng thi, nếu như đậu thì sẽ làm quan, là người của triều đình, trái với ý của bốn câu thơ trên. Vân Hạc học giỏi, khi thi hỏng, rất buồn, nhưng vợ không buồn và lựa lời an ủi chồng rằng chẳng qua vì cái số, đã được báo trước trong “*Truyện Kiều*”.

Nhà thơ Tế Hanh đã mê Kiều từ thời còn học sinh. Ông bảo rằng, muốn hiểu được cái hay của Truyện Kiều thì khi đọc cần thắp hương, để khói hương đưa người về cõi tâm linh thanh tịnh. Đã nhiều lần ông bói Kiều và cảm thấy rất nghiệm. Ông kể rằng, năm 1942, ông thi tú tài phần thứ nhất, lần đầu thi vào tháng 5, lần hai vào tháng 8. Lần đầu, sau khi đậu phần thi viết, bước vào thi vấn đáp ông bắt thăm được câu hỏi về Napoléon, ông trả lời lúng túng bị bà giáo người Pháp tên là Alada cho điểm thấp nên bị trượt. Trước khi thi lần hai, Tế Hanh bói Kiều, đúng hai câu:

*Khi nên trời cũng chiều người  
Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau.*

Ông rất mừng, nhưng vẫn chăm chỉ ôn tập vì nhớ tới lời nhắc nhở của Nguyễn Du là “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều”.

Lần thi ấy, sau khi đậu thi viết, vào phần vấn đáp, ông lại bắt được câu hỏi về Napoléon như lần thứ nhất. Do lần trước bị hỏng, về nhà, ông đọc lại thật kỹ lịch sử về Napoléon, nên lần này trả lời không những đầy đủ mà còn hết sức khúc chiết, được thầy giáo người Pháp Bourotts cho điểm rất cao. Thế là lần ấy ông đỗ, hoàn toàn ứng với câu “*Nhẹ nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau*”!

Nhiều khi bói Kiều được những câu dễ hiểu, nhưng có khi được những câu mới đọc qua chẳng thấy gì liên quan tới điều mình muốn biết, cần phải luận mới hiểu được nội dung. Cũng theo nhà thơ Tế Hanh, ông Phạm Liệu, thân sinh nhà thơ Phạm Hài, quê ở xã Trường Giang, huyện Diên Phước, Quảng Nam, từng làm Thượng thư dưới triều Nguyễn. Hồi con đi học, ông ra Huế dự kỳ thi hương. Trước lúc lên đường đi thi, ông bói Kiều, đúng hai câu:

*Dưới cờ gươm tuốt nắp ra  
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư.*

Kỳ thi ấy ông đỗ thủ khoa, ứng với *chính danh thủ phạm*. Kỳ diệu hơn nữa, về sau ông làm Thượng thư bộ Binh, ứng với *Dưới cờ gươm tuốt nắp ra*!

Trong hồi ký của Trần Trọng Kim có kể lại một chuyện liên quan tới bói Kiều. Năm 1944, vì sợ bọn Pháp bắt mất một số người tin cậy của mình, Nhật đã bố trí cho Trần Trọng Kim, Dương Bá Trạc, Trần Văn Ân, Đặng Văn Ký... “sơ tán” sang Singapore một thời gian. Khi các ông ở Singapore, do ăn uống quá kham khổ, thuốc thang không có, bệnh tật liên miên, nên ai cũng muốn trở về nước. Một hôm, Dương Bá Trạc nói với mọi người rằng sắp được về rồi, mọi người hỏi nguồn tin ở đâu, thì ông Trạc chỉ vào hai câu Kiều vừa bói được:

*Việc nhà đã tạm thông dong  
Tinh kỳ giục già đã mong độ về.*

Ông Kim cùng những người khác không tin, không ngờ ít hôm sau mọi người được về nước thật, chỉ trừ ông Dương Bá Trạc đã “về” theo nghĩa khác, vì ông mất ở Singapore!

Bà Minh Mị, năm nay đã 90 tuổi, với biệt danh *Hà Thành độc giả*, một người thuộc lòng Truyện Kiều từ nhỏ và cũng đã từng bói Kiều khi còn học sinh. Bà kể rằng, lần ấy sau khi thi xong, vì nóng lòng muốn biết kết quả nên đã bói Kiều. Kết quả được hai câu:



*Có cổ thụ, có sơn hồ*

*Cho nàng ra đồ giữ chùa, chép kinh.*

Bà không hiểu ý nghĩa ra sao, được thân sinh bà kết luận rằng bà sẽ đậu. Bà đọc hai câu thơ rồi hỏi lại: “Thế sau này con đi tu hử bố?”. Ông cụ cười và giải thích rằng: “Không phải thế! Trước khi bói, con đã khẩn xin để biết được kết quả kỳ thi này của con, nên không thể hiểu như vậy được, Trong “*Truyện Kiều*”, hai câu này nói rằng Hoạn Thư chấp nhận nguyện vọng của Thuý Kiều “*Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa không*”, thì ở đây người ta cũng chấp nhận nguyện vọng của con, tức là con đỗ thi”. Và đúng như vậy, kỳ thi đó bà trúng tuyển.

Sinh thời, nhà thơ Gia Ninh kể chuyện đi công tác cùng nhà thơ Xuân Diệu ở tỉnh Nghệ An trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Vì phương tiện giao thông không có, hai ông phải đi bộ liên tục nên xế chiều muốn dừng lại nghỉ ở một làng cạnh quốc lộ. Bà con người làng khuyên các ông nên đi thêm mấy cây số nữa lại nghỉ, vì ở đây máy bay Pháp thường bắn phá. Hai ông đang chần chừ chưa biết quyết định ra sao, thì Xuân Diệu mở túi dết, lấy “*Truyện Kiều*” ra bói, và được hai câu:

*Rạng ra gửi đến xuân Đường*

*Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia.*

Hai nhà thơ quyết định đi ngay vì ba chữ *thúc*, *vội giục*, đó là chưa kể chàng *ninh gia* là chàng *Gia Ninh* nói ngược. Đi được chừng ba bốn cây số ngoảnh lại thì thật hù vía: máy bay Pháp đang bắn phá ngôi làng hai nhà thơ định nghỉ lại. Xuân Diệu nói với Gia Ninh: “*Cô Kiều cứu chúng mình đấy!*”

Hồi tôi còn nhỏ, nghe kể chuyện ở quê có một học sinh học thật xuất sắc, trên đường đi thi bị chết đuối, mất tích, người ta nhấn tin về cho ông bố, nhưng để ông đỡ choáng, họ bảo rằng anh ta bị cảm hiện đang nằm ở trạm xá nọ. Khi nghe người đưa tin nói vậy, ông bố nói: “*Đừng giấu tôi nữa, thằng con tôi chết đuối rồi! Thôi, để tôi đi tìm xác con tôi*”. Sau khi thi thê kẻ xấu số đã được tìm thấy và chôn cất tử tế, người ta hỏi sao ông biết trước chuyện này, ông bảo rằng, khi con đi thi, ông bói Kiều và được hai câu:

*“Đành thân cát lấp, sóng vùi*

*Tiểu công cha mẹ, thiệt đời thông minh.”*

Và ông đã thốt lên: “*Thôi còn chi nữa mà mong/ Đời người thôi thế là xong một đời*”, nên sẵn sàng đón tin dữ.

Hồi phong trào sinh đẻ có kế hoạch mới được vận động, một ông chồng vốn nhà con một, vợ sinh hai lần được hai “*thị mẹ*”, đứa thứ hai đã đi học, thế mà không chữa đẻ gì thêm để cho ông hy vọng người “*nôi dãi tông đường*”, trong khi ông vẫn trẻ khỏe, vợ ông vẫn phây phây ra chứ đau ốm gì đâu. Vốn dòng nhà Nho, ông mê “*Truyện Kiều*” và thỉnh thoảng có bói Kiều, nhân đi vợ đi họp đại hội phụ nữ toàn xã, ông ở nhà tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo mới, thắp nén hương thơm và đem “*Truyện Kiều*” ra bói.



Ông ngồi xếp bằng, đối diện với bát hương, hai tay chắp lại, kẹp “*Truyện Kiều*” ở giữa và nâng lên khấn: “Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thuý Kiều...tên con là... năm nay...tuổi. Chúng con mới được hai mụn con gái, muốn có đứa con trai nối dõi tông đường, nhưng hơn mười năm nay, không hiểu sao vợ con không chữa đẻ gì cả. Cho con xin một quẻ để biết được nguyên nhân. Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thuý Kiều, hãy cho con bốn câu, từ câu thứ... trang bên phải.” Xong, ông mở ra đọc:

*Bây giờ tình mới tỏ tình  
Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai  
Chước đâu có chước lạ đời  
Người đâu mà lại có người tình ma.*

Khi luận được nội dung lời bói, mặt ông đỏ lên như gấc chín vì giận, nhưng vốn con nhà nho, đợi đến tối hôm đó, khi cơm nước xong xuôi, ông mới hỏi vợ:

- Bà trốn tôi đi đặt vòng từ khi nào?

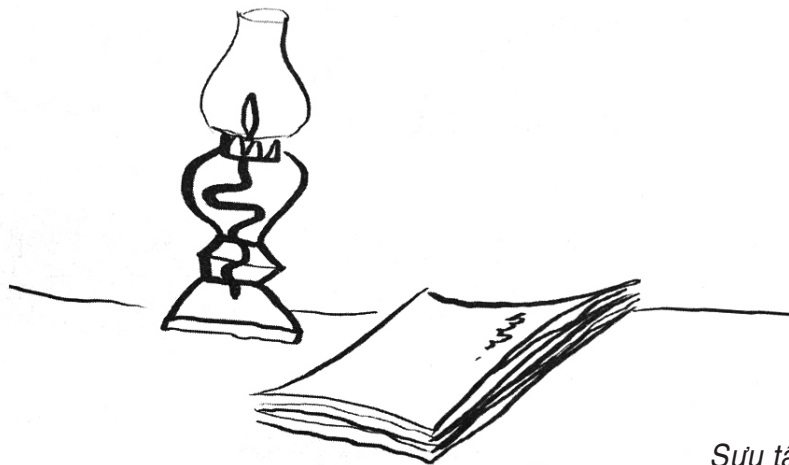
Bà vợ hết sức ngạc nhiên vì chuyện đó bà giấu ông và đã xảy ra ngót chục năm trời, sao ông nay ông mới động tới.

- Ba tưởng giấu được tôi mãi chẳng? Ba giấu nhưng “*Truyện Kiều*” mách tôi. Bà đọc đi... Rồi ông gí bốn câu thơ trên vào sát mặt bà, sát đến nỗi bà phải ngửa người lùi ra mới đọc được. Bà chả hiểu gì ý nghĩa, ông giải thích:

- “Thôi thôi đã *mắc vào vành chẳng sai*”, nghĩa là bà đã đặt vòng, có nơi gọi vòng là vành, phải không? Đặt vòng là cái “chước lạ đời”, bà giấu tôi để làm việc đó “là người tình ma”, bà hiểu chưa?

Bà vợ không nói lại một câu nào, chỉ trầm nghĩ, không ngờ trong quyển “*Truyện Kiều*” hàng ngày ông vẫn đọc lại chứa đựng những khả năng kỳ diệu như thế?

Không hiểu những chuyện bói Kiều tôi vừa thu gom được, độ tin cậy đến đâu?



Sưu tầm



## ĐẶT DẤU CÂU CHO “TRUYỆN KIỀU”

Bài đăng trên Báo Thời Nay (Phiên bản Báo Nhân Dân)

HOÀNG HOA

Biên tập viên Báo Nhân Dân

Việc đánh dấu câu cho “Truyện Kiều” nghe qua tưởng đơn giản và không cần thiết. Nhưng với mục đích “phổ thông hóa”, lan tỏa sâu rộng kiệt tác của đại thi hào Nguyễn Du vào công chúng hôm nay, nhất là thế hệ bạn đọc mới, thì dự định này lại gọi ra những hướng đi khả quan.

### Một “lịch sử thêm dấu” cho kiệt tác

Với đặc thù văn bản Hán Nôm xưa thì theo nhận xét của các chuyên gia: Không có dấu hiệu cho thấy các cụ sử dụng các loại dấu câu khi viết chữ cũng như khắc gỗ để in. Kiểu như dấu chấm (.), phẩy (,), chấm phẩy (;), dấu hỏi (?), chấm than (!)... như trong chữ quốc ngữ sau này. Nhiều bản khắc, chép lại “Truyện Kiều” của người xưa cũng là những câu thơ nối nhau liền mạch, không ngắt nghỉ. Đặc biệt cho đến nay, như một lẽ đương nhiên theo chiều dài thời gian cùng với hệ quả của hạn chế có tính lịch sử trong lưu trữ, chưa phát hiện và thật khó có thể phát hiện được bản gốc “Truyện Kiều”, hay bản viết tay tác phẩm này của chính đại thi hào Nguyễn Du.

Những lý do từ lịch sử đó, cộng với sự lan tỏa rộng rãi chữ quốc ngữ trong đời sống xuất bản, giảng dạy, học tập của Việt Nam trong thế kỷ 20, đã dẫn tới một quá trình mới thú vị. Có thể coi đó là một “lịch sử đánh dấu câu” cho “Truyện Kiều”. Theo sự tóm lược của nhà nghiên cứu Trần Đình Tuấn, Phó Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam, năm 1911, bản “Kim Vân Kiều truyện” của cụ Trương Vĩnh Ký thể hiện mỗi cặp lục bát là một chỉnh thể khi viết hoa đầu câu 6 và không viết hoa đầu câu 8. Thí dụ: “Trải qua một cuộc bể dâu, / Những điều trông thấy đã đau-đớn lòng!”. Đến bản “Kim Vân Kiều” của cụ Nguyễn Văn Vĩnh năm 1913 thì lại viết hoa cả hai, như: “Lạ gì: Bỉ sắc, tư phong,/Giời xanh quen mấy má hồng đánh ghen.”.

Và không dừng ở chữ hoa, chữ thường, từ các học giả có nhiều công lao thời ấy cho đến nhiều học giả, chuyên gia sau này, cho đến gần đây, khi soạn, nghiên cứu, chú thích, xuất bản “Truyện Kiều”, đã cho ra nhiều bản Kiều với những cách dùng dấu khác nhau. Có những bản đặt dấu chấm phẩy (;) cuối câu 8. Có những bản bỏ dấu phẩy trong các dòng thơ. Rồi lại có các bản Kiều Nôm phân đoạn như bản “Kim Vân Kiều hội bản” được ghi dấu trên bìa năm 1894 của Hoàng gia triều Nguyễn, hay bản quốc ngữ phân đoạn như “Truyện Thúy Kiều” của Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim in năm 1927...

## Làm sao để phục vụ tốt cho đại chúng

Viết hoa, đánh dấu, chia đoạn, thậm chí đặt cả tên đoạn... “giúp” cụ Nguyễn Du, ngẫm ra cũng là “nhiệt huyết đáng yêu” của “con cháu” theo cách đọc, cách hiểu và khát vọng lưu giữ Truyện Kiều - Tiếng Việt trong lòng người Việt. Tiếp nối nguyện vọng đó, với sự phối hợp của Hội Kiều học Việt Nam, Hội đồng Gia tộc họ Nguyễn Tiên Điền, Viện Nghiên cứu danh nhân, một cuộc trao đổi sôi nổi đã diễn ra trong tọa đàm khoa học “Tìm kiếm phương án tối ưu cho việc trình bày văn bản quốc ngữ Truyện Kiều”. Mục tiêu nhằm hướng tới hoàn chỉnh và có thể xuất bản một văn bản “Truyện Kiều” quốc ngữ thống nhất trên mặt bằng chung về chính tả và việc trình bày, ghi chú phân đoạn, giúp bạn đọc tiếp cận dễ hơn, hiểu rõ nội dung hơn.

Nhiều ý kiến đồng tình nhưng lưu ý cần nghiên cứu, tính toán, sắp xếp thật chặt chẽ, bảo đảm tốt nhất việc lan tỏa vào công chúng phổ thông. Và đó mới là công việc không đơn giản. Nhà thơ Vương Trọng thí dụ, trong “Truyện Kiều”, cụ Nguyễn Du có rất nhiều cặp tiểu đối tài tình. Có thể căn cứ vào các vị trí giữa các cụm từ trong tiểu đối, hoặc theo nhịp thơ để đặt dấu. Còn ở cuối các câu 6 thì không cần để dấu phẩy (,). Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Khôi (Phó Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam) đề nghị: Phải đánh dấu thật chuẩn; không nên tự bịa ra tên các chương, phần; và có sự kết nối phục vụ tốt cho xuất bản, in ấn trên các phương tiện đại chúng như sách, báo... PGS, TS Nguyễn Thanh Tùng (Khoa Ngữ văn - Trường đại học Sư phạm Hà Nội) thì nhấn mạnh, nên căn cứ theo quy chuẩn chính tả hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Còn TS Nguyễn Thị Thuận, nguyên giảng viên Trường đại học Hải Phòng thì lưu ý, nên quan tâm nhiều đến đối tượng học sinh và việc sử dụng tác phẩm trong nhà trường, bảo đảm cho các em đọc, hiểu thuận lợi.

## Và đem lại nhiều giá trị

Cũng có những lời nhắc cần cẩn trọng như của PGS, TS Trần Thị Băng Thanh, nguyên cán bộ Viện Văn học, bởi dấu nhiều quá cũng không cần lắm, bản thân bạn đọc khi xem các câu thơ cũng có thể hiểu được. Quan trọng là phải chọn bản in với nội dung thật tốt, thật chuẩn trong số không ít bản Kiều được sử dụng, nghiên cứu lâu nay, vốn không ít những chữ, từ khác nhau. Gần với quan điểm này, nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Bảo (Phó Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam) cho rằng, nhiều bản đều có những chỗ sai ở chữ này, chữ kia. Nên căn cứ trên một số bản Kiều “Liễu Văn Đường” vào các năm 1866, 1871...

Hoặc, có những ý kiến cho rằng, với một ấn bản “Truyện Kiều” phổ thông như mong ước, thì việc chú thích cần liệu lượng, đừng “xé vụn truyện ra”, có lời dẫn thật súc tích, dễ nắm bắt. Và xa, rộng hơn là câu chuyện sử dụng, lan tỏa ấn bản đó thế nào nhằm đóng góp vào các giá trị văn hóa, giáo dục, du lịch, kinh tế... Theo nhà nghiên cứu Trần Hữu Tài người sáng lập bảo tàng CSO Gallery tại Hội An (Đà Nẵng), nơi đang “đất khách” với việc lưu giữ, trưng bày hơn 20 nghìn vật phẩm liên quan đến “Truyện Kiều” và nhiều hiện vật độc đáo khác cho rằng, Việt Nam có Nguyễn Du được UNESCO tôn vinh là Danh nhân văn hóa thế giới. Có rất nhiều cách để kể những câu chuyện hay, tổ chức các sự kiện, hoạt động hấp dẫn liên quan đến “Truyện Kiều” dành cho các đối tượng công chúng khác nhau. Trong đó có các bạn trẻ, các nhà ngoại giao, nhiều đoàn du khách từ khắp nơi trên thế giới.



## TÔI ĐÃ HỌC VÀ THUỘC TRUYỆN KIỀU

NGUYỄN TRÍ TUỆ

Chủ tịch Hội Kiều học tỉnh Nghệ An

Tôi đã tham gia 3 cuộc thi về đọc thuộc *Truyện Kiều* (2 cuộc của Hội Nghệ An, 1 cuộc của Hội Kiều học VN). Để nhanh chóng đọc thuộc và hiểu một cách “bền vững” phục vụ những cuộc thi, tôi đã tìm phương pháp và cách học *Truyện Kiều* như sau:

### 1. Chọn một cuốn *Truyện Kiều* để học:

Tôi biết, từ ngày *Truyện Kiều* ra đời đến nay, *Truyện Kiều* nguyên gốc chưa được tìm thấy, nên có hàng chục dị bản. Để học, tôi không biết chọn quyển nào. Sau khi tham khảo một số bác có kinh nghiệm, tôi chọn cuốn “*Từ điển Truyện Kiều*” của Đào Duy Anh, do nhà Xuất bản Văn hóa Thông tin ấn hành năm 2000. Hiện nay tôi dùng cuốn *Truyện Kiều* của Ban Văn bản thuộc Hội Kiều học Việt Nam khảo đính và chú giải, Nhà Xuất bản Trẻ phát hành năm 2020.

### 2. Chia ra từng đoạn để học:

Do *Truyện Kiều* có đến 3.254 dòng, bằng thể thơ lục bát, âm điệu rất liên kết, có thể đọc ngược đọc xuôi, dễ bị lẫn lộn. Nếu không tách thành đoạn sẽ nhầm lẫn. Tôi chia ra 32 đoạn, mỗi đoạn 100 dòng và đóng thành 1 quyển vở nhỏ bỏ túi, ghi ra 2 câu đầu của mỗi đoạn và học thuộc từng đoạn.

### 3. Chia thứ tự theo nội dung để học. Tôi tạm chia ra 12 đoạn như sau:

- |                                               |                 |
|-----------------------------------------------|-----------------|
| 3.1. Kiều thăm mộ Đạm Tiên                    | (Câu 1-244)     |
| 3.2. Kiều gặp Kim Trọng                       | (Câu 245-572)   |
| 3.3. Kiều bán mình chuộc cha                  | (Câu 573-804)   |
| 3.4. Kiều rơi vào tay Tú Bà & Mã Giám Sinh    | (Câu 805-1056)  |
| 3.5. Kiều mắc lừa Sở Khanh                    | (Câu 1057-1274) |
| 3.6. Kiều gặp Thúc Sinh                       | (Câu 1275-1472) |
| 3.7. Kiều và Hoạn Thư                         | (Câu 1473-2028) |
| 3.8. Kiều gặp Từ Hải                          | (Câu 2029-2288) |
| 3.9. Kiều báo thù                             | (Câu 2289-2418) |
| 3.10. Từ Hải mắc lừa Hồ Tôn Hiến, Kiều tự vẫn | (Câu 2419-2738) |
| 3.11. Kim Trọng đi tìm Kiều                   | (Câu 2739-2972) |
| 3.12. Kiều - Kim Trọng đoàn tụ                | (Câu 2973-3254) |

#### 4. Học các đoạn tôi cho là trọng tâm như:

- Kiều 8 lần đánh đàn,
- Kiều 11 lần làm thơ,
- Kiều 7 lần nhớ nhà,
- Truyện Kiều có 5 giấc mơ,
- 7 chữ, 8 nghề, 9 chữ cù lao,
- Kiều 2 lần ăn cắp, 2 lần tự sát, 2 lần được lập bàn thờ cúng,
- Thời gian trong Truyện Kiều,
- 10 câu có “trăm năm”, 4 câu có “xăm xăm”, 5 câu có “lên”, 4 câu có “mười lăm năm”, 5 câu có chữ “rượu”...
- Các nhân vật chính trong Truyện Kiều theo tuyến chính diện và phản diện.

#### 5. Vừa học *Truyện Kiều* vừa tìm hiểu các điển tích, điển cố:

*Truyện Kiều* có 305 điển cố. Đây là một trong những đặc điểm của thi pháp văn học trung đại Việt Nam. Cho nên muốn hiểu ý tình của tác giả, không có cách nào khác, ngoài việc đọc hiểu các điển cố, điển tích. Tôi đã sưu tầm nhiều tài liệu, cập nhật từ nhiều nguồn, để hiểu các điển cố Nguyễn Du đã sử dụng.

#### 6. Hợp tác với Tiến sỹ Nguyễn Huy Việt để học:

Ông Nguyễn Huy Việt, quê ở xã Hưng Tân, Hưng Nguyên nhưng sống và làm việc ở nước Cộng hòa Séc. Tôi biết ông qua trang Website của Hội Kiều học Việt Nam, khi ông có liên tiếp 3 công trình nghiên cứu về *Truyện Kiều*: “Bảy mươi kỷ lục trong *Truyện Kiều*”, “200 câu hỏi, đố về Kiều” và “Lục bát Kiều đồng cốt”. Về sau ông là người duy nhất đạt giải “Đặc biệt xuất sắc” tại cuộc thi Bạn đọc thuộc Kiều toàn quốc do Hội Kiều học VN, Hội Nhà văn VN, Đài tiếng nói VN, UBND tỉnh Hà Tĩnh đồng tổ chức.

Tôi đã thông qua E-mail, Facebook và điện thoại để liên lạc với ông. Tôi đọc kỹ bài thứ nhất, trả lời bài thứ 2 gồm 200 câu hỏi ông đưa ra và tham gia giải đố 1 phần của bài thứ 3. Để động viên tôi, ông đã đặt giải thưởng khuyến khích.

Qua mỗi lần hợp tác với Tiến sỹ Huy Việt, tôi lại có cơ hội để củng cố thêm kiến thức về *Truyện Kiều*.

##### **Luôn tiếp cận *Truyện Kiều*:**

Với tôi, *Truyện Kiều* đã trở thành một phần của sự sống. Trong tất cả các phương tiện lưu trữ, *Truyện Kiều* và các công trình nghiên cứu về nó đều được tôi sưu tầm, sắp xếp ngăn nắp kỹ càng, “cần là có, mớ là thấy”.

Tôi đã thuộc 3.254 dòng thơ trong *Truyện Kiều*. Hỏi đến đoạn nào, tôi đọc được các đoạn đó.

Tôi mạnh dạn viết ra đây những dòng này, nhằm chia sẻ phương pháp học thuộc và lấy *Truyện Kiều* làm niềm vui trong cuộc sống. Bài viết còn có nhiều thiếu sót, mong các vị lượng thứ.





## NGƯỜI GIỮ LỬA PHONG TRÀO KIỀU HỌC XỨ NGHỆ

TRẦN CÔNG BỔNG

Ngày 12 tháng 11 năm 2008, tại một góc nhỏ dưới khu tập thể Quang Trung, thành phố Vinh, ba ông bạn già tuổi đã ngoài bảy mươi tình cờ ngồi lại bên nhau, uống ly cà phê sáng và hàn huyên chuyện văn chương. Đó là ông Trần Xuân Kinh - cựu sĩ quan quân đội; ông Trần Huy Cận - một thương gia và ông Nguyễn Quang Hoài - nguyên hiệu trưởng một trường trung học cơ sở tại thành phố Vinh. Trong ba người, ngày ấy chỉ duy nhất ông Quang Hoài là am hiểu sâu sắc về *Truyện Kiều*, còn hai người kia chủ yếu ngồi lắng nghe. Thế nhưng, chính những câu Kiều bất hủ, những số phận chìm nổi dưới ngòi bút thiên tài của Nguyễn Du đã đánh thức một niềm say mê mãnh liệt trong lòng các bạn già. Ít ai ngờ rằng cuộc gặp gỡ định mệnh bên quán nhỏ ngày hôm đó lại đặt nền móng cho một sinh hoạt văn hóa có sức lan tỏa rộng lớn sau này: **“Nhóm Truyện Kiều bên ly cà phê”** chính thức ra đời. Theo ông Kinh: “Truyện Kiều không thể chỉ nằm yên trên giá sách. Nó phải được đọc lên, được ngâm lên, được diễn lên, và phải sống trong lòng đời sống nhân dân”.

Suốt 5 năm đầu thành lập, trên cương vị trưởng nhóm, ông Trần Xuân Kinh đã dành trọn tâm huyết để kết nối, duy trì và phát triển phong trào. “Tiếng lành đồn xa”, người tìm đến Nhóm ngày một đông, từ những người tò mò, người muốn học hỏi cho đến những tri âm tri kỷ của các bậc văn chương. Thậm chí, ông chủ quán cà phê vì cảm mến cái tình của các cụ cũng tự nguyện dành riêng không gian và thời gian tốt nhất cho nhóm sinh hoạt. Từ một vài thành viên ban đầu, đến dịp kỷ niệm 9 năm thành lập, số hội viên tự nguyện đã tăng lên hơn 60 người, tạo nên một nền móng vững chắc cho sự phát triển của Hội Kiều học Nghệ An sau này.

Với riêng ông Trần Xuân Kinh, đây không đơn thuần là một cuộc dạo chơi văn nghệ mội mạc, mà là một hành trình tự học phi thường và khát vọng đưa di sản văn hoá dân tộc vào tìm hiểu, nghiên cứu nghiêm túc. Từ một người chưa hiểu nhiều về *Truyện Kiều*, về Đại thi hào Nguyễn Du, ông miệt mài đọc, tìm tòi tư liệu, say mê tranh biện cùng bè bạn. Càng đi sâu, ông càng phát hiện ra những tầng nghĩa thâm sâu, những giá trị nhân văn ẩn chứa trong từng nét bút của Đại thi hào Nguyễn Du để lại.

Từ chỗ lắng nghe, ông Trần Xuân Kinh dần thuộc lòng nhiều đoạn Kiều dài, trực tiếp viết nhiều bài nghiên cứu, có những tham luận sâu sắc, trở thành một gương mặt lý luận, tâm huyết của phong trào Kiều học Xứ Nghệ. Từ “Nhóm” cà phê nhỏ năm nào, trải qua các giai đoạn phát triển thành Chi hội, rồi Hội Kiều học Nghệ An ngày nay, dấu chân và bóng dáng cần mẫn của ông chưa bao giờ vắng mặt. Tại Đại hội lần thứ nhất Hội Kiều học Việt

Nam, ông Kinh làm trưởng đoàn cùng 3 thành viên: Nguyễn Kha Lộc, Nguyễn Xuân Bách, Nguyễn Văn Nhân ra tham dự. Ông có tham luận quan trọng về “Gìn giữ giá trị Văn hoá của Truyện Kiều” trước hàng trăm đại biểu; Ông dẫn đầu đoàn hội viên Kiều học Nghệ An đi tham dự hội thi “Độc thuộc Truyện Kiều” toàn quốc tại thủ đô. Đoàn bao giờ cũng đạt giải xuất sắc và có nhiều người được giải.

Hiện tại, dù ở tuổi xưa nay hiếm và đang là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Kiều học Nghệ An, ông vẫn chọn lối sống cống hiến thầm lặng, không phô trương nhưng luôn tiên phong trong mọi việc khó khăn của Hội. Ông đặc biệt trăn trở với công tác phát triển hội viên, đoàn kết giữa các hội viên, chăm lo đến cuộc sống từng người, không phân biệt thành phần xã hội hay địa giới hành chính. Dưới sự vận động của ông, đội ngũ trí thức, các nhà nghiên cứu, thầy cô giáo cho đến những người cựu chiến binh, những bác nông dân, công nhân lam lũ đều tìm thấy tiếng nói chung dưới mái nhà Kiều học Xứ Nghệ.

Không dừng lại ở trong lòng thành phố, ông lặn lội sang bên kia sông Lam để gieo mầm phong trào, và gần đây nhất đã vận động thành lập thành công Chi hội Kiều học Sông Hiếu tại Nghĩa Đàn, mở rộng không gian văn hóa Nguyễn Du lên vùng đất miền Tây Xứ Nghệ.

Đề đa dạng hóa hình thức sinh hoạt, ông tích cực thúc đẩy việc tập hợp các bài viết của hội viên, xuất bản nội san hàng năm; Tổ chức sáng tác “Ca khúc Kiều học” cho Hội; Thành lập “CLB Sân khấu hóa Truyện Kiều” để mang kiệt tác này đến gần hơn với công chúng. Cảm động hơn, ông còn tự nguyện nhường cả không gian nhà riêng của mình để làm nơi hội họp, tập luyện văn nghệ miễn phí cho hội.

Tinh thần cống hiến bền bỉ của người lính già Trần Xuân Kinh đã trở thành biểu tượng đẹp để được xã hội tôn vinh. Báo *Người cao tuổi* (2015), Báo *Nghệ An* (2018) cùng Đài truyền hình VTC (2012) đã liên tục có những bài viết, chương trình phóng sự để biểu dương tinh thần tận tụy của người hội viên Kiều học. Thế nhưng, đối với người đảng viên có 65 năm tuổi Đảng ấy, phần thưởng lớn nhất không phải là những tấm bằng khen hay những bài báo ca ngợi, mà là niềm vui khi nhìn thấy dòng chảy văn hóa của dân tộc ngày càng thấm sâu vào mạch ngầm tiếp nối - có nhiều người tham gia và đón đợi.



## TRUYỆN KIỀU VỚI NGƯỜI VIỆT Ở NƯỚC NGOÀI

Nhà nghiên cứu LÊ NGUYỄN HỢP

Theo thống kê của báo điện tử Chính phủ (chinhphu.vn), tính tới năm 2024, số người Việt ở nước ngoài (NVNONN) có khoảng 6,3 triệu người, trong đó ở Mỹ chiếm một số lượng lớn: 2,3 triệu người. Cộng đồng “NVNONN là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam” là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta.

Theo trang điện tử Tư vấn định cư toàn cầu Global, số lượng người Việt ở nước ngoài có khoảng 15-20% là người trên 60 tuổi và hơn 75% số người là ở độ tuổi dưới 40. Như vậy, số người sinh sau năm 1975 và đang ở nước ngoài có khoảng 4,5 triệu, hình thành từ rất nhiều nguồn: Thế hệ thứ 2, thứ 3 của những người di cư sau năm 1975; định cư ở nước ngoài sau khi du học hoặc xuất khẩu lao động; xuất khẩu lao động, du học sinh, kết hôn với người nước ngoài.

Dù có thể không đồng nhất với nhau về một số phương diện nhưng tuyệt đại đa số Việt kiều luôn gắn kết với quê hương, với quê cha đất tổ. Tâm hồn Việt, văn hoá Việt được NVNONN gìn giữ qua việc duy trì ngôn ngữ Việt (tiếng nói, chữ viết, văn thơ...), qua các món ăn quê hương (phở, bánh chưng...), qua phong tục, tập quán (các lễ, hội), qua trang phục dân tộc (áo dài, khăn rằn, áo bà ba, nón lá ...) và các hoạt động cộng đồng (dân vũ, dân ca các vùng miền). Ở khá nhiều gia đình, văn hoá Việt - đặc biệt là tiếng nói, chữ viết, các phong tục tiêu biểu và các lần về thăm quê hương bản quán vẫn được các thế hệ duy trì để giữ gìn bản sắc, cội nguồn.

Trong kho tàng văn hoá Việt thì *Truyện Kiều* của Đại thi hào Nguyễn Du là một kiệt tác, được nhân dân ta truyền tụng gần 300 năm nay. *Truyện Kiều* sử dụng thể thơ lục bát, giàu tính biểu cảm, gần với ca dao vừa mộc mạc, vừa bác học. Cùng với việc dùng hình ảnh, âm hưởng của ca dao Việt, *Truyện Kiều* còn sử dụng khá nhiều điển cố, điển tích của văn học Trung Hoa nhưng lời thơ trong *Truyện Kiều* trong sáng, đậm sâu tình cảm của người Việt nên đã khiến mọi người từ các người học cao biết rộng đến tầng lớp bình dân đều đọc, thuộc mà không quá câu nệ vào điển cố, điển tích. Tiếng Việt (qua hình thức chữ Nôm) trong *Truyện Kiều* đẹp, sáng, cao quý khiến nhà văn hoá Phạm Quỳnh khẳng định: “*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn”. *Truyện Kiều* hiện đã được dịch ra 21 ngôn ngữ khác trên thế giới (Pháp, Anh, Nga, Trung, Hàn, Tiệp, Ba Lan, Đức, Tây Ban Nha, Lào, Thái ...) với hơn 73 bản dịch khác nhau (trang Thông tin và truyền thông, ngày 01/10/2020 - Bộ Thông tin và truyền thông). Sớm nhất là bản dịch tiếng Pháp *Le Poème de Kieu* của Abel des Michels (năm 1884). Như vậy, *Truyện Kiều* bằng ngoại ngữ đã khá phổ biến. Tuy nhiên, sẽ có một số khó khăn khi muốn nhiều người trẻ, thật nhiều người trẻ ở nước ngoài tiếp nhận, đọc và thích.

Bây giờ được gọi là thời đại 4.0 / 5.0 với rất nhiều các phương tiện, các loại hình giải

trí để nhìn, nghe mà không cần nhiều tri thức để cảm thụ, để thấu hiểu. Vì vậy, cách phổ biến *Truyện Kiều* đến công chúng cũng phải đa dạng, phong phú về hình thức thể hiện. Không chỉ là bản in giấy mà cần phải thông qua các hình thức nghệ thuật khác (đã từng có nhưng mới chỉ có ở trong nước) như: Chèo, cải lương, tuồng, phim, hội hoạ... và các hình thức hát, đối dân gian khác đã có từ xưa ở Nghệ Tĩnh: Lầy Kiều, bói Kiều, đố Kiều ...

*Truyện Kiều*, với độ dài 3,254 câu lục bát, ở “thời đại sống nhanh” này sẽ rất khó khăn về thời gian cho một thanh niên hoặc trung niên trong độ tuổi đi làm ở nước ngoài nghiền ngẫm. Vì vậy rất cần nghiên cứu về cách thức thể hiện để xuất bản các trích đoạn hoặc các chương (phần) *Truyện Kiều*, tiện cho việc đọc, nghe, xem *Truyện Kiều* thông qua các bản in giấy, video, audio.

Mặc dù nói là “khá nhiều gia đình, tiếng nói, chữ viết vẫn được các thế hệ duy trì để giữ gìn bản sắc, cội nguồn” nhưng trong việc cảm thụ văn học thì lớp người trẻ tuổi vẫn gặp nhiều khó khăn. Một số bản dịch *Truyện Kiều* đã sử dụng song ngữ để người đọc hiểu kỹ hơn, rõ hơn, gần với nguyên tác hơn. Điều này càng cần phải duy trì để ngày càng có nhiều người, kể cả người bản địa, ham đọc *Truyện Kiều*.

Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết (không có nhiều ngôn ngữ trên thế giới là đơn âm). Vì thế dịch câu thơ trong *Truyện Kiều* ra các ngôn ngữ đa âm tiết khác là một khó khăn vô cùng lớn. Hơn nữa, *Truyện Kiều* được viết bằng thể thơ Lục Bát: Thể thơ truyền thống, độc đáo của riêng dân tộc Việt Nam. Câu lục (sáu âm tiết) và câu Bát (tám âm tiết) hợp thành một cặp câu thơ với quy tắc về niêm, luật, vần khá là chặt chẽ. Điều này làm cho việc chuyển ngữ rất khó khăn. Do vậy, các sản phẩm dịch *Truyện Kiều* cần chú trọng việc làm cho người đọc thấy được cái hay về nội dung truyện thơ cùng với cảm được cái tinh tế, tuyệt vời của truyện thơ.

Để đọc được, để thấy vẻ đẹp của *Truyện Kiều*, các sản phẩm về *Truyện Kiều* (toàn bộ hoặc từng phần) phải cho người đọc, người xem thấy được: *Truyện Kiều* không chỉ là một truyện thơ dài kể về cuộc đời truân chuyên của một người con gái, mà trên hết là một câu chuyện với những câu thơ hoàn mỹ, phản ánh đầy đủ mọi mặt trong cuộc sống của người Việt nói riêng và của con người nói chung: Là phong cảnh, tập tục, là tình cảm, tâm trạng, thái độ cư xử, là cách mượn cảnh tả tình ... Muốn vậy, trong từng sản phẩm, cùng với nguyên bản tiếng Việt và thơ dịch (chuyển ngữ) thì rất cần có phần chú thích, giải nghĩa, phê bình đoạn thơ, câu thơ một cách súc tích, ngắn gọn và theo một đường hướng nhất quán.

Và, điều quan trọng không thể thiếu là công tác tuyên truyền, quảng bá về *Truyện Kiều* và Nguyễn Du của ngành Văn hoá-Thông tin. Tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông trong nước, thông qua lượng việt kiều và khách du lịch ngoại quốc và thông qua hoạt động “Ngày thơ Nguyễn Du và *Truyện Kiều*” của các hội văn nghệ sĩ ở nước sở tại được các Tuỳ viên văn hoá Đại sứ quán Việt Nam tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

Người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam sẽ biết, sẽ yêu mến *Truyện Kiều* nếu việc tuyên truyền, quảng bá về *Truyện Kiều* và Nguyễn Du được thực hiện liên tục, đa dạng với tinh thần cao nhất trong bảo tồn và phát huy giá trị của một di sản phi vật thể là kiệt tác văn chương của một đại thi hào nước Việt./.



## Có thể bạn chưa biết

# TRUYỆN KIỀU ĐƯỢC DỊCH RA TIẾNG NƯỚC NGOÀI

### 1. Các bản Kiều dịch ra tiếng Pháp xuất bản trong nước

\*Bản Nguyễn Văn Vĩnh, in *Đông Dương tạp chí* (năm 1913), in thành sách (năm 1923 và năm 1942).

\*Bản René Crayssac (năm 1926).

\*Bản Marcel Robes (dịch văn xuôi năm 1941).

\*Bản E. Nordemann (chỉ dịch tóm tắt các tiểu mục tại Huế năm 1897).

\*Bản Nguyễn Khắc Viện (năm 1965).

### 2. Các bản dịch ra Hán văn

(chưa rõ thời gian và nơi in)

\* *Việt Nam nghị đoạn trường tân thanh* dịch thành Hán cổ thi của cư nhân Từ Nguyễn Mặc.

\* *Kim Vân Kiều Hán tự diễn âm ca* (dịch thơ lục bát chữ Hán) của Lê Đức.

### 3. Các bản dịch ra tiếng nước ngoài và in ở nước ngoài

Tiếng Pháp:

\*Bản của Abel des Michels (Trường sinh ngữ Phương Đông - Paris năm 1884).

\*Bản Thu Giang (Paris - năm 1915).

\*Bản Lêông Maxe (P. năm 1926).

\*Bản Xuân Việt Xuân Phúc (P. năm 1961).

\*Bản trích phỏng dịch của Jacquen Gaucheron và Pierre Gamara (tạp chí *Europe* số 7-8 P. năm 1961).

Tiếng Hoa:

\*Bản Hoàng Dật Cầu (giáo sư Trung Quốc, Quảng Châu, có Bùi Kỳ đề tựa). NXB Văn học Nhân dân, Bắc Kinh năm 1959.

Tiếng Nga:

\*Bản Xtarôbec (nhà thơ). Riptin và Niculin chú thích, in trong tập *Sống mãi*, in chung với *Văn chiêu hồn*, *Thác lời người con trai phường nón* và 16 bài thơ chữ Hán (NXB Văn nghệ Matxcova năm 1965). Âydolin giới thiệu trên tạp chí *Văn học nước ngoài*.



Tiếng Đức:

\*Bản của Irène và Francs, lấy tên là Nàng Kiều: *Das Maedchen Kieu*, các dịch giả đề tựa. Chủ tịch Quốc hội Đức, giáo sư tiến sĩ Jôhannes Kmann đề tặng. NXB Ruytin và Lonin - Berlin 1964. Hai dịch giả này phải bỏ ra bảy năm học tiếng Việt và cách chuyển ngữ.

Tiếng Tây Ban Nha (Cuba):

\*Bản trích dịch: Kỷ yếu *Anôversarios Culturoles Nguyễn Du* 11-1965 - xuất bản phẩm của *Phong trào Hòa bình và Bảo vệ chủ quyền dân tộc*. La Havana 1965.

Tiếng Tiệp (Séc):

\*Bản Antonin Hoockxi - phỏng dịch ra văn xuôi. Quyển thứ tám trong “*Tủ sách hay nên đọc*”, NXB Pôroc - Praha 1965.

Tiếng Hungari:

\*Bản trích dịch nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du in Budapest (1965).

\*Bản của Trương Đăng Dung - Tondoorri Doduê. Trương Đăng Dung dịch nghĩa Đoạn trường tân thanh chuyển thể, in kèm tranh khắc gỗ dân gian Việt Nam làm minh hoạ (Budapest, năm 1985).

Tiếng Ba Lan

\*Bản trích dịch nhân dịp kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du tại Vacxava năm 1965).

\*Bản của Roman Koniexxi, dịch ra văn xuôi dựa theo một bản tiếng Pháp. Tonieux Zilbi Kopxki giới thiệu. Vacxava tháng 3-1975.

Tiếng Ả Rập:

\*Bản của Apdenbola Maluvhy (nhà văn) - Tạp chí Văn học Xyri Damalx 2-1977.

Tiếng Nhật Bản:

\*Bản in tại Tokyo - năm 1949.

Ngoài ra, có các bản dịch ra các thứ tiếng Rumani, Triều Tiên, Anbani, Italia, Ảrập, Miến Điện, Liên bang Xô Viết v.v... chưa tra cứu được cụ thể.

(Theo Thái Kim Đình, sách đã dẫn)

Tất nhiên là trong vấn đề dịch thuật cũng nảy ra nhiều chuyện mà giới học thuật phải quan tâm và cũng là những chuyện có thể thành ra giai thoại. Chỉ xin đưa vài ví dụ trong việc dịch ra tiếng Pháp.

Có thể vì nguyên tác *Truyện Kiều* ở phức âm sâu, hoặc bị hiểu sai, nên người dịch chuyển những ý tưởng, cảm xúc của tác giả ra một cách hiểu khác, đôi khi thành những nhầm lẫn đáng tiếc. Ngay những nhà học giả có uy tín, cũng có thể phạm những sai lầm này. Thí dụ như trường hợp Trương Vĩnh Ký. Bản Kiều của ông xuất bản sớm nhất, ông cũng là nhà học giả có uy tín cao, mà cũng có khá nhiều sai sót:

Câu: “Đề huê lưng túi gió trăng” được dịch thành: “Porter dans les bras et sur le dos le sac du vent et de la lune”.



Ông đã hiểu: lưng là cái lưng. Trong khi lưng túi lại có nghĩa khác.

Câu: “Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai” được dịch thành: “La tristesse est comme un bouton de fleur qui S’épanouit comme l’aurore du jour”. Ông đã hiểu mai là cây mai, thành ra mai là buổi mai, buổi rạng đông.

Song cũng có trường hợp, người dịch tỏ ra có dụng công và có góp phần sáng tạo. Như câu đầu của *Truyện Kiều*: “Trải qua một cuộc bể dâu”:

Xuân Việt và Xuân Phúc dịch đúng từng chữ:

“À travers tant de bouleversements - mers devenues champ du murier”.

Nguyễn Khắc Viện dịch hoàn toàn khác hẳn:

“L’océan gronde là où verdoyaient les muriers” (Đại dương gầm lên ở nơi xưa kia ngàn dâu xanh tốt).

Anh giải thích là phải dịch thế vì tinh thần câu thơ gợi ra trước mắt một hình ảnh, đưa đến một lo sợ kinh hoàng, một đau thương chất chứa, con người cảm thấy hoàn toàn bất lực trước những xáo trộn của thiên nhiên...

*(Theo sách Sao Khuê Ngân Hồng của Vũ Ngọc Khánh - NXB Văn hóa Thông tin năm 2001 Tr.116)...*

(Hoàng Khôi sưu tầm)

## TRUYỆN KIỀU - VỚI CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT KHÁC

\* Kịch nói, kịch thể hình chủ đề Kiều

- Năm 2012. Vở kịch Hình thể Nguyễn Du với Kiều do Lan Hương biên kịch, đạo diễn. Nhà hát Tuổi Trẻ dựng và dự Liên hoan quốc tế sân khấu thử nghiệm tại Hà Nội năm 2012.

- Năm 2017. Vở kịch “Kiều” Phạm Anh Tú đạo diễn, Nguyễn Hiếu chuyển thể kịch bản, do Nhà hát Kịch Việt Nam dựng.

- Năm 2019: Vở “Thân phận nàng Kiều” (vở kịch thơ kể bằng ngôn ngữ đặc sắc của nghệ thuật múa rối cạn) kịch bản Nguyễn Hiếu và Lê Chức đạo diễn Nguyễn Tiến Dũng chuyển thể và dàn dựng. Nhà hát Múa rối Việt Nam dựng.

- Vở “Nàng K...” (chứ không phải Nàng Kiều để tạo sự gọi mở mang ý nghĩa rộng hơn về thân phận của phụ nữ với góc nhìn từ phụ nữ tới đàn ông, từ Đông sang Tây, từ truyền thống tới hiện đại) do Viện Goethe tổ chức dự án “sân khấu thử nghiệm” diễn tại Nhà hát Tuổi trẻ. Gồm 4 vở kịch do các đạo diễn: Amélie Niermeyer (Đức), Trần Lực (đoàn kịch xã hội hóa LucTeam), Bùi Như Lai (Nhà hát Tuổi trẻ) và Hồng Vân (Sân khấu kịch Hồng Vân, TP HCM) thực hiện, mỗi vở kéo dài từ 25 - 30 phút.

- Vở Kịch thơ “Hoạn Thư ghen” Trần Tường đạo diễn, kịch bản Phương Văn, do Chi hội Kiều học Việt Nam TP Hải Phòng, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Hải Phòng và CLB Sân khấu “Biển Hẹn” dựng.

## \* Cải lương chủ đề Kiều

- Năm 1920. Gánh hát Cải lương Châu Văn Tú (Năm Tú) trình diễn lần đầu tiên ở Mỹ Tho, vở Kim Vân Kiều 1 cùng các liên ca “Kim Kiều hạnh ngộ”, “Viên Ngoại hàm oan”, “Kiều mộng Đạm Tiên”, “Tử Hài” của Trương Duy Toàn soạn.

- Năm 1958 - 1960. Hướng tới Lễ kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du (1765 - 1965). Vở “Kiều - Hoạn Thư ghen” dựng bởi Đoàn cải lương Hoa Mai. Vở “Thúy Kiều” của Việt Dung và Sĩ Tiến được Đoàn chuông vàng ở Hà Nội trình diễn hơn 1.000 đêm. Vở “Kim Kiều tái hợp” của Sĩ Tiến, vở “Kiều tái hồi Kim Trọng” do đoàn Cải lương Quyết Tiến (Bắc Thái) diễn trong những năm 1960.

- Năm 1993 - 1995, vở “Kiều” do Nhà hát Cải lương Hà Nội (với sự hợp nhất của hai đoàn Cải lương nổi tiếng là Kim Phụng và Chuông Vàng), tác giả Việt Dung, đạo diễn NSND Ngọc Dur. Và công diễn ở Thụy Sĩ 12 đêm liền năm 1995.

- Năm 2021. vở diễn “Nguyễn cầm ca - Kiều” được Nhà hát Cải lương Việt Nam dàn dựng, đạo diễn, NSND Hoàng Quỳnh Mai

## \* Ca kịch bài Chòi - Kiều

Có hai vở là “Kiều - Tử Hài” của tác giả Nguyễn Tường Nhân, và “Ngàn thu vọng mãi” Lưu Trọng Lư. Cả hai vở đều do Đoàn ca kịch Liên khu 5 biểu diễn.

## \* Chèo Kiều

Sân khấu chèo vẫn còn lưu giữ được những băng hình trích đoạn như Tú Bà đánh Kiều diễn ở miền Bắc những năm 1950. Năm 2015, vở Hoạn Thư ghen do nhà biên kịch Phương Văn soạn, được chuyển thể chèo diễn ở chiếu chèo làng Chuông (Ninh Giang - Hải Dương) do Hội Kiều học đồng tổ chức.

## \* Ballet Kiều

Năm 2020. Ballet Kiều là vở ballet đầu tiên chuyển thể từ Truyện Kiều kết hợp múa ballet châu Âu. Chỉ đạo nghệ thuật, Ứng Duy Thịnh. Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam và HBSO (Nhà hát Giao hưởng Nhạc Vũ kịch TPHCM) thực hiện.

## \* Điện ảnh Kiều

- **Phim Kim Vân Kiều:** Truyện Kiều cũng đã bước vào điện ảnh rất sớm. Bộ phim Kim Vân Kiều do hãng phim và chiếu bóng Đông Dương (Indochine films et cinémas) của Pháp quay tại Hà Nội và làm hậu kỳ ở Pháp. Diễn viên do Đoàn tuồng Quảng Lạc ở Hà Nội thực hiện. Chúng ta biết rằng, điện ảnh thế giới ra đời năm 1885, nhưng phim truyện trên thế giới cũng chỉ mới xuất hiện sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) Ngày 19-9-1924 phim Kim Vân Kiều được công chiếu buổi đầu tiên tại rạp Casino ở Sài Gòn.

- **Phim Sài Gòn nhật thực** (2007, của đạo diễn Othello Khánh) có Trương Ngọc Ánh



vào vai Kiều. Phim đưa nhân vật vào thời hiện đại, là một nữ diễn viên nổi tiếng nhưng vẫn rơi vào cảnh bán mình để trả nợ cho gia đình. Các nhân vật Kim, Trọng Hải, bà Tú... được cải biên từ Kim Trọng, Từ Hải, Tú bà...

- **Phim Kiều @:** (2021) mượn danh *Truyện Kiều* nhưng thực chất là chuyển thể từ vở cải lương *Nửa đời hương phấn*. Trên thực tế, *Nửa đời hương phấn* cũng là tác phẩm lấy cảm hứng từ *Truyện Kiều*.

- **Phim Kiều:** (2021) Kiều là một bộ phim điện ảnh cổ trang của Việt Nam do Mai Thu Huyền sản xuất và đạo diễn, được lấy cảm hứng từ tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Nội dung xoay quanh câu chuyện tình cảm tay ba giữa các nhân vật Thúy Kiều, Thúc Sinh và Hoạn Thư.

- **Phim tài liệu nghệ thuật Đại thi hào Nguyễn Du:** (2021). Phim do CTCP Không gian văn hóa Việt Media sản xuất. Phạm Xuân Mừng làm chủ đầu tư, đạo diễn Nguyễn Văn Đức, Biên kịch Trần Đình Tuấn chủ biên.

- **Tem Nguyễn Du & Truyện Kiều:**

- Tem được phát hành vào năm 1965. Kỷ niệm 200 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 1820)

- Tem được phát hành vào năm 2015 dịp kỷ niệm 250 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du. Đến năm 2015, Quyết định bổ sung bộ tem “Kỷ niệm 250 năm sinh Nguyễn Du (1765 - 1820)” gồm 1 mẫu tem vào Chương trình phát hành tem bưu chính năm 2015 đã được Thứ trưởng Bộ TT&TT Nguyễn Thành Hưng ký ban hành ngày 21/7/2014. Quyết định nêu trên được Bộ TT&TT ban hành trên cơ sở xem xét đề xuất của Hội Kiều học Việt Nam. Hội Kiều học Việt Nam là đơn vị tư vấn (Trần Đình Tuấn là tư vấn chính) cho Bộ tem “Kỷ niệm 250 năm sinh Nguyễn Du (1765 - 1820)” phát hành 05/12/2015 gồm 01 mẫu tem và 01 block do họa sỹ Nguyễn Du (Tổng công ty Bưu điện Việt Nam) thiết kế với khuôn khổ tem 32 x 43 mm, block 90 x 90 mm.

(Trần Đình Tuấn *khảo cứu*)

## TRUYỆN KIỀU DO HỘI KIỀU HỌC VIỆT NAM HIỆU KHẢO

Cuốn *Truyện Kiều* do Hội Kiều học Việt Nam hiệu khảo được Nhà xuất bản Trẻ xuất bản năm 2015 nhân Lễ kỷ niệm và vinh danh 250 năm sinh Đại thi hào Nguyễn Du, danh nhân văn hóa thế giới. Đây là công trình khoa học đầu tiên sau 4 năm thành lập Hội, do các nhà nghiên cứu của Hội đồng biên soạn gồm: Phó giáo sư Nguyễn Văn Hoàn, cố Chủ tịch Hội, Giáo sư - TSKH Trần Đình Sử làm Trưởng ban, Nhà giáo, Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Khôi là Thư ký khoa học, Nhà Hán Nôm Nguyễn Thế Anh, Nhà văn bản học Nguyễn Khắc Bảo, Nhà thơ Vương Trọng, Nhà giáo Hoàng Xuân Khóa, Phó Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Hữu Sơn là thành viên.

Sách có Lời nhà xuất bản, Lời nói đầu, Dẫn nhập, Tiểu sử và niên biểu Nguyễn Du; phần văn bản gồm bản chữ Nôm, chữ quốc ngữ latin, có Phụ lục với một số bài Tựa nổi tiếng, một số văn bản liên quan với việc UNESCO quyết định vinh danh Nguyễn Du và *Truyện Kiều*. Trong những đóng góp đáng ghi nhận của cuốn sách, phải kể đến những hiệu đính cần thiết của Ban Biên soạn.

Đến nay, sau 10 năm, sách đã được tái bản 6 lần, gần nhất là năm 2026, nhân ngày giỗ lần thứ 205 năm của Cụ. Sách phát hành mỗi lần 1000 cuốn. Điều đó khẳng định tác phẩm đã được thời gian và bạn đọc kiểm chứng.

## BÀI ĐỀ TỪ TRUYỆN KIỀU CỦA ĐOÀN NGUYỄN TUẤN

Có thể xem bài đề từ đầu tiên cho *Truyện Kiều* là Bài Đề từ *Truyện Kiều* của Đoàn Nguyễn Tuấn (là anh vợ và cũng là người gắn bó văn chương với Nguyễn Du).

Bài văn rất kiệm lời nhưng rất hoa mỹ và đầy cảm thông với tác giả. Xin ghi lại:

Từ đàn lệ ngữ  
Duyên các kiêu tình  
Kiến kiếm bất kiến nhân  
Thần hồ kỳ hĩ  
Thái hoa nhường mật  
Tân khổ vi thù  
Thi phong khởi ngữ  
Diệc lãnh đổ ngữ.

Đoàn Nguyễn Tuấn

Tạm dịch:

Lời mỹ lệ chốn văn đàn  
Tình hay nơi lầu gác  
Thấy kiếm chẳng thấy người  
Thần kỳ như võ thuât  
Hái hoa để ủ mật  
Khổ sở biết vì ai  
Cát lời văn nổi gió  
Đổ kỹ phải chịu lời

Nguyễn Tiến Đoàn (dịch).



*Sưu tầm (Hội Kiều học Việt Nam, Truyện Kiều, Nguyễn Du, NXb Trẻ)*





## ẢNH THÔNG TIN THỜI SỰ

(Nguồn: Ban Truyền thông TW Hội và các đơn vị trực thuộc Hội gửi)



Ban Chấp hành nhiệm kỳ III ra mắt Đại hội (Ngày 27/3/2025)



Ban Tổ chức Đại hội III gặp mặt sau Đại hội (15/4/2025)



Hội nghị Ban Chấp hành nhiệm kỳ III tổng kết năm 2025





Hội nghị Ban Thường vụ (buổi họp định kỳ)



Đại diện Hội Kiều học Việt Nam kính lễ



Bên Lăng mộ Nguyễn Du



Lãnh đạo Hội làm việc và tặng sách cho Ban lãnh đạo xã Dân Hoà, Hà Nội - quê hương cội nguồn Nguyễn Du.





Lãnh đạo Hội toạ đàm phối hợp hoạt động với đại diện Hội đồng Gia tộc họ Nguyễn tại Tiên Điền, Hà Tĩnh



Giao lưu cùng lãnh đạo Sở VH-TT&DL (đại diện UBND tỉnh Hà Tĩnh) sau buổi toạ đàm phối hợp hoạt động giữa Hội Kiều học Việt Nam với Tỉnh Hà Tĩnh



Đại diện lãnh đạo Hội trao đổi phối hợp hoạt động nghiên cứu khoa học với Viện Hà Nội học và Đào tạo quốc tế Trường Đại học Thủ đô Hà Nội



Hội Kiều học VN - Viện Danh nhân VN - Hội đồng Gia tộc Nguyễn Du đồng tổ chức Toạ đàm khoa học về sử dụng dấu câu cho Truyện Kiều



Chi hội Kiều học Hà Nội tổ chức Đại hội Nhiệm kỳ II (2025-2030).





*Đại hội thành lập Chi hội Kiều học Nhà giáo tại Hà Nội*



*Đại hội thành lập Chi hội Kiều học Khu vực Cần Thơ (tại Sóc Trăng)*



*Lễ ra mắt Chi hội Kiều học Lục bát Bích Câu Hà Nội (trên cơ sở CLB thơ lục bát Vàng trắng Ba Đình)*





Lãnh đạo Hội làm việc tại Văn phòng đại diện Hội tại Bắc Ninh



Lãnh đạo Hội làm việc với Chi hội Kiều học Hải Phòng và thăm nơi thờ tự Nguyễn Du trong gia đình ông Cù Huy Bình tại Thủy Nguyên Hải Phòng

Đại diện lãnh đạo Hội trao bằng Vinh danh trọn đời cho NGND-GS Nguyễn Đình Chủ thành viên sáng lập Hội, Ủy viên Ban Chấp hành TW Hội khoá I, nhà khoa học có nhiều công trình nghiên cứu văn hoá Nguyễn Du-Truyện Kiều.







*Đại diện lãnh đạo Hội làm việc với Văn phòng đại diện Hội tại Ninh Bình và trao Bằng vinh danh cho Cụ Phạm Ngọc Đẩu (97 tuổi), hội viên xuất sắc tại Ninh Bình*



*Lễ truy tặng Bằng Vinh danh Cụ Phạm Văn Khoát, nguyên Trưởng Văn phòng đại diện Hội tại Đồng Nai, Chủ nhân Vườn Thủy Kiều tại Đồng Nai*



*Nhân Kỷ niệm 260 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du, TW Hội đã cử Báo cáo viên về Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du tại Tiên Điền (Hà Tĩnh) và Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du xã Dân Hoà (Hà Nội) nói chuyện “Nguyễn Du và Truyện Kiều” cho hàng trăm giáo viên và học sinh.*

*Chương trình Truyền hình Quốc phòng Việt Nam (VTV) phỏng vấn đại diện lãnh đạo Hội về việc quảng bá tinh hoa văn hoá Nguyễn Du và Truyện Kiều*







Hội đồng Gia tộc Nguyễn Tiên Điền vinh danh đợt 2. 2026 cho người có nhiều đóng góp tôn vinh Nguyễn Du



Liên hiệp các CLB Thơ lục bát ra mắt tập 10 thơ lục bát Việt Nam và trao Giải thơ lục bát hay năm 2025.



Hội Kiều học tỉnh Nghệ An sinh hoạt định kỳ



Chi hội Kiều học Hà Nội: Hội thảo khoa học về Cội nguồn Tổ tiên Danh nhân Văn hoá thế giới, Đại thi hào Nguyễn Du.



Chi hội Kiều học Vũng Tàu - TP Hồ Chí Minh tổng kết năm 2025



Văn phòng đại diện Hội tại Ninh Bình tổ chức Lễ kỷ niệm 260 năm ngày sinh Nguyễn Du





*Chi hội Kiều học Hải Dương (Hải Phòng) trình diễn thử nghiệm các trích đoạn Chèo Truyện Kiều - Nguyễn Du*



*Nhóm nhà văn Hàn Quốc gặp gỡ Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam và một số nhà văn Hội Nhà văn Việt Nam.*



*Ban Biên tập báo cáo Chủ tịch Hội kết quả biên soạn cuốn Kiều học Việt Nam số 1 - Bộ mới*



Cụ Phạm Ngọc Đẩu, Hội viên xuất sắc Ninh Bình vừa được TW Hội tặng Bằng vinh danh, đã tài trợ cho Tập Kiều học Việt Nam số 1 (bộ mới)



Ông Phạm Đức Thế (Lợi).  
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, người yêu thích Truyện Kiều, đã tài trợ cho Tập Kiều học Việt Nam số 1 (bộ mới)



Minh họa Bìa Truyện Kiều  
(Nguyễn Vũ Trương Chiềng  
biên soạn, hiệu khảo)  
NXb Thanh Niên, 2022



## HỘP THƯ

**T**hực hiện kế hoạch công tác Hội, Ban Thường vụ Hội Kiều học Việt Nam đã chỉ đạo Ban Biên tập Tập san Kiều học Việt Nam (bộ mới) với sự cộng tác của nhiều tác giả trong và ngoài Hội, nhằm phản ánh các hoạt động nghiên cứu, quảng bá tinh hoa văn hoá Nguyễn Du - Truyện Kiều - các tác phẩm văn chương khác, của hội viên Hội Kiều học Việt Nam, các nhà khoa học và những người yêu quý Đại thi hào Nguyễn Du - Truyện Kiều trong và ngoài nước.

Ban biên tập đã nhận được bài, tin, ảnh của nhiều tác giả hội viên Hội Kiều học Nghệ An, Văn phòng đại diện Hội tại Ninh Bình, Chi hội Kiều học lục bát Bích Câu, Chi hội Kiều học Hà Nội, Chi hội Kiều học Hải Phòng, Chi hội Kiều học Hải Dương (Hải Phòng), Chi hội Kiều học và Văn phòng đại diện Hội tại Đồng Nai, Chi hội Kiều học Vũng Tàu (TP Hồ Chí Minh), Chi hội Kiều học các trường đại học TP Hồ Chí Minh, Chi hội Kiều học khu vực Cần Thơ, Chi hội Kiều học Nhà giáo Hà Nội, Liên hiệp các CLB thơ lục bát Việt Nam... cùng nhiều cộng tác viên. Đồng thời Ban Biên tập cũng nhận được sự tài trợ của một số người yêu kính Nguyễn Du Truyện Kiều, góp phần thuận lợi cho việc ấn loát tập san. Trân trọng cảm ơn các tác giả, các cộng tác viên, các nhà hảo tâm và các đơn vị.

Do quy định về dung lượng và tính thử nghiệm của tập san Kiều học Việt Nam (bộ mới) số 1/6/2026, nên một số bài, tin chúng tôi đã nhận sẽ được nghiên cứu, lựa chọn, sử dụng phù hợp theo chuyên đề trong các số sau.

Rất mong nhận được nhiều bài, tin, ảnh hoạt động của hội viên, cộng tác viên, cùng những đóng góp bổ sung, xây dựng để chất lượng của các tập san Kiều học Việt Nam ngày một tốt hơn. Trân trọng!

BAN BIÊN TẬP



“Hội Kiều học Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của Việt Nam hoạt động liên quan đến *Truyện Kiều* và công dân Việt Nam là các nhà nghiên cứu, những người yêu mến *Truyện Kiều* thuộc các ngành, từ văn học nghệ thuật đến khoa học xã hội, khoa học tự nhiên nhằm phát huy trí tuệ tập thể trong việc nghiên cứu và phổ cập kiến thức khoa học chuyên ngành lấy *Truyện Kiều* làm đối tượng nghiên cứu là ngành Kiều học, phát huy mọi giá trị và tinh hoa về văn học nghệ thuật, về văn hóa xã hội được kết tinh, hội tụ trong *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du để tôn vinh giá trị và bảo tồn di sản văn hóa quý giá của dân tộc Việt Nam”.

(Điều 2. Tôn chỉ, mục đích - Điều lệ Hội Kiều học Việt Nam, theo Quyết định số 846/QĐ-BNV, ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)



Cuốn *Truyện Kiều* do Hội Kiều học Việt Nam hiệu khảo được Nhà xuất bản Trẻ xuất bản năm 2015. Đến nay, sau 10 năm, sách đã được tái bản 6 lần, gần nhất là năm 2026, nhân ngày giỗ lần thứ 205 năm của Cụ. Sách phát hành mỗi lần 1000 cuốn.